



**MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA
TÂM KINH**

TỶ KHEO THÍCH TUỆ HẢI

PL.2563-2019

MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA
TÂM KINH

(Tái bản lần 2)

TỶ KHEO THÍCH TUỆ HẢI

PL.2563-2019

**Sắc
ấy
chính
là
sắc
thì
sắc
tức
thị
không**

**Không
ấy
chính
là
không
thì
không
tức
thị
sắc**

TỶ KHEO THÍCH TUỆ HẢI

- ❖ **Sinh năm 1968, tại Bến Tre**
- ❖ **Xuất gia tu học tại Thiền viện Thường Chiếu (1986 - 1994)**
- ❖ **Trụ trì Chùa Long Hương, xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai từ 1994 đến nay**
- ❖ **Ủy viên Ban Hoằng Pháp Trung ương nhiệm kỳ 2012 – 2017; 2017 – 2022**

Điện thoại: 0251 8600 258

Di động: 0911 258 258

Email: tykheo.thichtuehai@yahoo.com

Website: www.chualonghuong.org

www.quynguyen.org

www.quynguyen.com



SƠ LƯỢC TIỂU SỬ TỖ KHEO THÍCH TUỆ HẢI

Thầy **Thích Tuệ Hải**, thế danh: **Đình Kim Nga**, sanh năm 1968 tại xã Long Thới, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Thầy được sanh ra trong gia đình có 7 anh chị em, Thầy là người con út. Gia đình vốn là một điền chủ. Một điều rất lạ là mảnh đất nơi Thầy sanh ra là một nơi linh địa, trong thời chiến tranh những lúc bom đạn xảy ra thì mọi người ở khu vực gần đó đều chạy đến mảnh đất của nhà Thầy ẩn náu thì được an toàn, bom đạn không dội tới.

Có một biến cố xảy ra, người cha buông xuôi sự nghiệp nên gia đình lâm vào cảnh khó khăn. Hai người anh của Thầy thấu hiểu được thời thế vô thường nên phát tâm xuất gia; sau đó chị gái của Thầy cũng xuất gia.

Từ thuở ấu thơ Thầy vốn là một người con rất hiếu thảo với cha mẹ. Từ khi sáu tuổi Thầy đã biết nấu cơm, theo mẹ buôn bán, ... để phụ giúp gia đình. Tối về tận tụy thương yêu hầu hạ cha già, một lòng phụng sự theo ý muốn của cha mình; chưa từng có nửa ý niệm chống trái. Thầy nói: “Thầy đã được dày công dạy dỗ

từ thuở bé nên mới có ý chí kiên cường vượt qua những khó khăn thử thách trong cuộc sống cho đến ngày hôm nay”.

Còn Mẹ Thầy là một phụ nữ siêu tuyệt, nhân hoà và từ ái, ... Thầy cũng từng nói: “khắp thế gian này khó có người phụ nữ nào đức hạnh tuyệt vời như Mẹ của Thầy”. Một đời tận tụy hy sinh cho gia đình và đến năm 1993 mẹ của Thầy đã xuất gia tu học tại Thiên viện Tuệ Không.

Vốn là một người có thiện căn lớn với Phật Pháp, năm lên bảy tuổi lần đầu tiên được nhìn thấy hình tượng của Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Thầy đã bị chấn động và đứng chết lặng trong trạng thái thiền định trước tượng Phật gần tám tiếng đồng hồ. Lúc đó Thầy thấy rõ tất cả mọi thứ diễn ra chung quanh mình, mọi người thấy vậy không ai dám làm động cho đến khi Thầy tự rời định.

Năm 1985 Thầy bị bệnh nặng nên nghiên cứu về phương pháp dưỡng sinh của Tiên sinh G.Ohsawa. Thầy chỉ ăn dưỡng sinh trong vòng 21 ngày là đạt tới cảnh giới số 7, cảnh giới quân bình âm dương như Tiên sinh đã nói, khi đó tất cả tật bệnh đều biến mất. Thầy ở trạng thái thân tâm rộng lạng phúc lạc vô biên suốt bảy ngày bảy đêm.

Khi mới vào đến lớp 10, có lần Thầy đi bộ đến trường, vừa đi vừa niệm Phật rơi vào cảnh giới tâm hoàn toàn rỗng lặng, chỉ còn câu niệm Phật hiện tiền và đi trong mưa khoảng 5km mà không bị ướt người và tập vở, cho đến khi ngồi vào lớp học trước sự ngỡ ngàng của bạn bè và thầy cô giáo thì lúc ấy Thầy mới hồi ức lại là mình đã đi trong mưa mà không hề bị ướt.

Khoảng cuối lớp 10, một điều xảy ra là Thầy đang chạy xe đạp, vừa chạy vừa niệm Phật, lúc ấy chạy qua cây cầu khi bằng một cây tre bắc ngang qua kênh, sau khi qua cầu Thầy mới hồi phục ý thức lại, không biết mình chạy bằng cách nào mà qua được cây cầu khi ấy.

Cũng vào năm đó, lúc còn là học sinh khi nghe thầy giáo giảng đề tài “Vạn vật chuyển vận trong không gian” Thầy đã ngộ lý vô thường và nung nấu chí nguyện xuất gia. Mãi đến đầu năm 1986 Thầy đã từ giả cuộc sống đời thường đến Thiền viện Thường Chiếu xin công quả xuất gia tu học.

Đến ngày mùng 8 tháng 12 năm 1986, ngày lễ Đức Phật thành đạo thì Thầy được chính thức xuất gia tại Thiền viện Thường Chiếu. Hòa Thượng Bổn Sư là thượng Thanh hạ Từ cho pháp danh là Thích Tuệ Hải.

Sống trong Tăng đoàn được phân công tác là trồng rau cuốc đất, nhưng ý chí xuất trần mãnh liệt,

quyết tâm phá vỡ sanh tử thể nhập chân lý. Trải qua nhiều ngày tháng, thao thức ngày càng mãnh liệt, cho đến ngày 7 tháng 7 năm 1997, khi nghe Hoà Thượng Ân Sư giảng Trung Quán Luận đến câu: “Không thọ là Niết Bàn” thì ngay khi ấy Thầy liền dứt bật tất cả những hiểu biết xưa nay, thân tâm rỗng suốt, thông thấu tất cả những duyên trần không phải là thân căn trước đây. Kể từ đó, Thầy thấu hiểu được chân lý không còn nghi ngờ lời Phật Tổ nữa, từ cái thấy biết vượt thoát mọi khuôn sáo, đời sống trở nên ung dung nhẹ nhàng. Ngay khi đó Thầy cảm tác bài kệ nói về sức sống hiện tại của mình:

*Từ nay vui sống ung dung
Rõ ràng mỗi mỗi nơi duyên chẳng làm
Chẳng làm chẳng lộn chẳng sai
Rõ ràng chỉ vậy chẳng sao nói lường.*

Ngày 12 tháng 7 năm 1994 được sự chỉ dạy của Ân sư là Hoà Thượng thượng Thanh hạ Từ cử Thầy về Trụ trì Chùa Long Hương, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai cho đến ngày nay.

Ngoài việc hoằng dương chánh Pháp lợi lạc quần sanh, Thầy còn là một vị lương y cứu giúp cho nhiều người bệnh hiểm nghèo, hướng dẫn cho mọi người có đời sống cân bằng thân tâm để khai mở trí huệ, thấu

hiểu trật tự thể vũ trụ, đạt được tự do vô biên, công bằng tuyệt đối và phúc lạc cùng tận.

Thầy đã thuyết những bộ Kinh: Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Kim Cang, Bát Nhã v.v... và các Kinh về Thiên tông, Tịnh độ cũng như các Kinh điển của Phật giáo Nguyên Thủy. Tất cả đều thể hiện tính chung nhất của đạo Phật. Tâm nguyện lớn nhất của Thầy là muốn cho tất cả các tông phái của đạo Phật có cái nhìn nhất quán đúng với tinh thần giác ngộ giải thoát như lời Đức Phật dạy: “Trăm sông đều chảy về biển cả, biển chỉ có một vị mặn, giáo pháp của Ta chỉ có một vị duy nhất là giải thoát mà thôi”.



I. LỜI TỰA

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính thưa quý đọc giả!

Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh đã nói lên tất cả trí tuệ tối thượng, tối thắng, toả sáng khắp pháp giới mười phương, là trí tuệ sáng suốt viên mãn tròn đầy. Hành giả nào hoà nhập vào trí tuệ Bát Nhã là vượt thoát tất cả khổ ách. Chư Phật ba đời cũng hoà nhập vào trí tuệ Bát Nhã mà đạt đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Như vậy có trí tuệ Bát Nhã là chấm dứt tất cả khổ sinh tử. Tất cả vô minh tăm tối đều được biến mất khi Bát Nhã hiện ra. Có trí tuệ Bát Nhã là thành tựu đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thế nên bản kinh Bát Nhã này quả là tối tôn tối thắng, là tối thượng, là quan trọng hơn tất cả sự quan trọng đối với người con Phật.

Rất mong tất cả những ai có duyên đọc được quyển sách này đều hoà nhập được trí tuệ Bát Nhã để thành tựu được đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ngay trong đời này. Rất mong thay!

Cuốn sách này là do Ban Biên Tập ghi lại những lời giảng của chúng tôi. Ban Biên Tập đã cố gắng hết sức của mình nhưng không sao tránh khỏi những sơ sót rất mong quý đọc giả và những bậc cao minh nhận thấy có sơ xuất lỗi lầm, xin từ bi chỉ giáo, để lần sau tái bản được hoàn thiện hơn.

Chân thành cảm ơn Quý đọc giả!

Tỳ kheo Thích Tuệ Hải

II. CHÁNH VĂN

MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

Quán Tự Tại Bồ Tát, hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhứt thiết khổ ách.

Xá Lợi Tử! Sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc. Thọ, tưởng, hành, thức, diệp phục như thị.

Xá Lợi Tử! Thị chư pháp không tướng, bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm. Thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức; vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; vô nhãn giới, nãi chí vô ý thức giới, vô vô minh, diệp vô vô minh tận, nãi chí vô lão tử, diệp vô lão tử tận; vô Khổ, Tập, Diệt, Đạo; vô trí diệp vô đắc.

Dĩ vô sở đắc cố, Bồ Đề tát đỏa y Bát Nhã Ba La Mật Đa cố, tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng cứu cánh Niết Bàn. Tam thế Chư Phật y Bát Nhã Ba La Mật Đa cố, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Cô tri Bát Nhã Ba La Mật Đa, thị Đại thần chú, thị Đại minh chú, thị Vô thượng chú, thị Vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhứt thiết khổ, chơn thiệt bất hư.

Cố thuyết Bát Nhã Ba La Mật Đa chú, tức thuyết chú viết: Yết đế yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, Bồ Đề tát bà ha.



DỊCH NGHĨA

MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

Khi Bồ Tát Quán Tự Tại hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa, Ngài soi thấy năm uẩn đều không, liền qua hết thấy khổ ách.

Này Xá Lợi Phất! Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc, sắc tức là không, không tức là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế.

Này Xá Lợi Phất! Tướng Không của các pháp, không sanh, không diệt, không như, không sạch, không thêm, không bớt. Cho nên trong *Tướng Không* không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức; không có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không có nhãn giới, cho đến không có ý thức giới; không có vô minh cũng không có hết vô minh, cho đến không có già chết cũng không có hết già chết; không có Khổ, Tập, Diệt, Đạo, không có trí huệ cũng không có chứng đắc.

Vì không có chỗ được, nên Bồ Tát y theo Bát Nhã Ba La Mật Đa tâm không ngăn ngại. Vì không ngăn ngại nên không sợ hãi, xa hẳn điên đảo mộng tưởng, đạt đến cứu cánh Niết Bàn. Chư Phật trong ba đời cũng nương Bát Nhã Ba La Mật Đa được đạo quả Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Nên biết, Bát Nhã Ba La Mật Đa là đại thần chú, là đại minh chú, là vô thượng chú, là vô đẳng đẳng chú, hay trừ được hết thảy khổ, chân thật không dối.

Vì vậy nói chú Bát Nhã Ba La Mật Đa, liền nói chú rằng: Yết đế yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, Bồ Đề tát bà ha.



III. Ý NGHĨA TỰA KINH

MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

Bát Nhã Tâm Kinh là một bản Kinh nói về tâm, nói về trí tuệ siêu việt tối thượng được rất nhiều nhà chú giải, nhất là trong hệ thống tu Thiên, các Thiên viện cũng lấy bản Kinh này làm thời khóa tu tập, đồng thời cũng ăn sâu vào đời sống của người tu Phật. Ngay cả trong võ đạo, kiếm đạo người ta cũng lấy tên của Bát Nhã như Bát Nhã kiếm v.v... Có nghĩa bản kinh Bát Nhã đã được giới tu Phật rất coi trọng.

“Bát Nhã Tâm Kinh” nơi khác người ta gọi là “Bồ Khuyết Tâm Kinh”. Gần như tất cả nghi thức tụng niệm nào, ở đâu, trong tất cả các hệ phái cũng đều lấy kinh Bát Nhã tụng sau cùng. Vì người ta lý luận rằng, sợ trong lúc mình tụng Kinh còn sai sót chữ, hoặc tụng lộn, thì tụng Bát Nhã sẽ bồ khuyết và làm cho công đức thời Kinh được trọn vẹn. Giá trị kinh Bát Nhã rất lớn và rất gần gũi trong sinh hoạt tu tập của người con Phật. Như ở nước Nhật, Tăng Ni và Phật tử đã ứng dụng được tinh thần Bát Nhã này vào đời sống tu tập

và sinh hoạt đời thường. Đối với người tu Thiền ai ai cũng thâm nhập hai từ Bát Nhã. Nếu bàn luận về chuyên môn của đạo Phật, mà không thông thấu được Bát Nhã thì người đó không phải là người chuyên môn trong Phật đạo.

“Kinh Bát Nhã” nằm trong “Đại Bộ Bát Nhã” hơn 600 quyển, được ngài Huyền Trang dịch từ tiếng Phạn sang tiếng Trung Hoa. Sau sáu năm tu học tại trường đại học Nalanda, Ngài nhận được bản Kinh này. Khi về tới Trung Hoa, Ngài bắt đầu dịch sang tiếng Trung Hoa vào năm 649, tức là vào thế kỷ thứ bảy, tại chùa Từ Ân. (Theo Bách khoa toàn thư mở - <https://vi.wikipedia.org>).

Toàn bộ kinh Bát Nhã chỉ có 260 (*hai trăm sáu mươi*) chữ. Trong hai trăm sáu mươi chữ này hết sức ngắn gọn, súc tích. Tóm thâu toàn bộ tinh thần của Đại Bộ Bát Nhã và nói lên những điều trọng yếu nhất, chuyên sâu nhất. Nếu bây giờ chúng ta hiểu bản kinh Bát Nhã, thì chúng ta sẽ thông hiểu được Đại Bộ Bát Nhã. Còn chúng ta đọc hết Đại Bộ Bát Nhã hơn sáu trăm quyển, chúng ta mới rút tĩa được kiến thức và hiểu biết về Bát Nhã ngang bằng với bản Tâm Kinh này.

IV. GIẢI THÍCH TÊN KINH

Tựa này để nguyên âm tiếng Phạn là **Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa** và có hai từ chữ Hán là **Tâm Kinh**. Do nghĩa lý quá sâu rộng cho nên để nguyên âm tiếng Phạn mà không dịch ra tiếng Hán. Cuối cùng âm Hán trong đề tựa này chỉ là hai chữ **Tâm Kinh** mà thôi.

Ma Ha là tiếng Phạn, dịch ra chữ Hán là đại, tiếng Việt nghĩa là lớn. **Bát Nhã** dịch là trí tuệ. **Ba La Mật Đa** có nghĩa là đến bờ kia, gần đây có bản khác dịch là cứu cánh. Như vậy nghĩa của đề tựa **Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa** được dịch là trí huệ rộng lớn cứu cánh, hoặc là trí huệ rộng lớn sang bờ bên kia.

Trong nhà Thiền có câu: Từ cửa thứ nhất mà vào thì cùng Phật tổ làm thầy trời người, từ cửa thứ hai mà vào thì xứng được trời người cúng dường, từ cửa thứ ba mà vào thì tự cứu không xong. Nếu chúng ta nghe qua lời tựa Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa mà ngộ được bản tâm thì xứng đáng làm thầy trời người.

Trong hệ thống kinh Nguyên Thủy không nói tới phóng quang chớp mắt giống như Kinh điển Đại Thừa. Như kinh Pháp Hoa, trước khi Đức Phật nói Kinh thì Đức Phật từ nơi tướng lông trắng giữa chạn mày phóng ra luồng hào quang chiếu khắp cả một muôn tám nghìn

cõi ở phương Đông, dưới thời chiếu đến địa ngục A Tỳ, trên suốt bầu trời Sắc Cứu Cánh. Chúng ở cõi này đều thấy cả sáu loài chúng sanh ở các cõi kia. Lại thấy các Đức Phật hiện tại nơi các cõi kia và nghe Kinh Pháp của các Đức Phật ấy nói. Cùng thấy nơi các cõi kia, các hàng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, cận sự nam, cận sự nữ, những người tu hành đấng đạo. Lại thấy các vị Đại Bồ Tát dùng các món nhân duyên, các lòng tín giải, các loại tướng mạo mà tu hành đạo Bồ Tát. Lại thấy các Đức Phật nhập Niết Bàn, lại thấy sau khi các Đức Phật nhập Niết Bàn, đem xá lợi của Phật mà dựng tháp bằng bảy báu.

Nếu từ chỗ phóng luồng hào quang giữa chặn mày chưa có ngôn ngữ mà chúng ta thể nhận được thì người đó xứng là thầy của trời người.

Kinh Bát Nhã cũng vậy, lời tựa **Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa** âm tiếng Phạn được người Trung Hoa dịch là **Tâm Kinh**, là bản Kinh nói về “Tâm”. “Ma Ha” có nghĩa là lớn, là trí huệ, là đáo bỉ ngạn (sang bờ kia), tuy ba nghĩa mà chỉ có một thôi. Ngay chỗ “Ma Ha”, ngay chỗ “Bát Nhã”, ngay chỗ đáo bỉ ngạn mà chúng ta thấu thoát được thì không cần phải học phần trong, gọi là ngay cửa thứ nhứt mà chúng ta vào.

“Ma Ha” lớn như thế nào? Những vật nhỏ như cây kim, sợi chỉ, cọng tóc, hạt cát; vật lớn như cái nhà,

núi Tu Di, trong đầu chúng ta vẫn còn cái lớn và nhỏ thì thực sự cái đó chưa phải là lớn. Cái lớn này không thể dùng tâm thức có thể so sánh được. Nó vượt ngoài tất cả những tưởng tượng, so sánh mới thực sự là lớn. Cái lớn đó chỉ với trí tuệ thực sự vượt thoát hai bên chúng ta mới có thể thông cảm và hiểu được. Trí tuệ đó không do học hiểu và so sánh, phải là trí tuệ vượt thoát bờ kia sanh tử, nằm ngoài so sánh phân biệt của ý thức, thì chúng ta mới đủ sức hiểu được cái lớn này.

Nhưng khi hiểu như vậy rồi, chúng ta vẫn còn ở bờ bên đây thì chúng ta không hiểu được cái lớn này, không hiểu được trí tuệ này, dù chúng ta có học hiểu đến đâu, chúng ta có thuộc hết Kinh điển Đức Phật nói, thì cái hiểu đó chỉ như ánh sáng của con đom đóm, không thể so sánh được với trí vô sư như ánh sáng mặt trời. Đức Phật nói nếu như chúng ta còn dựa vào tiền trần để thấy hiểu, thì cái thấy hiểu đó thuộc về bên đây bờ tâm thức. Cái hiểu đó Đức Phật ví như con muỗi ra giữa biển lấy chân chấm xuống nước chỉ ướt có một chút tí, còn trí tuệ Bát Nhã như biển mênh mông nên chúng ta không thể so sánh được. Những hiểu biết và tưởng tượng của chúng ta về Bát Nhã, nhiều nhất chỉ như một tí nước dính trên đầu ngón chân con muỗi mà thôi. Đối với người thâm nhập Phật đạo, thì thấy tất cả kiến thức thế gian cũng giống như giọt nước giữa đại dương mênh mông.

Ngài Ngô Thừa Ân diễn tả con khỉ Tề Thiên sau khi quậy phá thiên đường không ai có thể ngăn cản nó được. Lúc đó Phật tổ Như Lai hiện ra đưa bàn tay cho nó bay qua. Con khỉ cân đầu vẫn bay ngút ngàn trên năm ngọn núi Ngũ Hành Sơn, nó sợ về nói lại với Phật tổ Ngài không tin nên nó bứt một cọng lông đuôi cột đó, rồi tiểu một vũng nước tiểu làm dấu, xong rồi bay về trình Phật tổ Như Lai là tôi đã bay qua năm ngọn núi và có làm dấu chỗ đó. Phật Tổ không nói câu nào, úp bàn tay xuống. Con khỉ bị đè dưới núi Ngũ Hành Sơn tới năm trăm năm.

Đoạn này Ngô Thừa Ân diễn tả rất khéo léo, rất nhẹ nhàng, nhưng cũng rất là đau cho những người đã từng có sở chứng sở đắc, đã từng có kinh nghiệm và kiến thức. Ngài nói rằng tất cả những hiểu biết, những kiến thức, những tri kiến, sở chứng, sở đắc ở trần gian này, không có gì khác hơn cọng lông đuôi và bãi nước tiểu của Tề Thiên. Ngài xem nhẹ tri thức. Khi đã thấu suốt đạo lý rồi, thì sự hiểu biết đối với họ là cái gì đó rất nhỏ nhiệm. Hay nói khác hơn, họ thấy sự sai lầm về tri thức và tri kiến của mình.

Ngài Huyền Trang không dịch ra chữ Hán mà để nguyên âm Phạn là **Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa**. Ngài tôn trọng nghĩa lý thâm sâu của nó, từ ngữ Trung Hoa không đủ sức để dịch hết nghĩa này. Vì nghĩa của

ngôn ngữ chỉ làm cho người ta thêm kiến thức thôi, nên Ngài để sau tựa đề đó hai chữ **Tâm Kinh**. Đó là bản Kinh nói về tâm, vậy thôi. Ngài không giải thích gì thêm và không dịch nghĩa lời tựa này.

Nói như vậy để chúng ta nhẹ nhàng thôi bỏ kiến thức của mình. Tức là khi bắt đầu vào bản Kinh này, chúng ta bắt đầu thôi dứt đi tất cả những hiểu biết, những tri kiến, những kiến thức, những sở chứng, sở đắc của mình. Ngay bây giờ chúng ta còn hiểu, còn biết, còn nhận định, còn định nghĩa, còn khẳng định mình là ai, mình là người đang ngồi đây để đọc sách, v.v... Tất cả những khẳng định đó chúng ta nên thả lỏng, để tâm thức chúng ta mất chỗ tựa nương thực sự. Vì chúng ta nương bất kỳ ở đâu, cũng trở thành nhỏ nhiệm. Chúng ta nương nơi tri kiến của mình bao nhiêu, thì cái học của mình chỉ chừng đó mà thôi. Chúng ta nương cái thấy thì cái thấy của mình chỉ thấy hình sắc trước mắt mà thôi, nương nơi cái nghe thì chỉ nghe âm thanh đó là cùng. Nếu chúng ta không còn khu biệt mình nhỏ nhiệm trong lục căn, trong tri kiến hạn hẹp, thì lúc đó chúng ta sẽ cảm nhận được sự mênh mông của chính mình, mới tạm thời có một chút tương ưng với nghĩa lớn này. Nếu không chúng ta không đủ sức để hiểu, để tưởng tượng được cái lớn này. Khi nào chúng ta vượt ra ngoài cái tưởng tượng đó, hy vọng chúng ta cảm nhận và tương ưng ở cảnh giới lớn Ma

Ha này. Bao nhiêu kiến thức chúng ta thử buông, khi nào chúng ta hết kiến thức, hết chỗ nương trong tâm thức rồi, lúc đó cái rỗng lặng mênh mông bắt đầu hiện hữu, lúc đó chúng ta mới cảm nhận được cái lớn Ma Ha này.

Trí tuệ Bát Nhã là trí tuệ gì? Khi một người cảm nhận và rõ thông được chân ngụy, đúng sai, hay dở của trần gian này thì họ thấu thoát chân lý, thấu thoát hết tất cả phải trái và phá vỡ toàn bộ vô minh nghiệp chướng trong ngàn đời ngàn kiếp của mình. Khi chúng ta thấu hiểu và thâm nhập Bát Nhã là xóa trừ vô minh ngàn kiếp. Trí tuệ đó không gì có thể so sánh được. Trí tuệ đó không cần phải học mà thấu suốt mười phương pháp giới một lượt. Trí tuệ đó không phải là sự gắng gượng của tâm thức, không phải thông qua thân căn này. Trí tuệ đó không có phút giây nào không sáng suốt, không có phút giây nào lầm mê trong sanh tử luân hồi. Chỉ có trí tuệ Bát Nhã mới vượt thoát ngoài tam giới này gọi là đạo bí ngạn.

Không phải do chúng ta tu lâu hay làm thêm cái gì đó để được điều này. Mà chúng ta phải khéo, đừng tiếp tục đem những vọng thức khu biệt nhỏ nhiệm của mình ra để dùng xài trong cuộc đời này nữa. Chúng ta phải thả lỏng, buông thư, không còn vướng chấp vào bất cứ cái nhỏ nhiệm nào trong tam giới này, thì chúng

ta sẽ hòa nhập vào trí tuệ mênh mông kia, tương ứng với nghĩa Ma Ha đó. Trong lúc hòa nhập, chúng ta đủ trí tuệ soi thấu hết tất cả những nghiệp tập đã lôi cuốn chúng ta đi vào sanh tử, chúng ta sẽ có cái thấy nhìn tự tại vượt thoát ngoài tam giới, lúc đó gọi là đáo bỉ ngạn.

Theo tinh thần phán giáo của Phật giáo, thời sơ kỳ Phật giáo nói tới Kinh A Hàm trong đó có Tứ Diệu Đế và Nhân Duyên, thời trung kỳ Phật giáo nói lý Tánh Không, thời hậu kỳ Phật giáo nói Tự Tánh, Chân Như Diệu Hữu v.v... Như vậy theo sự đánh giá của các nhà học giả, kinh Bát Nhã ở giai đoạn chuyển tiếp từ Nguyên Thủy đến Đại Thừa, các vị cho rằng bản Kinh này chỉ là cái cầu nối, giống như chúng ta đi qua sông có cái cầu nối qua thôi. Các vị đánh giá chỉ chừng đó, thật sự hơi oan ức cho bản kinh Bát Nhã này.

Khi một người thấu hiểu kinh Bát Nhã, tuyệt đối sống ngoài sự luân quần trong tam giới, đạt được cảnh giới trí tuệ cao tột nhất được gọi là Bát Nhã. Hành giả vượt thoát sanh tử luân hồi ngàn đời ngàn kiếp thì đó không phải là chuyển tiếp, mà ra ngoài tất cả những so sánh, phân biệt hai bên phải quấy, đúng sai, hay dở, ra ngoài sở chúng sở đắc thì bản Kinh này không phải là chuyển tiếp. Nói khác hơn, kinh Bát Nhã là bản Kinh đốn siêu phương tiện, chúng ta nhận được Bát Nhã là xong tất cả những công phu tu hành. Đây không phải là

sự chuyển tiếp từ hệ thống Nguyên Thủy sang Đại Thừa. Hơn nữa, các nhà nghiên cứu Phật học mà không thông qua công phu tu chứng, thì các vị cũng không thấy hết giá trị của những bản kinh Nguyên Thủy mà Đức Phật đã nói. Bởi vì Nguyên Thủy Phật giáo không phải là không nói đến đốn siêu phương tiện. Như trong kinh Ba Cửa Giải Thoát, Đức Phật nói:

*“Tự Tánh của **không** là không nằm trên bình diện có và không, không nằm trong khuôn khổ các vọng tưởng, không có tướng sinh, không có tướng diệt, và vượt thoát mọi tri kiến. Tại sao thế? Vì Tự Tánh của **không**, không có vị trí trong không gian, không có hình tướng, không thể khái niệm được, chưa bao giờ sinh khởi, tri kiến không nắm bắt được và thoát ly mọi sự nắm bắt. Vì thoát ly được mọi sự nắm bắt nên nó bao hàm được tất cả các pháp và an trú nơi cái thấy bình đẳng không phân biệt. Cái thấy ấy là cái thấy chân chính và xác thực. Quý vị khát sĩ! Quý vị nên biết rằng không những Tự Tánh của **không** như thế mà Tự Tánh của tất cả các pháp cũng đều như thế. Đó gọi là pháp ấn. Quý vị khát sĩ! Pháp ấn này chính là ba cánh cửa đi vào giải thoát, là giáo lý căn bản của Chư Phật, là con mắt của Chư Phật, là chỗ đi về của Chư Phật. Vì vậy quý vị nên nghe cho kỹ, tiếp nhận cho thấu đáo, để ghi nhớ mà tư duy và quán chiếu ngay nơi thực tại hiện tiền”.*

Trong đầu bản kinh Ba Cửa Giải Thoát, bản Kinh số 104 Tạng kinh Đại Chánh của hệ thống kinh Nguyên Thủy, Đức Phật đã nói điều này rồi. Nên khi các nhà phán giáo đi vào tam tạng thánh điển cho rằng sơ kỳ Phật giáo tức là thời kỳ nói chuyện Tứ Diệu Đế, nói sanh, lão, bệnh, tử, nói Niết Bàn, hoặc nói Nhân Duyên. Trước nói sắc thật, không thật, khổ thật, vui thật, bây giờ chuyển tiếp qua mới nói Tự Tánh không. Và có rất nhiều người nương theo sự phán giáo đó mà giảng giải. Kinh Bát Nhã chỉ là một bước chuyển tiếp từ hệ thống Nguyên Thủy sang Đại Thừa phát triển, sự đánh giá này chúng tôi nghĩ làm lệch đi giá trị cao tột của bản Kinh.

Đây là bản Kinh có giá trị bổ khuyết tất cả khiếm khuyết của người học Phật. Khi chúng ta chưa học đủ kiến thức Phật Pháp mà chúng ta học được bản Kinh này, xem như nó bù đắp những kiến thức thiếu của chúng ta. Ví dụ chúng ta tụng Kinh sai sót thì bản kinh Bát Nhã sẽ bù đắp chỗ sai sót đó, chúng ta thiếu kiến thức trong Phật đạo thì bản kinh Bát Nhã sẽ bù đắp kiến thức đó cho mình. Hay nói khác hơn, trí tuệ Bát Nhã là trí tuệ tròn đủ, do đó người học Phật đủ trí huệ Bát Nhã, là chúng ta không cần bàn luận gì về việc học đạo khác nữa.

Giá trị bản kinh Bát Nhã rất lớn, tuy có 260 chữ mà bao hàm tất cả trí tuệ của đạo Phật. Kinh Bát Nhã bù đắp tất cả những thiếu hụt về kiến thức, những khiếm khuyết trong công phu tu hành của chúng ta. Khi một người có trí tuệ Bát Nhã rồi thì họ không cần học thêm điều nào, nhưng tất cả những gì xảy ra trong đời sống họ đều thấu suốt và đạt tới cảnh giới cao tột là trí tuệ Bát Nhã vượt thoát lầm mê sanh tử.

V. GIẢI NGHĨA PHẦN CHÁNH VĂN

Khi Bồ Tát Quán Tự Tại hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa, Ngài soi thấy năm uẩn đều không, liền qua hết thấy khổ ách.

“*Quán Tự Tại*” cũng là tên khác của ngài Quán Thế Âm. Tại sao lại gọi là ngài Quán Tự Tại? Tự tại khác tự do như thế nào? Ví dụ chúng ta bị nhốt trong nhà lâu quá chúng ta bị mất tự do, bây giờ chúng ta mở cửa đi ra bên ngoài, là tự do. Hoặc bị ai kìm kẹp mình có cảm giác bị mất tự do, mình tìm đủ mọi cách thoát ra ngoài, gọi là tự do. Hoặc chúng ta rời khỏi gia đình nên được tự do, hoặc chúng ta bị vướng mắc cái gì đó, bây giờ chúng ta rời xa nó nên được gọi là tự do. Hoặc trong lý luận của Phật đạo ban sơ, cho rằng chúng ta bị kẹt trong sanh tử luân hồi nhiều đời nhiều kiếp, do nương Chánh Pháp của Đức Phật, bây giờ chúng ta được thoát ra ngoài sanh tử luân hồi nên chúng ta được tự do.

Còn ngay tại đây và bây giờ, không cần phải đi đâu, ở ngay chỗ này mà chúng ta không bị trói buộc thì gọi là tự tại. Ví dụ chúng ta ở trong hoàn cảnh bị nhốt trong nhà đóng cửa, chúng ta không ra bên ngoài được, nhưng chúng ta không có cảm giác bị ràng buộc khổ

đau nữa, gọi là tự tại. Trong mọi thời mọi lúc ở ngay tại đây và bây giờ chúng ta không bị vướng mắc, thì người đó hoàn toàn tự do tự tại. Không phải rời khỏi chỗ đó chúng ta mới được tự tại. Tự do nghĩa của nó hạn hẹp hơn tự tại.

“Quán Tự Tại Bồ Tát, hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa, Ngài soi thấy năm uẩn đều không”. Có chỗ dịch “hành thâm” là “hành sâu”. Chữ sâu không thể dịch hết cái nghĩa “hành thâm” của Bát Nhã được. Sâu cạn không có nghĩa là hành thâm. Dịch nghĩa sát nhất là để nguyên chữ hành thâm, đừng dịch ra hành sâu.

“Hành thâm” là sống bằng trí tuệ Bát Nhã, chiếu kiến là ngay tại đây và bây giờ, là cái thấy biết không so sánh phân biệt.

Một người thâm nhập trong cảnh giới Bát Nhã, Ngài thấy rõ ràng năm uẩn là không. Nếu chúng ta hiểu nghĩa hành sâu Bát Nhã Ba La Mật Đa, Ngài soi thấy năm uẩn này là không rồi, chúng ta bắt đầu soi kiểu này, kiểu nọ thì chúng ta sẽ không thấy được chiều sâu của nghĩa này.

1. Năm uẩn

“Năm uẩn” cũng gọi là “năm âm”. “Uẩn” có nghĩa là nhóm chứa, “âm” có nghĩa là ngăn che, thân

chúng ta gồm có năm uẩn là nhóm chứa để thành hình thân sanh tử này. Năm uẩn đó là: sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn.

a) Sắc uẩn

Thân chúng ta đang mang đây gọi là thân sắc uẩn, gồm có hơi ấm trong người gọi là *lửa*. Chất cứng trong người mà chúng ta sờ đụng được như tóc, lông, gân, móng, da, thịt, xương là *đất*. Cái động trong người chúng ta là *gió*. Chất ướt trong người chúng ta như nước mắt, nước mũi, nước mồ hôi, nước miếng, nước đàm đều ướt, thì đó là *nước*. Thân chúng ta gồm đủ bốn thứ này mới được tồn tại. Tất cả những thực vật cũng như động vật, hoặc là động cơ máy móc cũng đầy đủ bốn cái này.

Ví dụ một chiếc xe nó cũng phải có kim xăng, kim gió; nếu gió nhiều quá lẩn lướt thì xe cũng không chạy. Chúng ta phải canh gió lại, lửa thiếu chút không nổ máy phải canh lửa lại, thiếu xăng động cơ không hoạt động, thiếu gió máy xe không nổ, chất cứng mà chúng ta sờ đụng được của chiếc xe là đất. Tất cả những vật dụng dùng xài trong thế gian này, tất cả những hình sắc trong thế gian này đều đầy đủ tứ đại.

b) Thọ uẩn

“Thọ” là cảm nhận khổ, cảm nhận vui, cảm nhận không khổ không vui. Ví dụ mình ngồi đây nực khó

chịu quá, đó là cảm nhận khổ. Đang nực như vậy mà có làn gió mát chúng ta cảm thấy vui, là thọ vui. Còn ngồi đây thấy một sự vật trước mắt không cảm nhận gì, thấy vậy thôi, nghe thì nghe nhưng không để tâm tới hình sắc, là chúng ta đang cảm thọ nhưng không có cái khổ và không có cái vui khi đang nghe và đang thấy. Hoặc trên đường đi nếu chạy xe nhanh chúng ta thấy tất cả những cảnh vật lướt lướt qua, chúng ta vẫn thấy nhưng không có cảm giác khổ, vui. Hoặc trên đường chúng ta thấy cảnh vật này quen quá rồi, mở mắt thấy và nghe không có cảm giác gì, đó là cảm thọ không khổ không vui. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý chúng ta khi tiếp xúc với lục trần luôn xảy ra ba cái thọ này.

c) Tưởng uẩn

“Tưởng” là những hình bóng và âm thanh xảy ra nơi tâm thức chúng ta. Trong hệ thống kinh Nguyên Thủy gọi “tưởng” là tri, là cái biết của chúng ta. Ví dụ ngồi đây mình có thể tưởng tượng chuyện hôm qua mình thấy chiếc xe đẹp quá. Hoặc mình tưởng tượng sắp tới mình sẽ xây cái nhà, bao nhiêu tầng, sơn màu gì, là chúng ta có thể tưởng về tương lai. Những cái gì thấy qua mắt, nghe qua tai, lục căn chúng ta tiếp xúc được, chúng ta hồi tưởng lại được thì những cái đó gọi là “tưởng”.

Ví dụ đọc bài gì đó hay quá hoặc chuyện gì đó vui quá, chúng ta tưởng tượng lại có thể cười lên được. Hoặc chuyện gì đó đáng sợ quá, chúng ta ngồi tưởng

tượng một hồi cảm giác rờn rợn, thì tất cả những cái đó thuộc dạng “tưởng âm”. Hoặc người ta nói một câu không có gì, ngồi tưởng một hồi rồi tức. Hồi đầu đi lộ ruộng thấy con đĩa đeo không cảm thấy gì hết, nó dính khều hoài không rớt, tới khi nghe ai nói con đĩa ghê quá là té xỉu. Hoặc chúng ta bị đứt tay chảy máu không có gì hết, nhưng kèm theo cái tưởng chảy máu hoài sẽ thiếu máu nên té xỉu v.v... Đó là những tâm tưởng từ nhỏ thành lớn.

Tưởng phát sinh từ nơi vọng thức của chúng ta, là cái thấy nghe hay biết nơi lục căn của mình nó đã qua rồi mà mình có thể tưởng tượng lại được. Hoặc trên đoạn đường vắng nghe nói có ma, đêm không trăng trời tối đi một mình đến chỗ đó tự nhiên mình nghe có tiếng chân ai đi bịch bịch sau lưng, sợ quá, tàu cau rớt xuống cái đập, mình tưởng ma phóng xuống rồi té xỉu, đó là tưởng. Có những sự việc chúng ta tiếp xúc thực tế nó không là gì cả, nhưng kèm theo tưởng là bắt đầu có vấn đề. Hoặc ban đêm đi đường thấy cọng dây tưởng con rắn chúng ta sợ hãi. Khi căn tiếp xúc trần chưa có gì hết, bắt đầu thức phân biệt, ý tưởng phát sanh mới sanh ra chuyện này chuyện kia.

Ví dụ mình ngồi nhớ lại chuyện hồi trước, ngoài chuyện mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi thì không có gì mình có thể làm tư lương để tưởng tượng. Hoặc nhìn

hoa này mình nhận xét nó đẹp, nhưng chúng ta chưa bao giờ nhìn nó với vẻ đẹp đơn thuần hiện hữu của chính nó, mà thấy bằng kiến thức cũ, tức là mình đã so sánh phân biệt. Vừa thấy nó, ý tưởng đã lôi cái hoa cũ ra, hồi xưa tôi thấy hoa màu nó đẹp hơn hoa này. Vừa thấy cái này là chúng ta tưởng tượng cái gì tương ứng để so sánh, phân biệt và nhận định trên chuyện đó, đây là việc làm của “tưởng âm”.

d) Hành uẩn

Nếu thực sự không phải người chuyên tu thì không thấy nổi “hành âm”. Chuyên tu có nghĩa là chúng ta đã phá trừ được tưởng âm, thì mới có khả năng thấy được hành âm, còn không chúng ta chỉ nói với nhau bằng kiến thức. “Hành âm” là năng lượng chuyển động không tạm dừng nghỉ, nó cuộn cuộn nơi tâm thức con người. Tưởng âm chúng ta có thể dừng được, chứ hành âm không có dừng được. Không ai có thể dừng được hành âm, chỉ trừ những người phá vỡ được ngũ uẩn thì không bàn, còn việc tu tập của chúng ta thì không động đậy được cái gì ở hành âm cả. Người ta ví dụ hành âm là một biển nước mênh mênh, nhưng tưởng âm là một hòn bọt nhỏ nổi bên trên mà thôi. Ví dụ mình thấy cái hoa, thì hành âm chỉ trong tích tắc là ra kết quả rồi, nhưng tưởng âm mới bắt đầu nhận lại rất

chạm, hoa này là hoa cúc, nó màu vàng, nó lớn hoặc nhỏ.

Trong Kinh nói từ vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập ... hành đó tương ứng với hành âm này. Khi thân trung ấm thấy được ngọn lửa dục trong lúc nam nữ quan hệ thì dục nghiệp khởi lên không kiềm chế được nên lao đầu vào để tham dự, nhưng lúc đó thì có hàng triệu triệu thần thức cùng nhau tranh giành tham dự. Nếu thần thức nào có nghiệp làm con của cặp nam nữ đó thì sẽ được một sức hút của nghiệp duyên cuốn thần thức ấy vào tử cung của bà mẹ.

Lúc bị cuốn ấy thần thức cũng không cưỡng lại nổi sức hút mãnh liệt của nghiệp duyên; cho đến khi thần thức chạm tử cung của bà mẹ thì thần thức mù mịt tăm tối, chơi vơi hốt hoảng cuồng loạn trong cảnh tăm tối đó, cho đến khi thần thức bám chặt vào noãn cầu và tinh trùng (khi ấy được gọi là thụ thai). Trong cái mù mịt tăm tối bám chấp đó được gọi là vô minh, khi ấy tất cả những nhân quả trong nhiều đời nhiều kiếp gom tụ lại để gắn kết và hình thành một đời sống mới theo trình tự thứ lớp rất rõ ràng.

Đoạn nhân quả này mình phải ra đời làm con trai hay làm con gái, đó là cái đầu tiên. Và một điều khủng khiếp là chưa đầy một sát na hành âm đã sắp xếp người

đó đen hay trắng, mập hay ốm, lùn hay cao, mấy tuổi ăn món gì, học cái gì, năm nào tháng nào gặp chuyện rắc rối nào, gặp chuyện thuận lợi nào, cưới người nào, phải sống chung người nào, phải khổ như thế nào, phải vui làm sao chỉ trong tích tắc nó đã sắp xếp hết một đời chúng ta gọi là “hành âm”.

Trong khoảng tám mươi năm của kiếp người mà chưa đầy một cái khủy móng tay hành âm đã sắp xếp xong hết mọi chuyện cuộc đời của mình, theo sự vận hành nhân quả mà mình đang có. Trong sanh tử chúng ta phải hiểu hành âm này.

Nói đến mười hai Nhân Duyên để chúng ta hiểu hành âm sau vô minh nó là cái gì. Trong vô minh tâm tôi bắt đầu nó vận hành giống như quay số rô rô cho tới đoạn đời này dừng lại, là kết thúc chúng ta là người nam. Sanh ra mặt méo, mũi cao, tai lớn, lùn, đen, ốm là một tích tắc hành âm làm ra bài toán cuộc đời của chúng ta. Đúng với nhân quả đoạn đời chúng ta đang sống ở đây. Nên ngày nào, phút giây nào gặp ai chúng ta nghĩ là tự nhiên, nhưng không có chuyện tự nhiên đó đâu, cũng như không có chuyện tự nhiên quý vị tới ngồi ở đây.

Vì nhân quả nhiều đời nhiều kiếp mình đã gặp nhau như thế nào, thì trong cái vận hành của nhân quả đúng ngày này, giờ này, phút giây này quý vị phải ngồi

ở đây. Nhân quả đó do chúng ta đã tạo từ lúc nào, bây giờ là thành quả của nhân quả cũ. Nó đã sắp xếp rất chi li, rất tinh tế, rất chính xác, không trước một giây, không sau một giây khi chúng ta gặp nhau trong đoạn đời này. Hành âm đã làm việc như vậy.

“Hành” là cái gì đó rất khủng khiếp, nó tiềm tàng mọi năng lực sống của chúng sanh trong pháp giới mười phương. Nó gây dựng ý chí, nó dựng lên bản ngã, nó dựng toàn bộ cuộc đời chúng ta. Nó quay vòng tua nhân quả mỗi chuyện xảy ra trong đời mình không phải theo thứ bậc.

Ví dụ hôm nay mình gặp người này, ngày mai mình gặp người kia là do đời trước theo thứ tự nhân quả mà gặp người nào trước, người nào sau. Đây là sự sắp xếp của hành âm khế ứng với từng đoạn nhân quả nhưng không nhất thiết theo thứ tự của quá khứ.

Ví dụ như cách chúng ta mười đời trước, ngày đầu tiên của năm thứ nhất chúng ta gặp người A, nhưng có khi tới năm thứ chín chúng ta mới gặp người B. Người B chúng ta tạo duyên gần giống như hồi chúng ta gặp người A. Khi hành âm sàng lọc trong mười năm đó, đến cuối cùng năm thứ chín có chuyện giống như năm thứ nhất, thì hành âm sắp xếp chuyện đó đến năm thứ nhất chúng ta gặp người này, bước thứ hai chúng ta sẽ gặp người kia đúng như vận hành và

phù hợp với nhân quả mới. Không phải cái nào trước được đi trước, cái nào sau được đi sau như những suy nghĩ thông thường. Có những cái sau sau nữa nó lại sắp xếp gần cái trước. Một sự gom tụ sàng lọc để thành thứ tự nhân quả trong đời sống này của chính mình, đây là chuyện là rất linh thông và bình đẳng của nhân quả.

Từ chỗ vô minh tăm tối kia duyên hành, hành bắt đầu mới duyên thức. Lúc đó hành mới bắt đầu dựng lập ngã chấp. Lúc đó mình bắt đầu thấy có mình, khác với những cái xung quanh, bắt đầu khởi niệm bảo thủ giữ gìn cái mình này, đó là chỗ chấp trước ban sơ của con người. Chấp tế bào nhỏ xíu ban đầu là mình, rồi tế bào đó phân chia thành hai, rồi bốn, rồi tám, rồi mười sáu, ... lớn từ từ như vậy rồi hình thành trọn vẹn một thân người. Điều đáng nói ở đây là mỗi tế bào do tâm niệm chấp trước nguyên sơ là mình, vì vậy mỗi tế bào đều có một tâm linh, do có tâm linh nên có ánh sáng bao bọc. Vì vậy mà hết tất cả tế bào hình thành thân chúng ta nó thành một tổng thể ảo ngã có tâm linh cho nên nó có một vùng hào quang bao quanh thân. Do sự chấp trước sâu đậm đó nên hành giả muốn phá được sắc ấm phải mất rất nhiều công phu.

Hành ấm sắp xếp trọn vẹn từng bước đi của chúng ta trong cuộc đời này. Có nhiều khi mình phấn đấu làm cái gì đó, mình tưởng đây là phát kiến mới của

mình, nhưng không phải, tất cả do nhân quả sắp xếp ngày đó mình muốn làm chuyện đó, một tác động rất nhịp nhàng của nhân quả, nó khiến mình phải muốn đi gặp ông thầy đó để học đạo. Nhưng mình tưởng là do kinh nghiệm học đạo của mình lâu năm, mình nghe hết băng quý thầy giảng, tự nhiên mình thấy ông thầy này giảng được nên mình đi nghe. Không phải như vậy mà tới giờ đó nhân quả sắp xếp phải gặp ông thầy đó. Tại duyên xưa mình chỉ học đạo với thầy đó có vài thời, hay đoạn cuối cuộc đời mình mới học với thầy đó. Cho nên những đoạn trước kia phải đi học lòng vòng mất thời gian, tới khi nghe Pháp này mình mới cảm giác là có thể tu được nên mình theo. Nó có sự tác động của nhân quả cũ để chúng ta có thể gặp lại pháp cũ mình đã tu tập, chứ không phải là chuyện ngẫu nhiên mà là sự làm việc của “hành âm”.

Chính “hành âm” làm việc sắp xếp vận hành hết đời sống của chúng ta. Nếu mình không phá vỡ hành âm để tự tại trong sanh tử, thì đời này kiếp nọ chính hành âm này sắp xếp đời này, đời sau và sắp xếp những đời kiếp sau nữa của mình. Tất cả những đời sống còn lại của mình trong vòng sanh tử luân hồi này là do “hành âm”. Nó tạo thành mọi ý chí, mọi hành động, mọi việc làm, cái đúng cái sai, cái hay cái dở trong cuộc đời mình. Ví dụ ngồi nghe giảng này giờ chán lắm nhưng cũng ráng ngồi thêm chút nữa hết giờ rồi

về, cái ráng đó là năng lực của hành âm nó giữ mình lại. Hoặc ngồi thiền thay vì một tiếng, nhưng mới nửa tiếng đau chân quá, nhưng cũng ráng ngồi cho hết một tiếng, đó là năng lực của hành âm khiến chúng ta cố gắng vượt qua.

Có câu chuyện nói về hành âm, ai từng sống trong thời chiến tranh thì biết mỗi khi lính Tây đi ruồng bố, thứ gì nó cũng lấy: gà, chó, heo, vịt, nó bắt hết không tha một thứ gì cả. Có bà cụ tám mươi tuổi nuôi con heo một tạ mấy, vừa nghe mọi người nói “Tây ruồng bà Hai ơi” là bà phóng vô chuồng ẵm con heo ra, sau đó bà đập mạnh vào mình heo cho nó chạy, và bà cũng chạy, chạy một khúc đường bà té ngã chạy không nổi. Chúng ta thấy ở độ tuổi đó mà vẫn ẵm con heo được, điều này cho thấy rõ sự phát động của “hành âm”.

Năng lực của hành âm rất khủng khiếp, nếu chúng ta vượt qua tướng âm thì năng lực hành âm có thể dời non lấp biển là chuyện bình thường. Lúc cấp bách thì tướng âm không kịp khởi lên, hành âm phát động khiến bà ẵm con heo lên. Chuyện kể như huyền thoại, nhưng tới hồi học đạo hiểu hành âm, mới thấy hành âm rất là tinh vi nhạy bén, chính xác và mãnh liệt.

Trong giới khoa học nghiên cứu về loài người, họ cho rằng loài người chỉ dùng xài được một phần tỷ

năng lực vốn có của mình, nhưng thực sự chúng ta chưa xài được một phần tử lũy thừa tử năng lực của mình. Nếu chúng ta vượt qua tướng ấm mới thấy năng lực con người không thể nào nói được, chỉ cần phải một cái nhẹ là quả núi mất theo ý mình. Nếu mình vượt qua tướng ấm, sống bằng năng lực của hành ấm thì nó khủng khiếp lắm. Trong võ học Trung Hoa người ta vung một chưởng nổ cái đùng là quả núi cũng tan, đó không phải là huyền thoại mà là chuyện có thật. Tất cả những người có năng lực đó họ đều ngồi thiền để đè ép tướng ấm xuống, khi đó, họ tác ý từ nguồn sâu của hành ấm thì năng lực theo ý mình.

Chuyện kể về hai nhà nghiên cứu người Liên Xô. Một bữa nọ hai người bị tai nạn máy bay rớt xuống rừng, hư máy móc không liên hệ được với bên ngoài. Hai người một già một trẻ sống với nhau, không bao lâu người lớn tuổi chết, người trẻ thương lắm, anh này ngồi ôm cái xác chết đó mấy ngày mới chôn. Khi chôn cũng đào đất thật sâu, lấy đá tấp lên, có những tảng đá anh lăn mấy ngày mới đè được lên ngôi mộ. Phải mất vài ngày sau mới chôn cất người bạn già một cách tươm tất đàng hoàng. Sau khi chôn người bạn mình rồi về ngủ, nằm một đêm tới sáng lại thấy cái xác của người bạn nằm cạnh bên, giật mình đem ra chôn tiếp. Nhiều ngày như vậy cái thầy bắt đầu thú, anh này mới

đầu thì thương nhưng ngày này qua ngày khác, tưởng bắt đầu làm việc, anh rất sợ.

Khi người ta hay tin máy bay bị nạn, họ đi tìm gặp, người trẻ kể lại chuyện như vậy, mấy người này ban đêm đặt camera theo dõi, họ thấy nửa đêm anh trẻ đang ngủ chột bật dậy, đi ra mộ. Điều dễ sợ nhất là có những tảng đá lớn anh lấy tay khều nhẹ là văng ra hết, rồi anh cạy nách ông bạn vô để kê bên, xong rồi ngủ tiếp. Một đêm mấy người kia không thể tin nổi, họ đờ mấy tảng đá thật lớn lên mộ ông già mà một người không thể nào nhúc nhích được. Vậy mà nửa đêm anh trẻ này lại bật dậy khều vài cái là xóc cái xác đi y như chuyện chơi vậy. Điều đó khoa học không thể giải thích được. Vì khi người bạn già chết, ấn tượng quá sâu, khiến tác động sâu tới hành ẩm, nên lúc anh trẻ ngủ thì tưởng ẩm lắng xuống, hành ẩm phát động, tình cảm trào dâng khiến anh tự động đi ra mộ bốc xác ông bạn vô ngủ mới yên.

“Hành ẩm” là cái gì đó mà trí tưởng tượng con người không tưởng nổi, tức là cái tưởng không đủ sức để có thể hiểu hết được hành ẩm. Tưởng ẩm là sản phẩm được nảy sinh từ hành ẩm. Cho nên những gì chúng ta nói với nhau nghe ở đây, chỉ là một phần của ý tưởng sanh ra nhỏ nhiệm nhất của hành ẩm, khi phát

ra sự giao tiếp thô thiển như bây giờ nó chỉ là tương âm.

Nói về bài thuyết pháp của Đức Phật, nếu mình dùng tưởng cũng không tưởng được điều này. Khi một người nhập vào pháp giới Tánh toàn chân, phút giây đó họ sử dụng loại ngôn ngữ gốc, vượt thoát khỏi không gian và thời gian, vượt ngoài các sự so sánh cho nên thông đồng mười phương pháp giới. Đọc Kinh Pháp Hoa, phẩm Đại Thông Trí Thắng Như Lai chúng ta sẽ hiểu về điều này. Phút chốc ngài Đại Thông Trí Thắng Như Lai thành Phật thì ánh sáng đó soi khắp mười phương pháp giới. Có những cõi tối tăm, những chúng sanh trong đó chưa từng thấy nhau, nhưng nhờ ánh sáng của Đức Phật mà những người ở cõi đó họ thấy được mặt nhau và họ nương ánh sáng đó tới chỗ Đức Phật Đại Thông Trí Thắng Như Lai đánh lễ cúng dường. Khi mình nghe có hằng hà sa số chư Thiên các cõi bay về cúng dường ngài Đại Thông Trí Thắng Như Lai, chúng ta tưởng tượng thời gian dài lắm, nhưng thật ra chưa đầy một khảy móng tay.

Khi Đức Phật nói trước chúng hội Tỳ kheo ở Ấn Độ: Nay các Tỳ kheo, hôm nay ta sẽ nói cho các ông nghe về Tứ Diệu Đế ... thì các vị Tỳ kheo ở Ấn Độ và người cõi phàm chỉ nghe hết một câu như vậy mà thôi nhưng Đức Phật đã hòa nhập trong pháp giới Tánh toàn

chân, Đức Phật dùng ngôn ngữ gốc giảng dạy hằng hà sa số các bài Pháp cho tất cả các cõi nước ở mười phương nghe, xong rồi Đức Phật lại nói tiếp: “Tứ Đế gồm có ...”, là Đức Phật cũng đã thuyết hằng hà sa số bài pháp cho tất cả cõi nước mười phương nghe rồi. Khi một người đã hoà nhập vào pháp giới Tánh toàn chân thì mới sử dụng được ngôn ngữ gốc để chuyển pháp luân vô thượng, khai mở trí huệ cho Chư Đại Bồ Tát và các chúng sanh khắp pháp giới mười phương trong một khoảng sát na. Còn khi một người đã vượt qua sắc, thọ và tưởng âm rồi, nếu họ vận hành năng lực của hành âm thì năng lực đó chúng ta không thể nào có thể tưởng tượng được nhưng cũng không thể so sánh được với người đã nhập trong pháp giới Tánh toàn chân.

Các vị Thiên sư đối đáp không phải sử dụng tưởng âm chậm chạp như rùa của mình bây giờ. Chư Tổ thường nói: “Một chớp mắt xảy ra là có khoảng hai mươi đại niệm, mỗi đại niệm là 16.798.000 (*mười sáu triệu bảy trăm chín mươi tám ngàn*) lần sanh diệt”. Cho nên khi mình nói chuyện là sử dụng tưởng nó chậm lắm, còn hành âm nó vận hành liên tục không tạm dừng, nó là nguồn lực khủng khiếp vận hành nơi tâm chúng ta mà mình không biết. Khi mình ngồi thiền lâu, tâm mình được yên, tưởng lắng xuống thì mình nghĩ rằng: sao buồn, thương, nhớ, nghĩ, giận, ghét nó mất

hết, tâm mình thanh tịnh bật hết vọng niệm. Xin thưa coi kỹ lại giùm một chút, nó chỉ mất đi cái thô phù bên ngoài thôi, nhưng cái vận hành nhỏ nhiệm bên trong không tắt nổi nếu khi chưa phá hết được “ngũ uẩn”. Có người nói được định này định kia, thực sự chỉ rỗng đê ép tướng âm không cho hoạt động thôi, chứ chưa đưng đây gì tới hành âm. Có nghĩa là giữa đại dương mênh mông kia, mình chỉ làm bề mấy cái bong bóng nổi ven bờ, chứ mình không giải quyết được cái gì ở trong biển mênh mông của hành âm.

Nói về việc học đạo cũng vậy, nếu chúng ta nghe những vị nghiên cứu Phật Pháp hiểu biết bằng tri thức giảng, thì mình chỉ tiếp nhận cái tri thức ở màng ngoài của tướng âm, nên nghe qua chúng ta có thể hiểu được, nhưng không đánh động được tâm thức nên mình không thể chuyển hóa.

Ngày xưa, Thiên sư Mã Tổ đập ngài Thủy Lão văng ra ngoài, ngài Thủy Lão ngộ. Ngài Vân Môn bị Thầy mình đập sập cánh cửa nát bàn chân, ngài Vân Môn ngộ. Lúc khai ngộ đó, là trí tuệ đã vượt thoát năng lực của ngũ uẩn rồi. Các Ngài xài năng lực của vũ trụ mênh mông gom vào thành một hành động khai thị cho người đối diện, nên mới đẩy hành giả đó vượt qua khỏi tướng âm, gây một sức chấn động lớn ở hành âm, phá vỡ được thân ngũ uẩn khiến họ ngộ đạo.

Chúng ta nghe để hiểu, hiểu rồi mình còn nguyên, thì biết đó là dạng của những lực tu tập còn bên ngoài tướng âm. Nếu một phen chúng ta nghe lời đạo lý mà có sức chấn động để chuyển hóa mình, thì biết rằng cuộc đời mình có phước duyên gặp được vị Thiên tri thức có năng lực phá vỡ hành âm, nên sức tác động của họ sâu và gây sự chấn động cho chúng ta.

Cũng là bài giảng đó, dù hai vị nói đúng như nhau từng lời từng chữ, nhưng có bài pháp chúng ta có thể hiểu chấp nhận bài này qua kiến thức. Có bài pháp chúng ta nghe không chấp nhận qua kiến thức, mà chúng ta bị chấn động để mình được chuyển hóa, thì vị giảng sư này có năng lực rất mãnh liệt, họ đã vượt qua được tướng âm, hành âm và thức âm. Cho nên các vị Hòa thượng được gọi là “lực sanh”, có nghĩa là có nội lực rất lớn để làm cho người khác phát sanh trí huệ.

Người có công phu sâu thì ngôn ngữ lời giảng của họ không phải bằng kiến thức của tướng âm. Nếu họ xài tướng âm sẽ có thứ bậc, thứ lớp, soạn bài giảng theo đúng bài bản; có mở bài, thân bài, kết luận; đúng với sách vở, đúng với văn Kinh. Nếu họ không xài tướng âm thì họ sẽ có năng lực khác xuất nguồn từ “hành âm”. Từ chiều sâu của tâm linh họ nói ra, thì người có nhân duyên có thể tiếp nhận được năng lực này để họ được chuyển hóa. Nếu chúng ta nghe Phật

Pháp mà có sự chấn động thật sự, là do tâm thức chúng ta đã được nâng tâm, rồi gặp năng lực của vị thầy cũng kề cận mới có thể phá vỡ được mình, còn không là chúng ta cũng phải chịu thôi.

e) Thức uẩn

Là cái biết trong sai biệt. Ví dụ vừa thấy sự vật là chúng ta biết, vừa nghe là chúng ta biết, nhưng nó nhạy quá khiến mình không đủ sức mình định. Mình không kịp thời để nhận định cái biết này là thức hoạt động hay chưa. Nhưng mình vừa nghe một âm thanh thì hành âm làm việc rồi. Ví dụ mình nghe tiếng vị thầy nói là đồng thời phân biệt tiếng này hay, tiếng kia dở, tiếng này đúng, tiếng kia sai là hành âm đã làm việc trong tích tắc, và thức phân biệt rằng mình khác với âm thanh. Âm thanh đang nói cho mình nghe tốt hay xấu là thức biết ngay khi căn trần chạm nhau. Thức có mặt chứ không phải sau đó nó mới phân biệt. Mắt vừa thấy sắc là thức liền nhận định có mình và có sắc. Khoảnh khắc mình nhận định có mình và có sắc là thức hoạt động, có khái niệm phân biệt chia chẻ mình và ngoại cảnh là sự hoạt động của thức âm. Cái này màu đỏ mà người ta nói là màu vàng, mình lại lấy kiến thức cũ của mình ra so sánh, màu vàng là sai, và cãi lộn với nhau. Hoặc cái này là cái bàn nhưng người kia nói nó là cái ghế là cãi nhau. Vì trước kia mình học, ký ức mình đã ấn định đó

là cái bàn rồi, nên ai nói khác chúng ta cãi. Sự cãi cọ với nhau là do sự chấp trước của hai kiến thức không đồng đều.

Trước kia họ nhận định điều đó như vậy, nhưng có người chạm tới chuyện đó họ nói khác đi, mình thấy sai với kiến thức của mình nên mình không chấp nhận. Việc đúng, việc sai, việc hay, việc dở, việc phải, việc trái ở thế gian này đều do thức phân biệt. Lúc nào cái thấy nghe hay biết trên lục căn chúng ta cũng đều có sự so sánh phân biệt, thì đó gọi là thức. Thức không tạm dừng trong bất kỳ khoảnh khắc nào khi chúng ta còn sống, còn hoạt động. Dù chúng ta bỏ thân này đi nữa thức vẫn tiếp tục hoạt động.

Trong mười hai Nhân Duyên: vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc là có tên, có tuổi, có hình sắc. Nếu ở trong bào thai thì mình chấp cái thai này là mình. Danh sắc duyên lục nhập là bắt đầu có đầy đủ sáu căn. Ngoài đời sống thường tình chúng ta cũng có đủ mười hai nhân duyên. Ví dụ chúng ta nhìn ở đây, nếu chưa phân biệt đây là hình sắc, chưa đặt tên nó là cái hoa thì có nghĩa thức chưa hoạt động. Khi thức hoạt động rồi thì có danh là cái bàn, danh là cái đèn, danh là bông hoa. Gọi là trên sắc chúng ta định danh nó, cho nên mới gọi là thức duyên danh sắc. Danh sắc duyên lục nhập, là chúng ta có đầy đủ mắt, tai, mũi,

lưỡi, thân, ý. Có danh có sắc rồi chúng ta mới bắt đầu chấp nhận nó là đúng, là sai, sanh ra nơi lục nhập của mình. Lục nhập mới bắt đầu sanh xúc, xúc sanh thọ v.v... kéo dài về sau mới thành mười hai Nhân Duyên.

Thức là biết, không thông qua khởi niệm nào khác nó cũng biết khắp nơi thân chúng ta. Ví dụ đang ngồi tại đây chúng ta ngầm có cái biết hoạt động toàn thân của mình. Cái biết đó là cái biết của ý thức, nó đang biết mắt chúng ta đang thấy hình sắc, cái biết phân biệt tai chúng ta đang nghe âm thanh. Từ lâu học đạo chúng ta nghe nói cái biết lặng lẽ thường tri của mình là Tánh, là chúng ta đã lầm. Học trở lại ngũ uẩn để biết khi chúng ta chưa ra được thân ngũ uẩn, thì cái biết đó là của thức ám. Căn cứ nơi thân, căn cứ nơi lục trần, còn nương tựa pháp trần mà chúng ta thấy biết, thì cái biết đó là cái biết của thức ám, sự phân biệt đó là thức ám.

Ai từ xưa tới giờ đã từng ngồi lặng lẽ thường tri cho rằng mình ngộ đạo, thì xin thưa rằng mình chỉ tới cửa ngõ của thức, đừng nghĩ chỗ đó là ngộ đạo. Nếu ai chấp nhận là chúng ta sẽ đứng lại chỗ này chưa ra khỏi thân ngũ uẩn. Khi chúng ta có đầy đủ năm uẩn thì mới được trọn vẹn một thân người. Nếu chấp nhận sắc là mình, thọ là mình, tưởng là mình, hành là mình, thức là

mình thì chúng ta đã chấp thân ngũ uẩn này là mình, tức là chúng ta còn lầm mê trong sanh tử luân hồi.

Ngài Quán Tự Tại thấy ngay tại đây cái thân này, chứ không phải hành sâu, không phải tu lâu, không phải luận quán theo kiểu văn tự Bát Nhã, không phải là thể nhập Bát Nhã, không phải là quán chiếu Bát Nhã. Khi nghe “*Quán Tự Tại Bồ Tát, hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhứt thiết khổ ách*”, thì chúng ta tưởng tượng thân này do duyên hợp giả có: có đất, nước, gió, lửa mới thành cái thân, gọi là hành thâm Bát Nhã. Xin thưa, không phải như vậy. Bát Nhã không dùng ý thức để suy lường phân tích duyên này hợp với duyên kia mới thành duyên nọ. Quán có sắc rồi mới có thọ, có thọ mới có tưởng, mới có hành, mới có thức, mới thành thân ngũ uẩn. Năm cái này giống như bàn tay nắm lại thì hợp thành, buông bàn tay ra thì nó tan gọi là thấy được ngũ uẩn giai không. Xin thưa rằng Bát Nhã không thể dung tâm thức so sánh và quán chiếu như vậy. Bởi vì Ngài đã là Quán Tự Tại rồi, với trí tuệ tự tại đó thì ngay thân ngũ uẩn này Ngài thấy bằng trí tuệ Bát Nhã. Một phen trí tuệ Bát Nhã đã hiện hữu thì cả pháp giới này đều là Bát Nhã, trong đó thân ngũ uẩn này cũng là Bát Nhã cho nên mới độ hết khổ ách.

2. Hành thâm Bát Nhã

“Hành thâm” không phải là chúng ta quán như huyễn, quán duyên hợp giả có, nếu quán như vậy thì còn thua khoa học xa. Khoa học bây giờ tiến bộ đến mức họ lấy phân tử kim cương đưa vào máy đo gia tốc, họ đo được vận hành của kim cương dao động bằng mười lũy thừa mười vận tốc ánh sáng, họ kết luận vật chất là Chân không. Bây giờ giảng Bát Nhã còn nói thân này là duyên hợp giả có, là theo đuôi khoa học. Trí tuệ Phật đạo không thể theo đuôi khoa học mà dẫn khởi khoa học. Ngài Quán Tự Tại nhìn thấy thân này bằng trí tuệ Bát Nhã, thì không có sắc, thọ, tưởng, hành, thức, vì bằng Bát Nhã thì tất cả mọi cái đều là Bát Nhã. Đứng chân trời Bát Nhã để thấy thì thân này là Bát Nhã.

Kinh Ba Cửa Giải Thoát, Đức Phật nói rất hay, sau khi Đức Phật nói Tự Tánh của tất cả các pháp là không, vượt ngoài có không, vượt ngoài tư tưởng, vượt ngoài hiểu biết. Cuối cùng Đức Phật nói: Quý vị nên biết rằng, không những Tự Tánh của không như thế, mà Tự Tánh của tất cả các pháp cũng đều như thế. Tức là tất cả các pháp đều vượt ngoài có không, vượt ngoài tư tưởng, vượt ngoài kiến thức, vượt ngoài hiểu biết của tất cả chúng ta.

Một người hành thâm Bát Nhã là đi đứng nằm ngồi, nói nín động tịnh đều ở chân trời trí tuệ, vượt thoát không gian và thời gian để có thể nhận biết toàn pháp giới này là Bát Nhã. Trong đó có thân ngũ uẩn, thì mới gọi là “*ngũ uẩn giai không, độ được hết thấy khổ ách*”. Nếu ngồi đó dùng so sánh phân biệt mà quán chiếu Bát Nhã thì bao nhiêu ngàn kiếp sau vẫn chưa chắc ra khỏi thân này vì quán chiếu kiểu đó làm sao mà ra. Quán chiếu Bát Nhã là không nhận định và so sánh.

Ví dụ quán thân tứ đại gồm có đất hợp với nước, gió, lửa. Đất này là do từng tế bào hợp lại mà thành, khi tế bào rã biến thành không, vậy là duyên hợp giả có, nó tạm có mai một nó thành không. Đó là đem kiến thức cũ so sánh và phân biệt, chứ không phải là trí tuệ Bát Nhã. Muốn hành thâm Bát Nhã phải sống bằng trí tuệ Bát Nhã ngay tại đây và bây giờ. Phải thấy cái thân này vốn thực sự là như vậy, không nói có và nói không nữa, thì mới gọi là “*chiếu kiến ngũ uẩn giai không*”. Chiếu kiến là thấy biết cái thân ngũ uẩn này ngay tại đây và bây giờ nó không nói là có là không, mới gọi là “*độ nhứt thiết khổ ách*”. Từ lâu nay chúng ta học Bát Nhã là duyên hợp giả có, là chúng ta ở bên đây bờ tâm thức so sánh chơi với nhau cho vui thôi, chứ không ra được tâm thức, không cách nào ra được với lý luận đó.

“Hành thâm” là sống bằng trí tuệ Bát Nhã, “chiếu kiến” là ngay tại đây và bây giờ, là cái thấy biết không so sánh phân biệt. Nếu mình thấy cái này khác với cái kia, cái này giống cái kia, cái này không phải, cái này phải thì đó là so sánh của tâm thức, không phải hành thâm Bát Nhã, không phải là chiếu kiến Bát Nhã. Chiếu kiến Bát Nhã là cái thấy nhìn không lộn cộn tâm thức và tri kiến trong đó, không kèm theo kinh nghiệm sở chứng sở đắc.

Chiếu kiến là thuần khiết thanh tịnh, mới gọi là chánh kiến. Chánh kiến thì không thấy bằng so sánh, mà thấy rõ ràng tất cả uẩn này ngay tại đây và bây giờ, đó là cái thấy của Bát Nhã, là cái thấy sáng suốt nhiệm màu của thân tâm này. Tất cả sắc, thọ, tưởng, hành, thức vốn là Như Lai tạng tâm trùm khắp pháp giới theo nghiệp mà thành cái này, cái kia. Điều này Đức Phật nói rõ trong kinh Lăng Nghiêm “Như Lai Tạng tâm trùm khắp pháp giới, tùy theo nghiệp của chúng sanh mà ứng với lượng hay biết”.

Nếu chúng ta học về trí tuệ Bát Nhã mà còn kèm theo văn tự Bát Nhã, quán chiếu Bát Nhã thì chúng ta chỉ là người học vẹt, không phải người có chuyên môn trong Phật Pháp thì làm sao nói chuyện “*hành thâm Bát Nhã*”. Muốn hành thâm Bát Nhã thì phải thấu tột Bát Nhã, là một loại trí tuệ vượt thoát hai bên, thấy là

thấy ngay tại đó mới mẻ, không phải thấy so sánh, vì cái thấy so sánh là cái thấy của kinh nghiệm, của ý thức. Trí tuệ Bát Nhã là cái thấy mỗi lúc mỗi mới, mỗi khoảnh khắc mỗi mới, từng khoảnh khắc đều mới. Thân ngũ uẩn này mới mẻ hiện tiền không trước không sau, nó vốn là như vậy, thì mới là ngũ uẩn giai không.

Thấy làm sao để thành không? Chiếu làm sao để thành không? Quán làm sao để thành không? Còn quán thấy có là tại mình thấy thân có nên ráng ép nó thành không. Bây giờ đại chúng ngồi như vậy chúng ta ráng quán cho đại chúng thành không được không? Không được. Cái bàn trước mắt quán thành không được không? Không được. Quán cái bàn là miếng xi măng, miếng cát, miếng nước hợp lại thành, mai một đập nát cái bàn này ra để nó thành không, gọi là quán chiếu Bát Nhã. Tu như vậy gọi là tu Bát Nhã thì xin thưa chúng ta đã lầm, như vậy là không phải học Bát Nhã.

Từ trước tới giờ có nhiều người lý luận khiến mất giá trị đích thực của kinh Bát Nhã. Nói tới trí tuệ Bát Nhã, thì không thể đem bất kỳ một kiến thức nào để có thể so sánh được với trí tuệ đang hiện hữu rõ biết của nó. Không thông qua sự so sánh phân biệt, thấy biết ngay tại đây và bây giờ, không phải kinh nghiệm trước đó, mỗi cái thấy là Bát Nhã, là mỗi cái mới. Từng khoảnh khắc của cái thấy này, từng khoảnh khắc của

cái chiếu soi này là mới mẻ hiện tiền, không có ngã và pháp mới gọi là cái thấy Bát Nhã, gọi là “*hành thâm Bát Nhã*”. Đi đứng nằm ngồi, nói năng động dụng, lục căn tiếp xúc lục trần đều ngay tại đây và bây giờ, không trước không sau, không thông qua kinh nghiệm kiến thức nào thì gọi là “*hành thâm Bát Nhã*”.

Quán thì không phải là hành thâm. Quán là đem kinh nghiệm cũ ra xài, đem kiến thức ra xài, đem so sánh phân biệt ra xài, thì người đó không phải “*hành thâm Bát Nhã*”, không phải là sự quán chiếu đúng như chánh kiến. Quán chiếu là chánh chiếu một cách rõ ràng ngay tại đây và bây giờ. Nếu bây giờ thấy sự vật mà mình có cái gợn lẩn tẩn phân định mình và sự vật thôi là lìa chánh kiến, là lìa sự quán chiếu, là lìa Bát Nhã. Cái nhận định của Bát Nhã, quán chiếu Bát Nhã, hành thâm Bát Nhã là cái thấy rất rõ ràng thường hằng mà không rớt xuống tầng của tâm thức, mới gọi là quán chiếu Bát Nhã. Không dụng tới so sánh kinh nghiệm, mình thấy mỗi cái mỗi mới tức là cái thấy của Bát Nhã, mình thấy sự vật mà cũ thì không phải là cái thấy Bát Nhã.

Quán chiếu Bát Nhã này khác với cái quán chiếu từ trước tới giờ. Ở chân trời Bát Nhã thì tất cả đều là Bát Nhã, cho nên mới tạm nói là có, tạm nói là không. Ngay khi thấy này là không thân, không ngã và không

pháp. Khi Bát Nhã hiện tiền thì không có ngã và không có pháp, cho nên không có khổ và không có vui.

Thành ra Đức Phật mới nói: “*Quán Tự Tại Bồ Tát, hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhứt thiết khổ ách*”, vì không thấy có thân là không có khổ. Một cái thấy bằng Bát Nhã thì khổ dựa vào đâu để có? Không phải cái thân này đang có mai một nó thành không để hết khổ, mà mai một bệnh già còn khổ hơn. Hiện tại cái thân này còn mạnh khỏe thì mình chưa thấy sự đau đớn, cái giằng xéo của thân này, quán cho nó thành không, lần lần nó già, nó bệnh khi đó khổ hay không là biết liền. Chúng ta không thể quán chiếu như vậy được. Nhưng khi chúng ta có trí tuệ Bát Nhã, thì chúng ta nhìn cái thân này cũng như nhìn ngoại cảnh bằng cái nhìn của toàn tri hiện hữu, thì toàn pháp giới này là như vậy. Cho nên không nói chuyện khổ và chuyện không khổ ở đây.

Tạm mượn nói “*ngũ uẩn giai không*”, tạm mượn nói là “*độ nhứt thiết khổ ách*”, chứ thực sự không có khổ và không khổ ở chỗ này, không có thân ngũ uẩn và không thân ngũ uẩn ở chỗ này, chỉ là sự hiện tiền của Bát Nhã đang chiếu soi hiện hữu đó thôi. Từng khoảnh khắc một là mỗi mới, lúc nào trí tuệ chúng ta đạt tới tầm mỗi một cử động nhỏ đều là mới

mẻ hiện tiền, thì lúc đó được gọi là “*hành thâm Bát Nhã*”, ngay phút giây đó chúng ta đang “*hành thâm Bát Nhã*”, còn so sánh là không phải. Chúng ta phải hiểu rõ lại ý nghĩa của “*hành thâm*” này, phải hiểu rõ lại ý nghĩa của “*chiếu kiến*” này, mới thấy trí tuệ Đức Phật khi nói về ngài Quán Tự Tại không phải nói để chúng ta phải quán thế này thế kia, để mai kia thân mình nó được nhẹ, nó rã thành không v.v... Tất cả những điều đó đều lệch ý của Phật.

Chúng ta phải học để thấy lại giá trị đích thực của chữ “*hành thâm Bát Nhã*”, là sự hiện tiền rõ biết, không thông qua sự so sánh phân biệt nào. Từng khoảnh khắc mọi nơi ngay tại đây và bây giờ, chúng ta phải thấu rõ cái mới mẻ đang hiện tiền này, là chúng ta đang “*hành thâm Bát Nhã*”. Chúng ta thấy nơi thân hoặc nơi tâm bằng cái thấy mới mẻ hiện tiền không phải kinh nghiệm, là lúc đó chúng ta đang “*hành thâm Bát Nhã*”. Lúc mới mẻ này không có khái niệm có thân và có tâm ở đây nữa, lúc đó mới gọi là ngũ uẩn giai không, mới gọi là “*hành thâm Bát Nhã*” thì tất cả khổ ách đều hết.

Chúng ta ở ngay tại đây phải thể nhập được cái hiện tiền rõ biết không phải là thân tâm này, nhưng đang rõ ràng thân tâm này từng khoảnh khắc một mới mẻ hiện tiền, đang rõ biết tất cả những cảnh giới mới

mẻ hiện tiền mới tinh khôi và không có lạp lại. Mỗi khoảnh khắc mỗi mỗi đang hiện hữu với chúng ta, thì chúng ta là người đang “*hành thâm Bát Nhã*” và đang “*chiếu kiến ngũ uẩn giai không*”. Lúc đó tất cả chúng ta đều ở ngoài khổ và vui, cho nên hết tất cả khổ ách.

Kinh Bát Nhã là bản Kinh hết sức quan trọng đối với Phật giáo Đại Thừa. Khi Đại Thừa Phật giáo phát triển đi khắp nơi thì kinh Bát Nhã được giới Phật giáo và những người tu Thiền coi trọng. Nói tới cửa Thiền là nói tới chữ **không** trong kinh Bát Nhã. Ngay câu đầu tiên sau lời tựa, Đức Phật nói: “*Khi Bồ Tát Quán Tự Tại hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa, Ngài soi thấy năm uẩn đều không, liền qua hết thấy khổ ách*”. Một câu nói hàm chứa tất cả công phu tu hành của người tu Phật, nói được giá trị đích thực của đạo Phật.

3. Ngũ uẩn đều không liền qua hết thấy khổ ách

Tại sao “*ngũ uẩn đều không liền qua hết thấy khổ ách*”? Ngũ uẩn không “*giai không*” thì chắc chắn chúng ta còn khổ. Khi chúng ta học đạo thấy việc mình tìm cầu đạo lý giác ngộ giải thoát, tìm chân lý, tâm sự học đạo v.v... Tất cả đều đạt tới đỉnh cùng của nó cũng không qua khỏi câu nói này. Một người như chúng ta nếu chưa có một lần “*ngũ uẩn giai không*”, thì xem như khổ ách còn nguyên. Dù chúng ta là ai, dù ở cõi giới nào, khi chúng ta rời cõi người lên tới cõi trời

chúng ta cũng chưa rời khỏi ngũ uẩn. Vượt qua ngũ uẩn tức là chúng ta vượt ra ngoài tam giới thì khổ ách chúng ta mới hết. Trong tất cả các Kinh điển khác nói nhiều về kiết sử, lợi sử, độn sử, chúng ta phá trừ từng kiết sử một, nhưng ở đây Đức Phật nói rất gọn là chỉ cần “ngũ uẩn giai không”.

Khi con người chúng ta có mặt ở đây là hình thành năm uẩn, nhưng khi bỏ thân xác này thì chúng ta chỉ mới bỏ có một uẩn là sắc uẩn. Lúc đó thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn vẫn còn nguyên, và chính các uẩn này đi vào cõi âm. Nếu như chúng ta thờ ra mà không hít vào thì tất cả những nghiệp của chúng ta đã tạo trong cuộc đời vẫn còn nguyên đó, nó sẽ đi vào tất cả các cõi tương ứng với nghiệp thức của mình. Dù chúng ta khoác một chiếc áo mới là ai thì thọ, tưởng, hành, thức vẫn nguyên, nhưng nó bị che mờ bởi lớp áo mới của nghiệp này. Thọ, tưởng, hành, thức đi theo chiều hướng đoạn đời ngắn ngủi đó, để nó thành buồn thương giận ghét trong đoạn ngắn này. Chúng ta không bao giờ phá bỏ được buồn thương giận ghét này bằng bất kỳ hình thức nào, nếu chúng ta không có lần “ngũ uẩn giai không”.

Ở cõi người thì chúng ta cảm nhận khổ của loài người. Nếu không đủ phước làm người ở kiếp sau, thì toàn bộ thọ, tưởng, hành, thức sẽ nhận thân mới, như

thân con thú thì cảm thọ khổ vui của loài thú do chiếc áo mới khoác vào nó cũng tưởng tượng, cũng phân biệt khổ vui với bao nhiêu cái buồn thương giận ghét của đời này còn nguyên đó, nhưng đoạn đó nó sinh hoạt theo kiểu của loài thú. Đây là điều chúng ta thấy cái dễ sợ của ngũ uẩn.

Kinh Bát Nhã nói tới “ngũ uẩn giai không” buộc chúng ta phải phá vỡ ngũ uẩn mới ra khỏi sanh tử, còn không thì đi hoài trong cõi giới này. Đừng nghĩ thân ngũ uẩn này sẽ được ai che chở, được ai dẫn dắt về cõi cao hơn là chúng ta đã làm. Thử một chuyện rất bình thường ở thế gian, chúng ta là người dân bình thường muốn vào phủ Chủ tịch được không? Vì mình là người dân, không có việc gì trong phủ Chủ tịch để mình đi vào đó cả. Cũng vậy sau khi thân ngũ uẩn này chết phước chúng ta chỉ là người thôi, không bao giờ có cái giá cao hơn cõi người được. Dù có cho chúng ta ở cõi trời thì chúng ta cũng không ở nổi, đừng nói đến chuyện ở cõi cao hơn. Trước khi chết mà có ai dụ dỗ nói tôi dắt ông đi về cõi này cao hơn, đó là lời dụ dỗ không căn cứ.

Thật dễ sợ, những người không thấu hiểu sanh tử luân hồi trong đạo Phật, luôn vẽ bánh vẽ thật to để cho vô số người bị lầm mê trong bánh vẽ này. Cái gì nó cũng có cái giá nhất định của nó, ví dụ cái giá nhưt

định của chúng ta là với cả đời tu tập, đã từng làm phước cúng dường, xứng đáng về cõi trời Tứ Thiên Vương, thì không có chuyện leo lên Đế Thích Vương được. Nếu ngay cuộc đời này mà thân ngũ uẩn chúng ta không phá vỡ thì tứ uẩn kia nó sẽ kết với thân uẩn theo cái tướng tượng của nó, tương ưng với tầng phúc báu đó trở thành năm uẩn mới.

Ví dụ chúng ta bỏ thân mạng này chết đi thì ngay tại đây cái tướng, hành, thức sẽ tướng tượng ra là mình còn thân đó, khiến mình vào cõi âm bằng một thân mới gọi là thân trung ấm. Thức nhận định thân trung ấm với hình sắc như vậy, cao bao nhiêu, mặt mũi ra sao, nó mang thân trung ấm ở chùng đó và mang thân đó đi vào cõi âm. Nếu thân này không thọ thai mới thì cứ mãi mãi là cái thân đó đi trong cõi âm, hưởng cái buồn thương giận ghét với một số nhân quả mà mình đã làm trong đời này và những kiếp trước.

Đến lúc dự vào thai nào đó, vào cõi nào đó thì vẫn tiếp tục mang thân tứ uẩn này mà đi. Sự tích chứa chủng tử nghiệp thức sanh tử trong ngàn đời ngàn kiếp của chúng ta, thu gom lại làm thân này có đầy đủ sắc, thọ, tướng, hành, thức gọi là thân ngũ uẩn. Mỗi đời chúng ta gom thêm một chút nghiệp, là chúng ta thay cái áo mới. Thân đó chết giống như lột bỏ áo, tiếp tục thay áo mới mặc vào, để chúng ta ra hình sắc là màu

xanh, ra hình sắc màu vàng, ra hình sắc màu đỏ, vậy thôi, chứ chúng ta không có cách nào ra ngoài được thân ngũ uẩn này.

Đức Phật nhấn mạnh tới “*ngũ uẩn giai không mới qua được hết thấy khổ ách*”, thì chúng ta phải hiểu ngược lại “ngũ uẩn chưa giai không” thì “khổ ách” còn nguyên. Cho nên đừng nghĩ sẽ có ai đó rước mình đi, ai đó giúp mình, ai đó phá vỡ ngũ uẩn để mình được sống an lạc, đó là sự hiểu lầm quá lớn trong Phật đạo.

Muốn phá vỡ ngũ uẩn mình phải hiểu như thật là mình đang dính mắc cái gì. Kể từ giờ phút này chúng ta ý thức là mình đang dính kẹt trong thân ngũ uẩn. Sự dính kẹt này chúng ta luân quản trong vòng ngũ uẩn này, mà phải cần có công lực rất lớn để phá vỡ. Còn nếu không phá vỡ được, thì đi đâu cũng mang những cái uẩn này đi. Cái thọ, tưởng, hành, thức này chúng ta phải mang hoài cho nên khổ hoài, vì thế Đức Phật buộc chúng ta phải một lần “*ngũ uẩn giai không*”. Người tu nào không nhắm tới thân ngũ uẩn để phá vỡ, để vượt thoát, thì người đó là người mộng mơ, mộng chồng thêm mộng, tưởng mình hết mộng nhưng thực ra là hai mộng chứ không phải một mộng bình thường.

Ngay câu đầu tiên Đức Phật nói ngài Quán Tự Tại Bồ Tát, Ngài đã thâm thấu Bát Nhã rồi, với trí tuệ Bát Nhã, ở chân trời Bát Nhã Ngài nhìn thấy năm uẩn

là không mới ra được khổ ách, còn không thì bị vướng hoài. Chúng ta vào thai là còn nguyên ngũ uẩn đi vào cõi này cõi kia. Nếu chúng ta không phải là người bị tội, thì sau khi bỏ thân này xem như chúng ta là người tự do, theo như nhân quả bây giờ thì mình thừa sức làm người trở lại. Nhưng lúc đó nếu chúng ta không chịu làm người, hay ngán kiếp người mặc dù phước chúng ta đang đủ. Nhưng có một điều rất lạ kỳ là trong sanh tử không phải mình muốn mà được. Chuyện luân hồi sanh tử có sức hút của nghiệp tập, có những cái mình không bao giờ cưỡng lại được.

Bây giờ mình muốn ngồi đây thì mình ngồi, muốn đứng thì mình đứng, muốn đi thì mình đi là mình còn tự do trong cõi người. Sống trong cuộc đời, chúng ta lớn lên và trưởng thành theo cái tự do của chính mình. Nhìn bề ngoài tưởng mình tự do, nhưng thực sự nó có tác động của nghiệp tập, phù hợp tương ứng với nhân quả trong cuộc đời của mình. Nên tự động mình tác ý cái chuyện kề cận với nhân quả, khiến cho mọi chuyện đi theo chiều nhân quả mà mình đi, mình đứng, mình nằm, mình làm việc này việc kia.

Không phải tự nhiên ngang đây có một sự quyết định chín chắn sáng suốt của chính mình, để mình làm theo cái mới này của mình. Mà tất cả chúng ta đều bị sự thúc bách của nhân quả theo trình tự thứ lớp của

chính nó, để hôm nay mình ăn mặn hay ăn chay, để hôm nay mình đi chùa hay đi chợ. Sự thúc bách của nhân quả đúng thời, đúng điểm để chúng ta phải làm việc đó kề cận nhân quả kể là một sự sắp xếp hết sức trật tự, chúng ta không thể làm xáo trộn nhân quả trong cuộc đời của mình. Mọi điều xảy ra tương ứng với cái mà mình sắp có và sắp tới là sự sắp xếp rất tinh vi của nhân quả luân hồi.

Nhân quả đó do cái gì? Do các uẩn này nó còn nguyên từ kiếp trước mình mang theo cho đến ngày nay, cái tướng, hành, thức vẫn còn nguyên như vậy. Cái thọ tùy theo lớp áo bên ngoài mà mang kiểu thọ khác nhau. Cho nên thọ uẩn thực sự không phải là vật chất hẳn hoi, mà nó cũng không phải là tinh thần hoàn toàn. Ví dụ cảm nhận của mình ngay tại đây mình có thân này, trong không gian này tự dung mình cảm nhận nực, thì cảm nhận đó chỉ trên thân thôi, cảm nhận của hệ thống thần kinh cảm giác của thân. Nếu như chúng ta học đạo không kỹ mình cho thọ này là vật chất. Như ngồi đây mình nhớ lại chuyện bà kia chửi mình đau lắm, thì thọ này không còn là thân nữa rồi. Sự cảm nhận, suy tưởng của mình ngược về quá khứ, mình nhận lời chửi của người khác mình cảm thấy đau thấu tim. Sự đau đớn này còn hơn là sự nóng bức bây giờ, lúc đó mình chỉ nhớ tới cơn đau đó thôi mà quên đi sự

nóng bức này. Như vậy, thọ khổ và thọ vui nó không nằm ở mặt vật chất.

Chúng tôi có đọc tài liệu Bát Nhã gần đây nói, thọ chỉ là hệ thống thần kinh cảm giác, xin thưa chưa đủ. Nếu mình chửi người đó một câu thật nặng thì không dính gì tới hệ thống thần kinh cả. Cái thọ do nóng, do lạnh, do khổ của thân nó tương ứng tác động đến hệ thống thần kinh cảm giác, chứ thọ không phải là hệ thống thần kinh cảm giác bình thường, chúng ta đừng có lầm. Chỉ có thân này thuần là vật chất, nhưng hiểu cho sâu hơn nữa thân vật chất này nó cũng không phải là vật chất, mà nó chính là tâm linh.

Nếu chúng ta thấy vật chất là vật chất, tâm linh là tâm linh, thân ngũ uẩn này chúng ta phân tích sắc uẩn là vô tri, tức là không có tri giác hoàn toàn. Nhưng nếu không có tâm gá vào thì thân này nằm yên đó. Nói thân này không có tri thức thì có thể đúng, nhưng không có cái biết coi chừng chúng ta sai. Nó không có tri thức phân biệt để tạo thành khổ vui, ví dụ người chết, chúng ta sờ vào họ không có tri thức phân biệt, nhưng hình sắc và những vật chất mắt chúng ta thấy được, đừng nghĩ nó không biết là chúng ta làm. Toàn hư không này là hư không linh tri chứ không phải hư không chết, vạn vật có trong hư không này đều có sự nhận biết.

Chúng ta lấy một lá khô nằm bất kỳ ở đâu đó, dùng máy điện kế cực nhạy kẹp hai đầu điện kế vào chiếc lá, tác ý đốt chiếc lá đó chúng ta sẽ thấy kim điện kế dao động liên, như vậy biết rằng lá khô kia không phải là vô tri đầu. Tất cả vật chất này hoàn toàn không phải là vô tri. Nó có cái tri nhưng không phải là thức phân biệt để chọn lựa.

Khi học về ngũ uẩn, chúng ta mới thấy rõ ràng mình bị kẹt trong thân ngũ uẩn. Đây là thân trói cột, chúng ta không chạy đâu cho thoát cái thọ, nhúc nhích là chúng ta cảm giác khổ, vui. Mình không có cái gì ra khỏi khổ cả. Khi nào “*ngũ uẩn giai không*” thì khổ vui mới biến mất nơi mình, nếu chúng ta chưa có một lần “*ngũ uẩn giai không*” thì thọ khổ hoặc vui vẫn luôn luôn hiện hữu nơi chúng ta. Nơi chúng ta không có nghĩa là thân này, nơi chúng ta là nơi tâm thức đang có đầy đủ thọ, tưởng, hành, thức. Khi chúng ta bỏ thân này thì thọ, tưởng, hành, thức cũng như bây giờ không có khác, mà nó còn nhạy cảm hơn nữa. Nó nhận biết buồn thương giận ghét trong cõi giới nó đang sống, là cõi giới mới không thân. Không có thân sắc uẩn giống như mình bây giờ, mà nó nhận một thân mới hết sức mong manh, gió lạnh nó cũng khổ, nóng nó cũng khổ.

Khi chúng sanh bị đọa địa ngục thì người đó mang đầy đủ thọ, tưởng, hành, thức này đi đọa. Cho

nên đi vào vạc dầu sôi, thì nó cũng khổ như bây giờ chúng ta nhúng tay vào vạc dầu sôi vậy. Nó cảm nhận khổ không khác gì chúng ta hiện tại. Có khi chúng ta thấy mình ở cuộc đời này khổ quá nên tự vận, mình tưởng rằng qua cõi giới âm là hết khổ. Không có đâu, dù có chết vẫn mang theo cái khổ giống như bây giờ, và nó khổ còn dữ dội hơn nữa. Cho nên đừng ai nghĩ mình chạy trốn cái khổ đời này, đó là sai lầm.

Chúng ta không làm sao thay đổi được cái khổ của mình, nếu mình không công phu tu tập để vượt qua. Mà cũng không có vị Phật nào chịu khổ thế giúp mình, không có vị Phật nào chặn được cái khổ cho mình, chuyện đó là của mình. Do đó thọ, tưởng, hành, thức không ai có thể thay thế cho mình được. Chúng ta có sự bảo bọc riêng cho mình, đó là ngã chấp riêng tư. Dù thầy có giỏi cỡ nào đi nữa thì chỉ có lời khuyên hoặc lời khai thị, tự mình phải phá vỡ khổ vui của chính mình mới có thể thoát ra được. Đức Phật là người chỉ cho mình giải khổ mà thôi. Chúng ta phải nương theo Kinh điển của Phật dạy để phá vỡ thân ngũ uẩn của chính mình.

Đây là chuyện hết sức quan trọng, để thấy được mình là người bị vướng trong ngũ uẩn không lối thoát. Nếu như ngồi tại đây mà chúng ta không thấy được sự vướng mắc này, thì chúng ta tu cái gì, thoát đi đâu, nói

giải thoát là giải thoát cái gì? Chúng ta phải thấy được cái gút này của chính mình. Đi đâu chẳng nữa chúng ta cũng không chạy ra khỏi thọ, tướng, hành, thức dù ở cõi trời cũng vậy.

Khi chúng ta phá vỡ được thân ngũ uẩn, ra ngoài thức uẩn thì mới có khả năng ra ngoài tam giới, ra khỏi khổ đau. Còn nếu chúng ta chưa có một lần phá vỡ được thân ngũ uẩn, thì chúng ta không bao giờ ra khỏi khổ đau và ra ngoài tam giới. Lý giải thoát của đạo Phật là chúng ta phải phá bằng được thân ngũ uẩn, không có con đường thứ hai. Rất nhiều người bày biện đủ trò, đủ kiểu, để chúng ta được thoát khổ, và gợi ý vẽ vời cho người khác có một chương trình hết khổ ở đâu đó, để mang thân ngũ uẩn tới đó được hết khổ. Không có điều đó đâu! Mang cái thân tứ uẩn tới cõi đó thì cõi đó cũng nguyên là cái thân tứ uẩn, cũng thọ, tướng, hành, thức đó thì làm sao hết khổ.

Đức Phật nói “*Ngũ uẩn giai không thì mới thật sự hết khổ*”, ngũ uẩn còn thì không có cách nào thoát khổ, không có pháp nào giải khổ. Học Phật chúng ta phải thấy điều vướng kẹt này. Dù muốn dù không chúng ta đã bị dính trong ngũ uẩn rồi, chúng ta có chấp nhận hay không chấp nhận thì chúng ta cũng không ra khỏi ngũ uẩn, chấp nhận hay không chấp nhận chúng ta cũng đang khổ đây, không có đường nào chúng ta thoát

ra khỏi thân ngũ uẩn. Đức Phật khẳng định phải tới được “*ngũ uẩn giai không*” mới hết khổ, chưa ngũ uẩn giai không thì không bao giờ hết khổ. Chúng ta phải nắm lòng câu Đức Phật nói.

Tôi nghĩ tất cả những người học Phật, dù Thiên tông hay Nguyên Thủy Phật giáo, hay Đại Thừa Phật giáo đều phải thấy điều này. Kinh Vô Ngã Tướng, Đức Phật cũng nhắc đến thân ngũ uẩn mà nói để phá cái ngã của thân ngũ uẩn, chứ Đức Phật không nói chuyện khác. Trong hệ thống kinh Nguyên Thủy, Đức Phật cũng muốn chúng ta thoát ly sanh tử, Đức Phật cũng dạy chúng ta phá ngũ uẩn bằng những lý luận khác nhau. Đức Phật ví thân ngũ uẩn giống như bẹ chuối, chúng ta phải lột hết những lớp chuối đó để ngũ uẩn thành không.

Khi “*ngũ uẩn là không liền qua hết thấy khổ ách*”, đây là sự thống nhất cả tư tưởng Đại Thừa Phật giáo và Nguyên Thủy Phật giáo không rời nhau. Người nào phá vỡ tư tưởng này cho rằng có con đường giải thoát khác, thì chúng ta phải xét lại. Không cách nào chúng ta ra khỏi khổ nếu như ngũ uẩn chúng ta chưa phá. Chúng ta phải thấy cái vướng mắc này, mình đã loanh quanh luẩn quẩn trong đó hàng tỷ tỷ kiếp rồi, mình vùng vẫy để ra nhưng không có cách nào ra khỏi. Nếu chúng ta không nắm ở điểm này để phá vỡ mình

mà thoát ra, thì ngàn đời muôn kiếp chúng ta bị quán hoài trong đó. Mang thọ, tướng, hành, thức đi lãnh mạng này; mang thọ, tướng, hành, thức đi lãnh mạng kia; mang thọ, tướng, hành, thức đi lên cõi trời; mang thọ, tướng, hành, thức xuống địa ngục. Cứ lòng vòng trong lục đạo luân hồi mang đi để thọ khổ hoài. Lấy cái gì để chúng ta thoát khỏi vòng luẩn quẩn này. Đây là điều chúng ta phải thấy.

Rất mong người học Phật phải thấy được sự vương mắc này của mình. Bây giờ tu theo đạo Phật, mình khổ là khổ cái gì? Trong tám khổ có ngũ ấm xí thanh khổ, mang thân ngũ ấm này thịnh suy gì cũng phải khổ, lên cõi trời cũng khổ, xuống địa ngục cũng khổ. Ngũ ấm xí thanh khổ khó phá hơn là sanh, già, bệnh, chết, khổ; thật khó phá vô cùng.

Dù ở cõi trời Đạo Lợi Thiên, Quang Âm Thiên hay Đâu Suất Thiên nếu không phá được ngũ uẩn vẫn là khổ. Dù ở cõi trời được hưởng phước báu vật chất hơn cõi người, nhưng tâm linh chưa chắc sung sướng, chỉ trừ cõi thiên định mà thôi. Ví dụ lên cõi trời Đạo Lợi hoặc cõi trời Đâu Suất thì thiên định rất sâu mới tới được. Còn những cõi làm phước để về thì thân ngũ uẩn này vẫn còn đau khổ nhiều lắm. Rời định nhưng không phá ngũ uẩn, thì tiếp tục mang cái nặng nề của ngũ uẩn trong giai đoạn chúng ta đang thọ thân.

Nếu là người, mặc áo người, thì sắc uẩn của người đang hiện hữu ở đây để chúng ta nhận cái thọ cảm khổ vui của kiếp người, của loài người. Nhưng nếu chúng ta lột áo cõi người ra thì mình đi lên hay đi xuống? Đi lên cũng mang tứ uẩn này lên tìm cõi trời gần hơn, nếu chúng ta chưa phải là người thiên định sâu thì tới cao lắm là cõi trời Tứ Thiên Vương, lên đó hưởng phước cũng được ăn sung mặc sướng, ở nhà cao cửa rộng, không có cực khổ như bây giờ. Dù cho vài trăm năm, vài ngàn năm đi nữa thì thân ngũ uẩn này hưởng hết phước của áo cõi trời, áo đó mục rồi thì lại xuống cõi thấp hơn để hưởng vạc dầu sôi, hưởng ngục hàn băng, v.v...

Cảm nhận để khổ để vui này chưa bao giờ mất, khi chúng ta đi trong tất cả các cõi tiếp tục nhận cái vừa ý thì vui, không vừa ý thì khổ, cứ mãi mãi luân quần trong tam giới này. Nếu như có pháp tu nào, có con đường nào, có đạo lý nào giúp chúng ta phá được thân ngũ uẩn thì mừng đi, tìm cách đi theo để ngày nào đó hy vọng chúng ta phá được ngũ uẩn. Thọ uẩn chúng ta chưa thoát thì chắc chắn tưởng không phá được, hành còn nguyên, thức còn nguyên, thì như vậy đi đâu cũng bốn thứ này đi, tùy theo nhân quả nghiệp báo nó mượn tạm cái áo mới mặc vào thành uẩn thứ năm là sắc uẩn.

Không phải làm người có năm uẩn, qua cõi khác không có, mà lên cõi trời có sắc uẩn kiêu của cõi trời, xuống địa ngục có sắc uẩn kiêu của địa ngục, súc sanh có sắc uẩn của súc sanh. Cảm nhận khổ vui sắc uẩn của con bò, cảm nhận khổ vui sắc uẩn của con heo ở tầng của nó, mặc áo đỏ nên nó chiếu theo màu đỏ, mặc áo vàng chiếu theo màu vàng, mặc áo xanh nó sáng theo kiêu màu xanh, mặc áo trắng nó sáng theo kiêu màu trắng, mặc áo người thì khổ theo kiêu của người, mặc áo súc sanh thì khổ theo kiêu súc sanh, mặc áo cõi trời thì khổ theo kiêu của trời, không ra được cái khổ.

Vấn đề là không ra được thọ uẩn, thì tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn cũng không ra. Đừng nghĩ mình chết ở đây sẽ được ai giúp mình đi đâu để mình hết khổ. Xin thưa, không cách nào được, đừng bao giờ quý vị nghĩ rằng có ai đó giúp mình hết khổ, trừ trường hợp gặp bậc Đại Bồ Tát nào có đủ khả năng khai thị cho mình phá vỡ thân ngũ uẩn thì cái khổ mới có thể hết.

“Khi Bồ Tát Quán Tự Tại hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa, Ngài soi thấy năm uẩn đều không, liền qua hết thấy khổ ách”. Ngài Bồ Tát Quán Tự Tại đã thâm nhập Bát Nhã thì cái thấy, nghe, hay, biết của Ngài là Bát Nhã, không còn là chuyện khác. Thấy bằng Bát Nhã, nghe bằng Bát Nhã, ngửi bằng Bát Nhã, nếm bằng Bát Nhã thì không dính gì tới ngũ uẩn có hay là

không. Khi Ngài soi thấy năm uẩn, Ngài không nhìn thân ngũ uẩn này là không, mà là Bát Nhã. Vì khi Ngài là Bát Nhã thì cái thấy nhìn đều là Bát Nhã mới qua hết thấy khổ ách. Dù ngũ uẩn có, ngũ uẩn không, dù lý luận kiểu nào nếu còn ngũ uẩn trong cái thấy nhìn của mình thì còn khổ.

Khi ngài Bồ Tát Quán Tự Tại hành thâm Bát Nhã, tức là Ngài sống được với chân trời Bát Nhã, Ngài đã thâm nhập trong cái thấy biết của Bát Nhã, Ngài là Bát Nhã, nên cái gì rớt trong Bát Nhã đều biến thành Bát Nhã, gọi là “*chiếu kiến ngũ uẩn giai không*”. Nếu có mảy may trong đầu là thân, là thọ, là tâm, là pháp, là sắc uẩn, là thọ uẩn, là tưởng uẩn, là hành uẩn, là thức uẩn, mà nhìn “*sắc tức thị không*” là chúng ta không đi đến đâu cả.

Đầu tiên Đức Phật gợi ý cho chúng ta là Bồ Tát Quán Tự Tại, Ngài đối với tam giới này hoàn toàn không còn cái gì chướng ngại. Với trí tuệ Bát Nhã cho nên Ngài tự tại tự do ngoài tam giới này. Bằng cái nhìn thoát khỏi tam giới đó mà nhìn cái thân hiện đang có, thì nó là cái gì? Nói là không thì tạm gọi là đúng, nhưng nói đúng nhất nó là Bát Nhã, không phải là ngũ uẩn giai không nữa, mà ngũ uẩn là Bát Nhã mới độ nhứt thiết khổ ách.

Khi một người đã là Bát Nhã, thì tất cả mọi thời, mọi lúc đều là Bát Nhã mới ra khỏi thân ngũ uẩn. Không phải ngũ uẩn là có, là không, là huyễn, là giả, là duyên hợp, tất cả những cái nhìn đó là của tâm thức. Ví dụ chúng ta nhìn thân này là vô thường, là không thường còn, không thường có, nó luôn thay đổi biến thể từ vị trí cho tới hình sắc. Mình nhìn thấy thân này vô thường, lời nói vô thường, cảnh giới vô thường thì mình nhẹ đi cái vương chấp của mình, chỗ đó cũng chưa tới. Mình nhìn thấy thân này là huyễn, thấy thân này đương thể tức không cũng chưa tới. Mình thấy pháp này là không như Tôn Ngộ Không thì vẫn còn kẹt trong thân ngũ uẩn. Lãnh chức Bát Mã Ôn cũng không chịu, đã nhận được cái không thì cả pháp giới này là không, địa ngục là không, thiên đường là không nhưng vẫn còn kẹt trong thân ngũ uẩn kia, chưa ra được.

Đến với đạo Phật chúng ta phải toàn tâm, toàn ý, toàn lực, toàn nguyện, toàn ý chí của mình mà hướng về đạo quả để tạo thành lực lớn, mới phá được thân ngũ uẩn. Tu cỡ như Tề Thiên là giỏi lắm rồi, ngộ được lý không là xóa sổ địa ngục, xóa sổ thiên đường thì không phải là người đơn giản. Đường thiện không đi, đường ác không đi, chỉ còn đường duy nhất là thoát ly sanh tử, thì đâu phải người ý chí tầm thường làm được, vậy mà còn kẹt trong thân ngũ uẩn, còn uống như uống nước đồng sôi, còn ăn như ăn hòn sắt nóng cứ tiếp tục

như vậy. Một sự diễn tả khổ đau của kiếp con người không thoát ly sanh tử nổi.

Đức Phật nói lên giá trị trí tuệ Bát Nhã trong đạo Phật. Nếu chúng ta không đạt được trí tuệ này giống như ngài Quán Tự Tại, thì khổ ách còn nguyên với chúng ta. Dù là chúng ta đi vào tất cả các cõi trong tam giới này, không có cõi nào đủ giải quyết hết cái khổ cho chúng ta, chỉ có cõi ngũ uẩn giai không mới giải quyết hết khổ mà thôi.

Vì sao chúng ta muốn ngũ uẩn giai không? Vì nếu còn một mảy may uẩn nào đó ở nơi mình thì mình còn tiếp tục sanh tử luân hồi, tiếp tục khổ đau không ra được. Ngày nào chưa có một lần thực sự chết thân ngũ uẩn này, thì biết ngày đó chúng ta còn khổ. Sống trong cõi này dù được an lạc, được ở chỗ thanh tịnh, yên lặng, ở chỗ thường tri cũng là còn mang thân ngũ uẩn. Chưa có một lần ngũ uẩn giai không, thì biết rằng mình tiếp tục còn bị bốn uẩn lôi đi nhận thêm uẩn mới để tiếp tục khổ ở cõi mới, không ra được.

Từ xưa tới giờ chúng ta từng chết nhiều kiếp. Chúng ta cũng đã từng chứng kiến người thân chết, bạn bè chết, nhưng chết đó chỉ là chết thân sắc uẩn nhưng bốn uẩn kia vẫn còn nguyên.

Cho nên muốn thoát khỏi cái khổ luân quần trong tam giới này, bằng bất cứ giá nào chúng ta cũng phải

một lần “ngũ uẩn giai không” mới vượt qua hết thảy khổ ách.

4. Muốn ngũ uẩn giai không phải có thiện căn phước đức nhân duyên lớn

Kinh Di Đà diễn tả điều này cũng rất hay: “*Xá Lợi Phất! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nơn nào nghe nói Đức Phật A Di Đà, rồi chấp trì danh hiệu của Đức Phật đó, hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày, nhứt tâm bất loạn. Khi lâm chung thì Phật A Di Đà cùng chư Thánh chúng hiển hiện; khi ấy, tâm không điên đảo, liền hoà nhập vào cõi giới Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà*”.

Đức Phật nói không thể có thiện căn, phước đức, nhân duyên nhỏ mà sanh về cõi kia. Thiện căn lớn là cái gì? Thiện căn nhỏ là cái gì? Ví dụ chúng ta là người tu, nếu có người chửi mình một câu, mình thấy có thể bỏ qua được. Hoặc người kia gạt mình mười ngàn, hai mươi ngàn, một trăm ngàn đồng mình có thể bỏ qua được vì mình có thừa khả năng tạo đồng tiền này. Nhưng người ta gạt mình tán gia bại sản, mình cất đầu không lên, không cơm ăn áo mặc, lang thang ngoài đường thì mình như thế nào, có bỏ qua nổi không? Trong lòng mình có chút nào không phiền hận người ta không? Hoặc là người ta giết mình, tưởng mình chết

rồi họ bỏ đi, lỡ mình sống lại thì trong lòng mình có khởi nửa ý niệm hận thù không? Những cái này tất hết thì mới hy vọng gọi là thiện căn lớn, còn mình không bao giờ quên mối hận này thì gọi là thiện căn chưa lớn. Khi thiện căn lớn thì có mất hàng tỷ mạng này, người ta có giết mình rồi mình sống lại người ta giết tiếp, chúng ta chưa hề có nửa ý niệm thù hận, đó mới là thiện căn lớn. Chúng ta có đủ sức này hay chưa?

Đức Phật muốn nhắc nhở đến đạo lý sẵn sàng “tan thân mất mạng” bất kỳ giờ phút nào, bất kỳ kiếp nào, bất kỳ cõi nào, chúng ta sẵn sàng bỏ thân mạng cho Phật Pháp thì người đó mới có thiện căn lớn. Khi mình đến với Phật đạo, đến với đạo lý, đến với một Thiện tri thức mà mình có thái độ bất kính, có thái độ bất tuân bất phục, có thái độ bất thường từ đầu tới cuối thay đổi tâm thức mình hoài, thì biết rằng thiện căn mình chưa lớn. Khi mình chưa chọn được vị Thầy dẫn đạo cho mình thì sao cũng được, mình còn đang chọn lựa; nhưng đã chọn lựa rồi, thấy chắc rằng vị Thầy có khả năng giúp mình thoát khỏi sanh tử luân hồi thì giao mạng đi. Thầy bắt đứng thì cứ đứng, bắt ngồi thì cứ ngồi là yên tâm.

Nhiều khi vị Thầy muốn thử xem mình thiện căn lớn hay nhỏ. Nếu vì lợi ích này hay quyền hạn kia thì biết rằng thiện căn chúng ta còn nhỏ. Tự mình ngồi đây

xét xem thiện căn mình bao lớn, thiện căn lớn thì mới bước vào cõi giới kia, còn thiện căn nhỏ thì không được; thiện căn lớn chúng ta có thể đánh đổi hàng tỷ kiếp của mình, sanh ra đời sẵn sàng chết cho đạo hàng tỷ tỷ kiếp, cực khổ cỡ nào, gian truân cỡ nào, lao nhọc cỡ nào, cũng vì đạo lý mà chúng ta chết, thì người đó mới gọi là thiện căn lớn. Còn bây giờ cực một chút thì bỏ Thầy, vui thì tới không vui thì bỏ qua Thầy khác vui hơn, thì thiện căn đó không có cái vé tới Tây Phương Cực Lạc.

Người có phước đức lớn là như thế nào? Thế gian tôn xưng Đức Phật là bậc Lương Túc Tôn, là bậc Phước đức và Trí tuệ tròn đầy, từ cõi trời cho đến cõi người quỳ dưới chân Đức Phật để học đạo. Đức Phật lúc còn là Thái tử, hôm đó là lễ hạ điền, vua Tịnh Phạn cùng quần thần cầu mưa, Thái tử ngồi dưới gốc cây và vào định. Khi Ngài ngồi từ trưa cho tới xế chiều thì mặt trời sẽ rọi đến phía trước mặt, Thái tử sẽ bị nóng, nhưng vì Thái tử phước đức lớn quá nên thọ thần cây cỏ thụ phải nghiêng mình làm lọng để che nắng cho Thái tử.

Còn ở trong nhân gian này, nếu người có phước đức lớn thì họ vừa khởi tác ý là đều được trời người ủng hộ. Phước họ lớn thì vật chất này với họ phải tràn ngập, không có chuyện thiếu thốn. Cả thế gian này

không thể ghét bỏ họ được, lúc nào họ cũng được thương quý. Người có phước lớn thì mọi việc làm, mọi việc tính gần như có sự lo lắng, ủng hộ, bảo bọc từ cõi người cho tới cõi trời; từ nhơn cho tới phi nhơn. Nếu họ làm Phật sự thì các vị Long Thiên Hộ Pháp đều ủng hộ che chở cho họ.

Người có phúc đức lớn họ làm chuyện gì nhìn thấy bình thường, nhưng bên sau họ có sự bảo bọc, gia trì, gìn giữ, ủng hộ để việc làm của họ đúng với chánh Pháp. Mình thấy người đó đi đứng kiêu giống như mình, nhưng họ có sự gia trì, bảo vệ của Long Thiên Hộ Pháp. Người có phúc đức lớn sẽ là người có trí tuệ lớn. Nếu chúng ta quên đi việc phước báu của chính mình thì coi chừng chúng ta bị hụt hẫng trên bước đường giác ngộ giải thoát. Người có phước lớn là bản thân họ sống trong cõi đời này gần như có sự bảo bọc về mọi phương diện, họ được đồng loại chấp nhận, không ai chối bỏ họ. Họ được những người cao hơn, những bậc hiền trí thương quý họ. Người có phước đức lớn muốn có cái gì được cái đó.

Phước đức lớn còn kèm theo nhân duyên lớn. Ví dụ, người bình thường muốn đi tới chỗ có Phật Pháp để nghe mà họ không có khả năng đi, nhưng nếu có phước họ sẽ được người khác bao xe cho đi. Người không có phước, tuy rằng đã chuẩn bị hết rồi, nhưng sáng ra tự

động có chuyện để ra xe trẻ không đi được, do phước không đủ lớn để họ thọ nhận tất cả cái gì quý trọng trong cuộc đời.

Trong đời này, vừa phước đức lớn vừa nhân duyên lớn chúng ta muốn gặp Đức Phật thì được gặp, muốn gặp Bồ Tát thì được gặp, muốn gặp vị Thiện tri thức thì được gặp. Có nhân duyên lành để chúng ta được gần gũi, được thân cận các bậc Thiện tri thức, các bậc đức hạnh, bậc giác ngộ hoàn toàn thì lúc nào chúng ta cũng được gần gũi, thân cận và học hỏi. Ngược lại nhân duyên nhỏ thì chúng ta gặp ai, gặp cái gì cũng chướng nạn, gặp cái gì cũng khó khăn. Ví dụ vô đạo tràng học đạo, bên cạnh mình có người tâm không yên, ngồi lắc qua lắc lại làm mình nghe pháp không được là nhân duyên không lớn. Nếu chúng ta gặp chánh Pháp nhưng không đủ phước đức, không đủ căn cơ, không đủ trình độ để thọ nhận Pháp đó là nhân duyên chúng ta chưa đủ lớn.

Khi nhân duyên lớn, chúng ta muốn có Pháp chuyên tu là có liền, tự động có người đưa bằng đưa sách, có vị đại Thiện tri thức hướng dẫn cho chúng ta. Nhân duyên lớn nữa là chúng ta hành trì Pháp đó để đạt đỉnh điểm của giáo Pháp. Thiện căn, phước đức, nhân duyên đủ lớn như thế chúng ta mới tới được Tây

phương Cự Lạc. Còn nếu thiện căn, phước đức, nhân duyên nhỏ thì chưa được.

Chúng ta tự xét xem nhân duyên mình lớn chưa, phước đức mình tới đâu rồi, nhất là thiện căn chúng ta quá mỏng, thuận ý thì cười vui, nghịch ý là có chuyện rồi. Như cái lợi danh nhỏ khi chúng ta đi ra đường, tiếp xúc với bạn bè, tiếp xúc với xã hội mà mất quyền lợi là chúng ta điên đảo rồi, không đủ bình tĩnh và tâm dao động bất an.

Có những người thực sự là đệ tử mình, đã được mình bảo bọc nuôi nấng từng bữa cơm, họ lớn lên trong vòng tay của mình nhiều năm tháng, nhưng chỉ cần họ thấy mình gây bất lợi cho quyền lợi họ đang có là họ sẽ có thái độ chống báng và hơn thua đủ với mình liền. Đó là nhân duyên nhỏ và thiện căn quá mỏng nên đụng tới quyền lợi là họ có thể phá vỡ, trở thành ác liền. Có thái độ hơn thua hãm hại người khác là thiện căn của mình đã bị phá vỡ rồi, mình trở thành người ác rồi, nhưng mình đâu có thấy. Mình tìm cách này cách kia bảo bọc quyền lợi của mình, lấn át người khác, là chúng ta tự phá vỡ thiện căn của chính mình.

Cho nên người tu mà vun bồi thiện căn từng ngày từng phút từng giây trong đời sống, chuyện thuận chuyện nghịch gì họ cũng tìm cách giữ thiện căn của họ là người hiếm có. Chỉ cần thử một chút quyền lợi,

thử một chút danh vọng là bắt đầu phá vỡ thiện căn nhau hết, thì làm sao chúng ta tới cửa đạo? Đó là người đáng thương, chúng ta không trách vì thiện căn họ quá mỏng, thì đâu đủ để đi tới đạo lý, đâu đủ để đi tới cõi an lạc. Đó là ba cửa ngõ mà chúng ta cần phải có trong đời này để tới đạo lý. Nếu thiện căn không có, phước đức không có, nhân duyên không có thì lấy gì để tới đạo?

Nhiều khi chúng ta ở bên cạnh vị Thiện tri thức, nhưng vì thiện căn quá mỏng nên không đủ sức để thấy vị Thiện tri thức đang ở bên cạnh mình. Thiện căn mỏng nên chúng ta thấy Pháp đó không phù hợp với mình, phước báu chúng ta nhỏ nên chúng ta không đủ sức thừa đương chánh Pháp, chúng ta có thể chê bai chánh Pháp, có thể chê bai vị Thiện tri thức khi chúng ta gặp, chúng tỏ phước đức và nhân duyên chúng ta quá mỏng.

Thiện căn, phước đức và nhân duyên của chúng ta đủ lớn, thì khi gặp vị đại Thiện tri thức mình có cảm nhận lạ thường lắm, chỉ cần gặp thôi là mình cảm nhận đây là bậc chuyên tu, là bậc đại Thiện tri thức, là bậc trí tuệ có thể giúp mình thoát ly sanh tử luân hồi. Khi đủ thiện căn, phước đức, nhân duyên thì đi đâu chúng ta cũng gặp Thiện tri thức, đi đâu cũng gặp đạo lý giác ngộ giải thoát, đi đâu cũng có giáo lý để chúng ta học,

gặp người nào chúng ta cũng đủ thiện duyên để gần gũi và thân cận học đạo lý. Nhưng người không đủ thiện căn, phước đức, nhân duyên thì khi gặp Thiện tri thức rồi chúng ta cũng tìm cách thôi lui, gặp chân lý rồi quay đầu bỏ chạy, chứ không phải tìm chân lý. Phước đức chúng ta mong manh quá, không đủ để rớt vào cảnh giới Phật đạo. Chúng ta hay thôi lui với giáo pháp này, hay thôi lui với vị Thầy kia, thì xem lại thiện căn, phước đức, nhân duyên chúng ta vun trồng như thế nào?

Khi một người bắt đầu chuân bị phá vỡ thân ngũ uẩn này, thì người đó phải đầy đủ thiện căn, phước đức, nhân duyên. Trong Kinh Kim Cang, Đức Phật khuyến khích chúng ta phải bỏ thí Ba La Mật. Ngài Tu Bồ Đề hỏi: *“Người thiện nam, người thiện nữ phát tâm Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nên làm sao trụ, làm sao hàng phục tâm kia?”* Đức Phật dạy: *“Diệt độ như thế vô lượng, vô số, vô biên chúng sanh mà thật không có chúng sanh được diệt độ”*. Sau đó Đức Phật dạy tiếp: *“Lại nữa Tu Bồ Đề, Bồ Tát đối với pháp nên không có chỗ trụ mà làm việc bố thí, gọi là chẳng trụ nơi sắc để bố thí, chẳng trụ thanh hương vị xúc pháp để bố thí. Nay tu Bồ Đề, Bồ Tát nên như thế mà bố thí, chẳng trụ nơi tướng. Vì có sao? Nếu Bồ Tát bố thí chẳng trụ tướng thì phước đức không thể nghĩ lường”*.

Bồ thí Ba La Mật theo nghĩa kinh Kim Cang là gì? Là đối với thân tâm, đối với ngoại cảnh chúng ta hoàn toàn không vướng mắc với bất kỳ cái gì, đối với tam giới này không có chỗ để mình vướng lại, thì người đó gọi là bồ thí Ba La Mật. Khi có tâm đó rồi thì mới khả dĩ phá được ngũ uẩn. Muốn phá ngũ uẩn, thì theo tinh thần Đức Phật dạy là chúng ta phải tương ứng với ngài Quán Tự Tại, phải có trí tuệ Bát Nhã, có thấy biết Bát Nhã thì mới nhìn thấy ngũ uẩn này là không.

Trong lúc chúng ta chưa thành ngài Quán Tự Tại, chưa đủ trí tuệ Bát Nhã thì quán văn tự Bát Nhã, quán chiếu Bát Nhã mới gọi là thể nhập Bát Nhã, xin thưa, thứ lớp đó nếu nói ở Bát Nhã nào thì có thể chấp nhận được, nhưng nói theo tinh thần Bát Nhã Tâm Kinh là không được. Ngay từ đầu Đức Phật không nói chuyện văn tự, quán chiếu, thể nhập. Ba bước này thuộc hệ thống Bát Nhã khác. Bát Nhã Tâm Kinh là bản Kinh Tâm nói về tâm, nói về Chân tâm, nói về Bát Nhã, nói về trí tuệ Ba La Mật đáo bỉ ngạn. Ngay từ đầu Đức Phật muốn cho tất cả chúng sanh đều thể nhập trí tuệ Bát Nhã, để thấy toàn pháp giới là toàn Bát Nhã, trong đó thân ngũ uẩn cũng là Bát Nhã, không phải ngũ uẩn là không nữa.

Khi chết thân ngũ uẩn thì có dự báo trước như trong Kinh Di Đà: “*Hoặc một ngày, hoặc hai ngày,*

hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày, nhứt tâm bất loạn. Thời người đó đến lúc lâm chung, Đức Phật A Di Đà cùng chư Thánh chúng hiển hiện. Khi ấy, tâm không điên đảo, liền hòa nhập vào cảnh giới Cựu Lạc của Đức Phật A Di Đà”. Dự báo trước khi được thấy Phật A Di Đà phải bảy ngày nhứt tâm bất loạn, người đó chuẩn bị chết thân ngũ uẩn, thì được gặp Phật A Di Đà cùng chư Thánh chúng hiển hiện. Phật A Di Đà là vô lượng thọ, vô lượng quang, vô lượng công đức. Tức là tuổi thọ vô lượng, ánh sáng vô lượng trùm khắp pháp giới và công đức trùm khắp tam thiên đại thiên thế giới.

Dự báo cho người tu Thiền chuẩn bị “*ngũ uẩn giai không*” phải tới đâu? Gặp thuận hoặc nghịch trong cuộc đời của chính mình, thì mình ở trạng thái nào để thấy biết? Nếu mình còn một chút dao động thấy tốt, thấy xấu, thấy đúng, thấy sai, hoặc lấy bỏ thì còn xa lắm chưa về tới cổng chùa. Khi chúng ta về đến gần tới cổng chùa, chưa bước vô cổng thì tất cả thuận nghịch trong thế gian này lúc đó nó thành không với mình rồi. Những cái khen, chê, hay, dở, những cái thế gian đang có gần như mình đã tắt mắt rồi. Thân này cái ăn, ở, đi, đứng, tất cả mọi thọ gần như phải tắt mắt với chính mình.

Đối với con đường thiện không phải chúng ta không làm, mà chúng ta làm lợi lạc tất cả chúng sanh nhưng không dính vào đó. Chúng ta không bao giờ tạo ác để đi xuống con đường xấu. Hai con đường đó gần như tắt mắt nơi tâm mình. Không có một ý niệm trong đầu là mình giúp người này, giúp người kia, giúp đạo tràng, mình phụng sự Tam Bảo, mình làm những gì hao tổn tiền của, bỏ thân bỏ xác ra làm, lâu nay gần như những cái đó tắt hết với chính mình.

Dự báo gần nhất là chúng ta đi đâu, đứng đâu, ngồi đâu, nằm đâu là không có dư thừa. Dự báo gần nữa là đối với tất cả duyên cảnh bên ngoài gần như chúng ta không còn chỗ để dính mắc. Đối với tất cả ý niệm nơi tâm chúng ta không theo nó được, chúng ta không lầm lẫn bất kỳ ý niệm nào dù là hết sức nhỏ ở nơi tâm. Tức là nơi tâm rõ sáng mồn mồn, nơi cảnh không hề có sự vướng động. Trong đi đứng nằm ngồi từng giây từng phút trong cuộc sống của chúng ta hoàn toàn không còn vướng động được nữa, đó là dự báo ngũ uẩn giai không.

Chúng ta phải sống liên tục như vậy từ ngày này qua tới ngày nọ, với tất cả duyên cảnh hoàn toàn không vướng động, luôn lưu thông một cách tuyệt đối nơi tâm của mình. Mình ở chỗ rõ biết mà không bị vướng ngoài, không bị vướng trong, bản ngã chúng ta mỏng

từ từ. Chúng ta thấy rằng mình vương chỗ này chỗ kia không được. Và chúng ta thấy được sự thật của mọi vấn đề.

Ví dụ các pháp là vô thường chúng ta phải thấy tới nó là vô thường, các pháp là huyễn chúng ta phải thấy tới nó là huyễn, các pháp là không ta phải thấy tới nó là không. Chúng ta thấy như thật tất cả, là bắt đầu dự báo hết tất cả những kiến giải dư thừa luộm thuộm của mình, chỉ còn một việc duy nhất là phá thân ngũ uẩn. Ngày nào chưa vỡ chuyện này thì ăn như ăn hòn sắt nóng, uống như uống nước đồng sôi, không còn hương vị của cuộc đời hấp dẫn chúng ta nữa, hết rồi! Những cái khoái khẩu, khoái vị, khoái mắt, những âm thanh êm dịu, những cái chúng ta từng đam mê ham muốn tất hết nơi tâm chúng ta, không còn ý vị nữa, đó là dự báo sắp sửa phá vỡ thân ngũ uẩn, như thế để chúng ta biết là mình tới hay chưa tới.

Nếu chúng ta đang ở tầng hoàn toàn không còn gì ở trần gian có thể dính vô tâm chúng ta được, dù đó là cái danh dự nào, dù đó là quyền lợi nào, dù đó là vị trí nào trong cuộc đời đặt định cho mình, nó hoàn toàn mất ý nghĩa rồi. Chuyện chính của mình là “*ngũ uẩn giai không*”, không còn chuyện thứ hai, gom lại chỉ còn việc độc nhất mà thôi.

Khi đó nếu có duyên phước lớn gặp vị Thiện tri thức họ sẽ khai mở để mình tan biến ngũ uẩn. Và quý vị tin đi vị thầy đang chờ đợi mình, những vị Thiện tri thức luôn luôn thấy mình tới điểm này. Chưa chắc vị đó là thầy trước mặt mình, có thể là vị nào khác nhưng họ thấy được mình gần phá vỡ thân ngũ uẩn, tức là nhân duyên đã đến chín muồi. Còn nếu chúng ta vẫn còn dính chỗ này, vẫn còn mắc chỗ kia, vẫn còn vướng chỗ nọ, thì ông thầy có gom lại cũng không nổi, thì phải chịu ngồi đó mà chờ thôi.

5. Cảnh giới ngũ uẩn giai không

Tất cả hành giả trước phút phá vỡ thân ngũ uẩn đều trải qua đoạn này. Cả ngày lẫn đêm, không phút giây nào hành giả cảm giác được thoái mái nhẹ nhàng. Không ai trên thế gian này mình có thể làm bạn được. Tiền bạc, vật chất, danh vọng, ngũ nghĩ hết đường để mình chơi rồi, cửa kia thì không cách nào để đi, dễ sợ lắm! Thế gian này cộng hết tất cả cái khổ lại chưa bằng hành giả khổ trong khoảnh khắc đó. Quý vị không thể nào thông cảm nổi cái uất ở nơi thân tâm của mình, một sự tắc nghẽn gần như là cuộc đời chúng ta bị cùng đường cụt lối, bế tắc, mà không phải như cái lồng một mét nhốt mình nữa, mà nó bị bóp lại thật là nhỏ như đầu ngón tay nhốt trọn thân mình trong đó. Bức bách

đề bùng vỡ ra với mình, là một sự khó chịu nhất xảy ra trong cuộc đời mình và ở thế gian này.

Hành giả phải tới đoạn này là một sự tù túng bức bách. Bây giờ hư không này cũng còn rộng để mình đi lại tự do, mình thấy mình đi trong cái nhà vẫn còn có khoảng không rộng, nhưng hành giả tới giờ phút đó bị bóp nghẹt, thân mình bị nhét trong cái bọc nhỏ xíu. Hành giả cảm nhận sự trói buộc bức bách không ra được, mà không phải một hai ngày, mà nhiều ngày nhiều tháng nhiều năm. Họ ở trong trạng thái cùng đường cụt lối, bế tắc, quyết lòng để ra khỏi đó, không còn chuyện thứ hai. Giống như ai đã từng rớt trong nước sắp sửa chìm, thấy sự ngột ngạt, cố tìm đủ cách để ngoi đầu lên thở một cái, thì tâm trạng hành giả đến độ này cũng như vậy.

Cái mùi này khó nếm, khó nuốt lắm, phải mất nhiều năm nhiều tháng mài mòn trong đó không ai có đủ sức chia sẻ với mình. Nếu không phải là vị Thầy chuyên môn thì không đủ con mắt thấy đệ tử mình tới chừng này. Tới chỗ này vị Thầy mới đập mình được, một chiêu một là có thể ngộ liền. Không có Thầy thì mài mòn nhiều năm nhiều tháng cực lắm. Nhưng có mấy ai tới chỗ này để được đập đầu? Có những vị chuyên môn họ cũng chờ trong hàng đệ tử mình tới chỗ này, vì khi tới chỗ này rồi nó lộ ra cái thần của người

đang ở công phu đỉnh điểm. Lạ lắm! Cái đi, đứng, nằm, ngồi, nói, cười của họ đã gom tới đó rồi, lúc này vị Thầy chỉ cần khều nhẹ là xong chuyện.

Lúc đó mình mới thấy trời đất vỡ toang ra một lần, nổ tung cái nhỏ nhiệm bao bọc mình từ trước tới giờ. Lúc đó mình không phải là cái nhỏ nhiệm của thân tâm, mình tan rã ra. Cho nên khi Đức Phật nói không có ngũ uẩn, không có cái này, không có cái kia, không phải nói để chúng ta hiểu. Chúng ta phải tới cảnh giới này để cảm nhận, tương ưng, tương thông được, chứ không phải dùng suy nghĩ để hiểu về cảnh giới này. Chúng ta rớt vào khoảng chới với hoàn toàn, không biết mình ở trên hư không hay mình ở đất liền, ở dưới đất chắc chắn không còn chỗ để bám rồi. Lưng lửng ở cái khoảng mà mình không còn dụng lực để tiến tới nữa, mà mình không còn trọng lượng để có thể rớt xuống đất. Chúng ta tưởng tượng bị ở giữa hư không mà không phải cái gì treo cột mình. Thấy hư không mênh mông nhưng nó là cái gì trói cột không bung vỡ được. Chúng ta phải tới tâm trạng này thì mới phá vỡ được, chưa tới thì biết mình còn xa đối với công phu.

Khi tâm hành giả đến độ chín muồi, chúng ta sống làm sao mà toàn thể gian này gần như là tắt hết, không còn ý nghĩa nữa, sống là sống vậy thôi, dùng từ đời thường là không còn ham muốn gì nữa, không còn

chỗ nào để khởi ham muốn được. Vì mình biết mình không dính mắc gì được hết, vì mình thấy được sự thật tất cả các pháp không còn có thể vướng đọng lại được nơi mình, chứ không phải chúng ta xả bỏ. Chúng ta thấy tất cả các pháp là vô thường, các pháp là vô trụ cho nên mình không nắm bắt được nữa, đó là gần tới rồi. Nếu thấy mình còn lấy được, còn bỏ được thì không phải, còn xa lắm. Chùng nào chúng ta đạt tới đỉnh điểm là tất cả các pháp thế gian trong đó có thân và tâm mình, lấy không được, bỏ không được, đến chỗ mà mình không còn lấy, không còn bỏ được nữa thì biết rằng mình sắp tới rồi. Khi tâm thức chúng ta tới đỉnh điểm này là biết phút chốc cận kề phá vỡ sanh tử sẽ xảy ra với chúng ta. Phút chốc “*ngũ uẩn giai không*” là chết toàn triệt sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

Phút chốc chết đó, Thiên tông có một số vị diễn tả tới cảnh giới này là “sơn hà đại địa chấn động”. Thực sự là chấn động! Đừng nghĩ phút chốc “*ngũ uẩn giai không*” là thường. Tất cả những thấy biết về đạo lý của mình từ trước tới giờ, thấy cái này mình chấp nhận là đúng, thấy cái kia mình chấp nhận là đúng, điều này thầy giảng tới, điều kia thầy giảng không tới, đạo lý này nói như vậy là phải, đạo lý kia nói như vậy là còn thiếu một chút, tất cả những nhận định chúng ta tới hết, nhưng đó chỉ là nhận định của tâm thức. Phút giây cận kề “*ngũ uẩn giai không*” là gần như chúng ta hết biết.

Chết định nghĩa đơn giản nghĩa là không còn biết gì, có ai dám như vậy không?

Trước khi chúng ta sanh ra trong đời này, nói theo kiểu nhân gian là chúng ta ăn cháo lú mới được thọ thai, tức là chúng ta chết đi thân trung âm lần thứ hai. Lúc thân trung âm chạm tử cung bà mẹ, một thoáng chết đi chúng ta quên tên Nguyễn Văn A cũ để nhận bào thai mới là mình. Phút chốc ngũ uẩn giai không cũng gần giống như vậy, nhưng tuyệt vời hơn. Lúc đó hoàn toàn tắt mắt tắt cả những hiểu biết, những tri kiến vốn có từ ngàn xưa tới bây giờ của chính mình. Chúng ta tưởng tượng như vòi nước đang chảy bị khoá lại, không nhiều ra được nữa giọt, dòng tâm thức bị khoá chặt, chúng ta bị đông cứng như bị đóng băng thực sự toàn thân tâm. Thọ, tướng, hành, thức cũng bị đông cứng chết lịm ngay tại chỗ như trời trồng vậy.

Ví dụ lúc đó chúng ta đang trong trạng thái đưa tay, chúng ta để y như vậy chứ không để tay xuống được. Khi nào nó trở lại trạng thái bình thường chúng ta mới nhúc nhích được. Nếu lúc đó chân mình vừa dõ lên để đi mà bất chợt nó chết, thì tự nó để chân trên chân dưới như vậy. Lúc đó chúng ta đứng ngay thẳng thì nó chết liền ngay tại đó, tất cả những trạng thái xảy ra trong tức thời mà mình không chuẩn bị được. Những thái độ chuẩn bị đều không phải.

Chuẩn bị để không dính mắc, để mình không còn vướng động bất kỳ cái gì, đó là trạng thái chuẩn bị thôi. Chúng ta luôn sống với trạng thái rỗng rang không vướng động suốt cả ngày lẫn đêm. Nếu có chết là sẵn sàng chết một trăm phần trăm không có chút gượng gạo. Nếu đi vấp té rớt xuống thì buông mạng cho mình chết liền tại chỗ, không được quyền gượng. Đang ngồi mà lật ngang té là té xuống đất liền chứ không được gượng. Chúng ta sẵn sàng để chết trong mọi thời mọi khắc như vậy thì chuyện đó mới có thể xảy ra. Đó là chuyện rất lạ. Tức là mình không còn là mình nữa, cái thân này nó muốn rớt thế nào cũng được, muốn ngã bên phải bên trái cũng được, mọi thứ đã sẵn sàng để xảy ra với chính mình.

Phút chốc xảy ra đó là trạng thái rất bình thường đối với thân này, chúng ta ở trong trạng thái không biết của thân tâm, nhưng không phải là hoàn toàn không biết. Không phải theo cái kiểu từ xưa tới giờ, khi thấy mình cũng biết, khi nghe, khi nghĩ, khi ném là mình biết ngay, nhưng cái nhạy cảm đó dù tinh ranh cỡ nào cũng là cái biết của tâm thức. Nhưng phút chốc đó thân và tâm này hoàn toàn không biết. Nếu chúng ta còn giữ một chút xíu biết của thân tâm, để mình biết đây là thanh tịnh, là rỗng lặng, là không khởi niệm đều là cái biết của tâm thức. Chết nó luôn đi thì mới qua. Rất nhiều người chết giắc, chết cái kiểu lạng lẽ thường tri,

ngồi thiền yên rồi, thấy nghe không khởi niệm coi như mình ngộ đạo, thực sự đó chỉ là hai đầu của tâm thức.

Nếu một người thực sự thao thức về chuyện này, thì quý vị sẵn sàng chết bất kỳ ở đâu, bất kỳ giờ phút nào, bất kỳ tình huống nào, đi cũng như đứng, ngồi cũng như nằm, ngủ cũng như thức. Tức là chúng ta xả bỏ thân tâm này thực sự, không còn cái gì vướng đọng lại nó nữa. Chết kiểu nào, chết cách nào, chết hoàn cảnh nào cũng được, sẵn sàng mọi khi, mọi nơi, mọi lúc thì trạng thái đó sẽ xảy ra với mình.

Cửa ngõ chúng ta gần chết hẳn mình cũng có chút gượng lại vùng vẫy; nhưng điều lạ là thiện căn, phước đức, nhân duyên chúng ta tới rồi, cho nên lúc đó mình muốn nghĩ nhưng rồi nó cũng không cho mình nghĩ, mình muốn động tay một chút, muốn máy chân một chút, muốn nhúc nhích cái đầu một chút cũng bị khóa chặt lại, đông cứng toàn triệt cả thân lẫn tâm một lần. Và chuyện bùng nổ kỳ diệu sẽ xảy ra.

Phút chốc đó không thể nói bằng ngôn ngữ người phàm. Nhưng ở trong cảnh giới đó, một sự chấn động toàn triệt không phải là chuyện thường, khác thường hoàn toàn, không giống như từ trước tới giờ, không phải định và loạn, không phải vào ra. Chúng ta hoàn toàn ở cảnh giới không tâm không thân, nó sẽ lộ ra cái biết không phải cũ như từ trước tới giờ. Cái biết mới

hoàn toàn, không thân không tâm hoàn toàn, không cần lục căn mà biết khắp pháp giới một lượt. Muốn biết âm thanh cũng biết được, muốn biết hình sắc cũng biết được, muốn biết mùi vị cũng biết, muốn biết xa, muốn biết gần, muốn biết lớn, muốn biết nhỏ là biết khắp pháp giới một lượt ngay phút chốc đó.

Lúc đó khắp pháp giới mười phương là mình, không phải thân tâm này là mình. Nếu mình còn khác với lá cây, khác với cọng cỏ, khác với ánh nắng, khác với giọt sương, khác với luồng gió là chưa phải “*ngũ uẩn giai không*”. Lúc này tất cả trời, đất, trăng, sao, mây, mưa đều là mình; một cái động xiu xiu của một giọt nước khắp mười phương pháp giới đều là mình, cho nên mình rõ biết. Tại sao Đức Phật nói: “Mưa khắp pháp giới mười phương Ta biết rõ từng hạt một”, đó là chỗ này. Như vậy mới thực sự là “*ngũ uẩn giai không*”, mình hay biết không phải thân tâm, mình ở ngoài thân tâm, mình thấy rõ thân tâm mình đang hoạt dụng, mình thấy thân tâm và pháp giới diễn ra như nó đang diễn ra.

Trong bài Đạo Ca, chúng tôi nói “Toàn tri hiện hữu như hiện hữu”, lúc đó toàn pháp giới này nó đang hiện hữu như thế. Muốn nói ngũ uẩn cũng được, ngũ uẩn có cũng được, ngũ uẩn không cũng được. Còn nếu

chưa như vậy, nói có nói không là nói theo kiểu tâm thức suy diễn chứ không thật.

Phút giây đó không khác gì trong kinh Pháp Hoa diễn tả, ngài Đại Thông Trí Thắng Như Lai thành Phật, hào quang bắt đầu sáng rực khắp mười phương pháp giới. Phút giây đó cái động niệm của người này là sự rung chuyển khắp pháp giới, các cõi đều nhờ sự rung chuyển đó mà khai mở đạo lý cho họ. Cho nên chỉ cần xảy ra một phút đó thôi, người ta có thể sống hàng tỷ kiếp không làm gì cũng thừa phước, để hưởng khắp tam thiên đại thiên thế giới này. Phút đó ở trong cảnh giới hoàn toàn thoát ly tam giới. Trong cảnh giới đó, họ phóng ra một loại hào quang siêu thoát, đi khắp mười phương pháp giới, khai thị cho tất cả chúng sanh muôn loài nhận biết đạo lý giác ngộ mà họ được giải thoát, họ được khai mở trí huệ, họ nhận biết đạo lý. Một bài pháp mà khắp tam thiên đại thiên thế giới đều được nghe một lượt, hoàn toàn không có thời gian và không gian với người này, chỉ là một cái “*nư vậy*” mà thôi.

“*Nư vậy*” mà toàn tri pháp giới, không phải như vậy mà không biết. Lúc đó chết đi cái hay biết của mình quen thuộc mấy chục năm rồi, người đó sống trong pháp giới Tánh toàn tri, ra ngoài thân ngũ uẩn một lần, một sự chấn động thực sự, không đơn giản. Có những cõi họ cũng tu tập nhưng bị bế tắc không có

đường thoát ra, khi đó ánh sáng của hành giả chạm tới, thì những người trong cõi đó nhờ ánh sáng này mà họ thoát khỏi lầm mê. Họ hưởng hào quang đó tới chỗ hành giả đánh lễ tạ ơn. Phút đó chư Thiên ở gần cũng phải che con mắt, không đơn giản một mình mình, mà các vị Bồ Tát ở các nơi nương hào quang mình tới để họ được phá vỡ những chấp trước. Ánh sáng đó nếu có hàng tỷ ánh sáng mặt trời vẫn không so sánh được. Đó là cảnh giới “*ngũ uẩn giai không*”.

Không phải giai không là không có gì. Người đó bắt đầu khai tuệ Bát Nhã, nhập trong tuệ Bát Nhã, thành Bát Nhã. Cho nên không còn thân, không còn tâm, không còn cảnh giới, không còn đạo lý, không còn người nhận và pháp để nhận nữa. Không phải mình nhận đạo, mình ngộ đạo, mình ngộ thiên, mình ngộ cái lạng lẽ, ngộ cái trong lạng. Lúc đó không có mình ở đó để ngộ. Chết mình mới tới chỗ này.

Sau phút giây đó họ trở lại đời sống đời thường. Chúng ta tưởng tượng như cái quặng gom lại một lỗ nhỏ, hành giả từ chỗ mênh mông đó gom trở lại thành hạt cát nhỏ nhiệm, bắt đầu hoạt động cái thân trở lại. Lúc đó người ta rõ thông được đường đi lối về của Chư Phật, Chư Tổ mười phương. Họ đủ khả năng hiểu tất cả bài Pháp của Chư Phật mười phương pháp giới giảng. Đây là chuyện đặc biệt. Không có bài Pháp nào của

Chư Phật mà người này không biết trong phút giây này.

Ví dụ quý vị ngồi đây, chúng tôi nói quý vị có thể nghe và hiểu. Nhưng lẽ có người thứ hai, người thứ ba nói đồng âm thanh này, quý vị không có cách nào hiểu ba người cùng một lúc. Nhưng khi người đó đã nhập trong pháp giới Tánh toàn chân, nhập trong chỗ **không** ngũ uẩn thì dù có một tỷ âm thanh xảy ra một lượt, họ đều nhận biết một cách tường tận. Hằng hà sa số Chư Phật mười phương thuyết pháp kiểu gì, họ đều nhận biết một cách tường tận, không phải nghe từng Đức Phật nói, rõ ràng là ngoài cái tướng tượng của mình. Chuyện của các Đức Phật cách đây hàng tỷ tỷ kiếp, đang thuyết cho chúng hội nào ở đâu nghe, thì người này vẫn nghe y như Đức Phật đang đối diện với mình nói Pháp. Đó mới là điều tuyệt vời!

Chính bản thân người đó, chính trong giây phút nhập trong pháp giới Tánh toàn chân họ cũng có năng lực lạ thường. Ví dụ năng lực đó tới cõi trời Tứ Thiên Vương, thì ánh sáng này nó thành ngôn ngữ của cõi trời Tứ Thiên Vương, để nói cho những người cõi trời đó nghe đạo lý mà họ đang tới. Tới cõi trời Đê Thích thì ngôn ngữ biến thành ngôn ngữ của cõi trời Đê Thích, để nói cho những người cõi trời đó hiểu được pháp mà họ đang tới. Khoảnh khắc đó trở thành bài

Pháp khủng khiếp, có thể thuyết cho mười phương pháp giới này nghe một lượt, bằng tất cả những loại ngôn ngữ phù hợp với tất cả cõi nước mười phương, để cho những chúng sanh nhận được đạo lý đúng như chỗ hành giả muốn nói. Và điều đặc biệt là như người đó đang hiện trước mình. Đó là cảnh giới ngữ “*ngũ uẩn giai không*”.

Khi đó người này trở lại với đạo lý, không trở lại với thân cha mẹ sanh vì thân cha mẹ sanh lúc đó đã chết rồi. Tất cả những kiến thức thế gian đã chết, những tâm hành của thế gian đã chết; thọ, tưởng, hành, thức chết ngay phút giây đó. Họ sống lại trong cái thân này, họ sinh hoạt trong đời sống của chính mình. Người phàm thấy họ y như phàm phu không khác, cũng cười, cũng khóc, cũng vui, cũng buồn như mình nhưng họ là con người khác rồi. Một con người được Phật sanh ra, một con người sống lại trong cảnh giới toàn tri, được cảnh giới toàn tri sanh ra chứ không phải cái hành sanh ra. Vì hành đã chết rồi, không còn khả năng để khuấy động thân tâm được nữa. Thế gian không còn cách nào để bó buộc người này, cả tam giới không còn quyền để có thể sai sử người này nữa. Đây là chuyện rất siêu việt không thể tưởng tượng được.

Trong tam giới tất cả những chuyện xảy ra không đủ sức có thể làm động được người này. Người đó là

người “*ngũ uẩn giai không*”, họ tự tại ngoài tam giới, họ có thể vào tam giới này sống kiêu gì, chết kiêu gì là quyền của họ, không ai còn quản lý họ được nữa, vượt ngoài tất cả tầm quản lý của tam giới. Một phen “*ngũ uẩn giai không*” thì họ có được năng lực này. Là một người lột xác thành người mới toàn triệt, nhưng họ vẫn sống, vẫn ăn, vẫn uống khi họ muốn nuôi thân này và chơi trò người trở lại. Lúc đó muốn kiêu gì không khó khăn, chỉ mượn thân cõi này để làm lợi lạc cho mọi người thôi.

Điều đặc biệt là họ trở lại bằng tâm từ. Ngoài tâm từ ra không có chuyện thứ hai để trở lại. Họ đã thoát ra ngoài sanh tử luân hồi rồi, nhìn cõi thế gian này còn bị kẹt trong sanh tử luân hồi họ rất thương. Một tình thương không thể diễn bày bằng ngôn ngữ thế gian. Họ tự động có trọng trách lớn với pháp giới này liền. Một sự gánh vác đối với tất cả chúng sanh muôn loài khắp mười phương pháp giới, không phải chỉ có đệ tử hay người thân của họ. Họ chịu tất cả những gì vốn có của loài người, để họ có thể làm cho người kia thoát ly sanh tử luân hồi là họ sẵn sàng làm. Dù họ có bị chuyện gì đi nữa, có thể là cứu độ một người rồi ngã ra chết họ cũng sẵn sàng cứu độ, gần như chuyện sống chết không còn bàn tới nữa.

Nếu họ muốn hiện cho ai thấy thì họ hiện chút xíu vậy thôi. Còn không là bít láp, lúc đó trời cũng không biết, mà người cũng không hay. Tới chỗ vô tu vô chứng thật sự, thì người không vô tu vô chứng không biết một mảy may. Cho nên họ ẩn, họ hiện, họ sống tục, sống thanh, sống tốt, sống xấu đủ các kiểu và họ biết rằng đoạn đó họ phải làm chuyện đó cho người đó. Đoạn này họ phải làm cho người này theo kiểu này, để tạo cơ duyên bật mở đạo lý cho người kia, họ không còn gì cho riêng mình. Nên chúng ta gặp một người “*ngũ uẩn giai không*” là phúc duyên, nhưng điều rủi là mình không biết người nào là “*ngũ uẩn giai không*”.

Ngài Quán Tự Tại hành thâm là khi Ngài nhập trong pháp giới Tát nhàn toàn chân, nhập trong tuệ Bát Nhã, thì Ngài trở lại bằng Bát Nhã, nói tiếng nói Bát Nhã, nhìn bằng cái nhìn Bát Nhã, cho nên tất cả mọi thứ đều thành Bát Nhã. Ngũ uẩn này cũng là Bát Nhã, pháp giới này là Bát Nhã, không còn lầm mê nữa cho nên khổ đâu mà ra. Họ đã là không thân không tâm rồi, tới chỗ đó mới là “*Chiếu kiến ngũ uẩn giai không độ nhứt thiết khổ ách*”. Nếu chúng ta chưa thực sự tới cảnh giới này thì lấy cái gì gọi là “*ngũ uẩn giai không*”.

Một câu nói: “*Quán Tự Tại Bồ Tát, hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai*

không, độ nhứt thiết khổ ách. Đọc qua chúng ta thấy nó thường quá, dù đọc qua hàng ngàn lần, nhưng chúng ta không hiểu hết giá trị tại sao “*ngũ uẩn giai không*” mà “*độ hết tất cả khổ ách*”? Và tại sao lại cần “*ngũ uẩn giai không*”? Chúng ta không thấy cái bó buộc, cái cột trói trong thân ngũ uẩn này thì thực sự chúng ta chưa có hiểu gì về căn bản của đạo Phật. Nếu không quay lại chỗ này thì chúng ta không có đường ra. Cho nên Đức Phật dứt khoát là phải làm cho chúng ta “*ngũ uẩn giai không*”, phải dạy cho chúng ta về “*ngũ uẩn giai không*”, phải mở ra con đường “*ngũ uẩn giai không*”. Tất cả các hình thức tu tập, tu như thế nào để một lần “*ngũ uẩn giai không*” thì chúng ta làm đúng với Phật đạo. Còn nếu chúng ta đi con đường nào đó thì lòng vòng, cực khổ, mất thời gian cho chính mình mà thôi.

Bát Nhã Tâm Kinh là bản Kinh Tâm. Kinh nói về Chân tâm, nói về chỗ thật tướng của pháp giới này. Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa là âm Phạn, nhưng người Trung Hoa không dịch ra mà vẫn để nguyên, chỉ thêm vào hai chữ Tâm Kinh. Bản Kinh chuyên nói về tâm, nói về Chân tâm trùm khắp pháp giới mười phương, nó là Bát Nhã. Tâm này nó dung chứa câu Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa. Hay nói khác hơn Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa là tâm này.

Cái tâm rộng lớn trùm khắp pháp giới, cái tâm thoát ly sanh tử luân hồi, cái tâm trong sáng rạng ngời, không lầm mê trong sanh tử, đó là Tâm Kinh. Chính Tâm Kinh đó làm cho ngài Quán Tự Tại khi nhập trong Tâm Kinh đó, ở trong chân trời Bát Nhã đó nên Ngài soi khắp pháp giới là không, chứ không chỉ là thân ngũ uẩn này là không. Khắp pháp giới này đều là Bát Nhã, chứ không chỉ là thân ngũ uẩn này là Bát Nhã nữa, cho nên qua tất cả khổ ách. Đó là “*hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa*”.

Một người “*hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa*” là không có phút giây nào trong cuộc đời của họ mảy may thấy các pháp có thật, không phải thấy là vô thường, không phải thấy là nhân duyên, không phải thấy là huyễn, không phải thấy là Tự Tánh không.

Bây giờ phiền muộn xảy ra với mình, ý niệm thù và thương xảy ra nơi tâm mình, mình biết là nó hết, thì biết làm sao mới gọi là hết? Chúng ta biết bằng cái gì? Biết bằng tâm thức, biết bằng thói quen, biết bằng tập trung, chú ý công phu thì cái biết đó không bao giờ hết được. Cái biết của thân tâm không bao giờ giải quyết được phiền não của thân tâm. Biết như thế nào là cái biết của thân tâm? Chúng ta có lần nào biết không phải là thân tâm chưa? Chưa! Khi một lần “*ngũ uẩn giai không*”, thì bằng cái biết của Bát Nhã, bằng cái biết

không thân tâm biết tất cả phiền não, liền biến thành Bát Nhã mới qua được khổ ách.

Chúng ta dụng công kiểu này để chúng ta biết như thế này, dụng công kiểu kia để chúng ta biết như thế kia, quán thành không, quán như huyễn, quán vô thường cũng là sự huân quán của tâm thức. Cái biết của Bát Nhã là chiếu kiến, là soi thấy. Không phải sự so sánh phân biệt mà là sự rõ biết thuần khiết không có hai. Chúng ta đang nghe bằng lỗ tai mình, kèm theo trong đó có cái hay nghe, nếu chúng ta nghe đúng thì nghe như thế nào? Là nghe âm thanh mà không phân biệt, đúng chưa? Nếu chúng ta đang nghe mọi âm thanh đang xảy ra, đang thấy mọi hình sắc đang xảy ra ngay tại đây và bây giờ hết sức nghiêm túc chúng ta sẽ thấy ra vấn đề. Mọi âm thanh đang hiện hữu mình rõ biết, tiếng thứ nhất có mình biết có, có khoảng không, rồi tiếng thứ hai, có khoảng không, tới tiếng thứ ba ... Và chúng ta bằng cái yên lặng thanh tịnh rõ biết từng âm thanh đó, là đúng hay chưa? Đúng! Nhưng đúng ở tầng tâm thức mà thôi. Vì chúng ta chưa ra khỏi thân tâm này để nghe, lúc này chúng ta còn đang ở đây để nghe âm thanh, tức là còn mình và còn âm thanh, đúng thì đúng, mà phải thì chưa phải.

Lúc này chúng ta nghe làm sao để âm thanh và cái đang nghe không còn là hai nữa, thì cái nghe đó

mới là đúng. Còn mình và còn âm thanh là còn hai. Cái nghe tiếng thứ nhất, cái nghe tiếng thứ hai, cái nghe tiếng thứ ba giống hay khác nhau? Rất nhiều người trả lời là giống. Đương nhiên là giống, nó sẽ trùng lặp cái nghe hồi nãy với cái nghe bây giờ và cái nghe kế tiếp không khác, nhưng nếu nghe mà còn lặp lại, thấy mà còn lặp lại, thì cái lặp lại là tâm thức. Trí tuệ không bao giờ lặp lại, cho nên giống cũng không phải, khác cũng không phải. Có một cái không giống mà không khác, từng cái nghe là mới mẻ hiện tiền.

Hồi nãy nghe như vậy, bây giờ nghe như vậy, là mình có cái thường hằng rõ biết, là Tánh của mình, rất nhiều người ngộ đạo kiểu này, cho nên ở luôn trong cõi này vài ngàn kiếp nữa. Những tông phái lớn hiện tại đang dạy người ta tới chỗ này, nghĩ như vậy là ngộ đạo rồi. Vị thầy tới chỗ đó, dạy đệ tử tới chỗ đó, công nhận với nhau ngộ đạo đi giáo hóa khắp nơi, nhưng chỗ này vẫn còn là cái thấy gì? Trong kinh Lăng Nghiêm Đức Phật nói: Đó là cái thấy thường của phàm phu. Nghe làm sao mà không còn mình và âm thanh? Nghe làm sao mà không còn hai ngay tại chỗ này? Đó là vấn đề.

Khi chúng ta đang “tri” gọi là đang “biết”. Phiền não xảy ra mình biết thì phiền não tan biến, ý niệm xảy ra mình biết thì ý niệm tan biến. Tất cả những cái đúng chúng ta không phê phán, không bình phẩm, không chê

bai, không muốn nó dừng, không muốn nó lặn, không muốn tất cả mọi cái, chỉ cần biết là xong mọi chuyện, điều đó đúng với ai và không đúng với ai?

Nếu chúng ta biết ra ngoài tâm thức, biết không cần thân căn ngũ uẩn thì người đó là đúng. Nhưng chúng ta chưa bao giờ bước ra ngoài thân căn ngũ uẩn để biết. Vẫn còn hai, các loại sách vở viết bây giờ nói y như nhau không khác trên mức lập luận này. Phiền não xảy ra chỉ cần biết thôi, đủ rồi, không phê phán, không bình phẩm, không chê bai, không lầy, không bỏ, tất cả những cái không đó gom lại là sự học đòi của tri thức, không phải là chuyên môn công phu. Chuyên môn công phu không nói chuyện không lầy, không bỏ, không phải nói chuyện biết một cái rồi thôi. Biết một cái rồi thôi thì bao nhiêu người ngồi đây thành Phật hết rồi.

Trong chuyên môn có cái thật sự khác chỗ này. Nếu người thực sự chuyên môn tới chỗ này, họ sẽ có một cách khác chỉ cho mình. Và họ phải khẳng định chỗ lặng lẽ thường tri kia nó chỉ là bờ mé của tâm thức, chứ chưa phải là Tánh. Xin thành thật chia buồn với những người từng nghĩ rằng mình ngộ Tánh, vì đã đến chỗ lặng lẽ thường biết này. Chúng ta phải còn vùng vẫy để ra khỏi chỗ này, nếu yếu đuối không ra được đâu. Tại vì chỗ này nó yên tĩnh lắm, an lạc lắm, thoải

mái nhẹ nhàng lắm, nên rất nhiều người tu vương kẹt ở chỗ này. Chúng ta hỏi họ một câu: Lúc này ngay chỗ biết này làm sao để không còn hai? Ai trả lời được thì người đó mới ra khỏi. Đây là công án. Đừng bao giờ động não thì mới trả lời đúng, đầu còn động để trả lời là sai. Khi đứng lên nói chuyện đừng có động lưỡi nói được một câu, thì sẽ trả lời đúng.

Chúng ta nên lưu tâm đến chuyện ngũ uẩn của chúng ta có hay là không ngay tại chỗ này, trong mọi cái thấy nhìn của mình. Nhìn như thế nào là nhìn là không, nhìn như thế nào là nhìn các pháp là có? Nếu trong đầu chúng ta, nơi tâm thức chúng ta, trong hiểu biết, trong tri kiến của mình mà còn một mảy may nhỏ nhiệm thấy rằng có một xiu xiu trong cõi giới này, trong đó có thân tâm chúng ta là thật, thì chúng ta không thể nào đi đến con đường giác ngộ giải thoát được. Muốn đạt đến cảnh giới “*ngũ uẩn giai không*”, thì không còn một mảy may nào thật có nơi tâm của mình nữa.

6. Sắc và không đều là Bát Nhã

Này Xá Lợi Phất! Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc, sắc tức là không, không tức là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế.

“Sắc” là sắc uẩn, là thân tứ đại của chúng ta. Đức Phật nói sắc uẩn này chẳng khác *không* và *không*

chẳng khác với sắc uẩn này. Hay nói để chúng ta có thể dễ hiểu là sắc thân tứ đại này nó không khác với cái **không** và cái **không** chẳng khác với thân tứ đại “**Sắc chính là không, không chính là sắc**”. Nói tóm lại, câu này ý nghĩa là: Ngũ uẩn chẳng khác **không, không** này chẳng khác ngũ uẩn, **không** này tức là ngũ uẩn, ngũ uẩn này tức là **không**. Sắc thân tứ đại của chúng ta, rồi thọ, tưởng, hành, thức gom lại thành ngũ uẩn đều là **không**.

Khi ngài Bồ Tát Quán Tự Tại đang sống bằng Bát Nhã, Ngài thấu hiểu Bát Nhã, Ngài thâm nhập Bát Nhã, rồi Ngài nhìn thân tứ đại là Bát Nhã. Nếu dùng từ thân tứ đại là Bát Nhã, Đức Phật sợ chúng ta không hiểu nổi, không thể thông cảm được, cho nên Đức Phật bắt đầu giải thích thêm từng uẩn một.

Đầu tiên là sắc uẩn, với cái nhìn của Đức Phật, ngài Quán Tự Tại soi thấy ngũ uẩn là không thì tất cả khổ ách liền hết. Đức Phật phân ra nói cái này không khác không, và cái không kia chẳng khác sắc. Sắc tức là không và không này cũng tức là sắc. Bài này có khác với hai bài kỳ rồi chúng ta giảng là: Khi ngài Quán Tự Tại thâm nhập Bát Nhã thì Ngài ở chân trời Bát Nhã mà thấy nhìn, cho nên mở mắt ra thấy hình sắc chính là Bát Nhã, Ngài nghe âm thanh chính là Bát Nhã, Ngài nhìn thân ngũ uẩn là Bát Nhã và thọ, tưởng, hành, thức

cũng là Bát Nhã. Ở đây Đức Phật nói sắc này tức là không, sắc này chẳng phải không, thì có khác với ý kia không? Và cái không này là cái không gì? Mà bây giờ nói sắc này chẳng khác không?

Ví dụ hình sắc chúng ta thấy trước mắt và khoảng hư không này, nói sắc này chẳng khác với khoảng hư không, đúng hay sai? Hoặc chúng tôi đang ngồi trước mặt quý vị là có hình sắc, bây giờ Đức Phật nói hình sắc này chẳng khác không, cái không chẳng khác hình sắc này, hình sắc này tức là không, và không tức là hình sắc, chúng ta chấp nhận không?

Nếu chúng ta nhìn bằng “*ngũ uẩn giai có*”, thì rõ ràng với cái đầu khi nhìn một sự vật thì thức liền phân biệt một cách tự nhiên nhanh nhạy, đến mức độ chúng ta không tưởng tượng là có cái thức làm việc như thế này. Tức là chúng ta vừa mở mắt ra thì liền có sắc và có không. Khi thấy có một cái gì đó thì cái đó chính là sắc, hoặc chúng ta thấy cái gì nó không có hình tướng chính là không. Cái không và cái sắc mà mắt chúng ta có thể thấy được, cái thấy đó vẫn còn trong so sánh. Nếu bây giờ chúng ta ở chân trời của mình nhìn sắc thân tứ đại chẳng khác không và chúng ta nhìn khoảng hư không này chẳng khác sắc, thì như vậy chúng ta ở trong sắc không để mà thấy, nhìn, hiểu và nhận định thì không hiểu ý Đức Phật.

Cái **không** Đức Phật nói ở đây không phải là cái không so với cái có, không phải là cái sắc với cái thấy nhìn của thế gian, mà Đức Phật muốn nói cái sắc với cái nhìn nhuộm màu Bát Nhã, thì **sắc** và **không** không phải là cái so sánh. Không phải cái không là không tướng và sắc là có tướng, Đức Phật không nói cái không này. Đức Phật muốn nói tới cái **không** không phải là tướng có và tướng không.

Đức Phật dùng từ “**không chẳng khác sắc**”, là từ ở Chân không kia mà Đức Phật nhìn và lý giải mọi vấn đề, mọi sự vật, mọi hiện tượng. Hoặc Đức Phật nhìn hình sắc là nhìn từ chỗ Chân không, từ chỗ **không** Tự Tánh hiện hữu đó, tạm gọi là có. Đức Phật dùng từ có để chúng ta có khái niệm về hình sắc, chứ sự thật với cái nhìn của người đã qua bên kia bờ tâm thức rồi thì không nói có và không nói không. Không phải tướng có so với tướng không.

Tướng không và tướng có là so sánh. Cái tướng không và tướng có cứ mãi mãi là sự hiện hữu đối lập. Đức Phật không nói tới chuyện hiện hữu đối lập này. Đức Phật không nói thân tứ đại là duyên hợp giả có, bây giờ nó tạm có mai một nó biến thành không, chúng ta không thể hiểu Bát Nhã theo kiểu này. Nếu ai đọc kinh Bát Nhã còn hiểu như thế, là chúng ta bị tướng sắc và tướng không trói buộc chúng ta.

Học kinh Bát Nhã chúng ta nói cái **không** của Bát Nhã, chứ không nói chuyện tánh và tướng. Cái hiện tướng sắc thân của mình ở ngay tại đây và bây giờ, ai có khả năng để nhìn nó thành không? Nhìn như thế nào nó mới là không được? Quý vị nhìn thấy tôi ngồi đây rồi, làm sao để tôi thành không đây? Có quý vị hiện hữu ngay tại đây, làm sao nhìn ra quý vị là không? Đây là vấn đề.

Nếu chúng ta chưa qua khỏi ngũ uẩn một lần, thì mãi mãi trong những kiếp sanh tử sắp tới chúng ta vẫn luôn thấy nhìn có tướng và không tướng. Khi nào một lần trong cuộc đời của chính mình, mà mình không còn kẹt trong thân căn ngũ uẩn này để thấy nhìn, thì cái nhìn đó là nhứt nguyên pháp giới, là cái nhìn của Bát Nhã thì toàn pháp giới này chỉ là Bát Nhã thôi. Cho nên tạm gượng nói là có sắc thân tứ đại có thọ, tướng, hành, thức; hoặc tạm nói có ngũ uẩn. Đó là ngôn ngữ dùng xài cho kế ứng cõi phàm của chúng ta, chứ một người đã thâm nhập Bát Nhã như Đức Phật và ngài Quán Tự Tại thì khi nói tới sắc, Đức Phật cũng rất gượng gạo nói sắc thôi.

Chúng tôi nói trong bài Đạo Biển: “*Lang thang chiếc bóng bên bờ biển. Chợt thấy nơi lòng tựa có không*”. Tức là mình thấy cái có và cái không nó tựa hồ có và tựa hồ không, chứ có không thật là có, không

không thật là không. Nếu thật có cái có, hoặc thật có cái không, thì chúng ta không có cách nào làm cái có thành không, hoặc làm cái không thành có và không có cách nào để thoát ly sanh tử luân hồi. Cho nên cái có này nó mơ màng, nó là cái gì đó không thật, tựa hồ như huyễn sắc, huyễn không, tựa hồ có, tựa hồ không. Nó là cái gì đó mường tượng mơ màng lắm để thành có thành không; chứ không phải là có thật, không thật. Nếu ai một lần nhìn thấy thế gian này “sắc” và “không” không còn đối lập nữa, thì chúng ta liền qua khỏi khổ ách.

Nếu chúng ta còn nhìn và hiểu theo văn tự, hoặc sắc thân hiện có của chúng ta nó không khác với cái không hình tướng, hoặc cái không hình tướng không khác sắc thân của mình, hoặc sắc thân này tức là cái không hình tướng, hoặc cái không hình tướng tức là sắc thân này, nếu hiểu như vậy là chúng ta vẫn còn cái nhìn hai bên. Không ai có khả năng lý luận để ra ngoài hai bên được, nếu chúng ta thấy có sắc và có không.

Muốn hiểu đúng ý của Đức Phật nói, thì chúng ta phải ra ngoài sự so sánh phân biệt hai bên, nếu không thì chúng ta ở nơi có mà lý luận huyễn có, là duyên hợp giả có, là Tự Tánh không cho nên nó không khác không. Hoặc cái không này nó diệu hữu để nó sanh hình sắc, tức là chúng ta vẫn còn đứng trên mặt so sánh

để nhìn kinh Bát Nhã, hoặc chúng ta hiểu kinh Bát Nhã trên mặt so sánh, nên chúng ta không ra khỏi ngũ uẩn.

Nếu học Bát Nhã mà chúng ta không thấu từ câu đầu: “*Quán Tự Tại Bồ Tát, hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhứt thiết khổ ách*” thì chúng ta không phải là người học Bát Nhã. Ngài Quán Tự Tại ở trong cảnh giới Bát Nhã nhìn vạn pháp. Nếu chúng ta học kinh Bát Nhã mà không đứng chân trời Bát Nhã để soi thấu vạn pháp, thì chúng ta không có cách nào hiểu hết bản Kinh hai trăm sáu mươi chữ này. Nếu như đoạn này chúng ta còn lộn cợn trong đầu có sắc và có không, thì chúng ta không cách nào hiểu nổi Bát Nhã và chúng ta còn lý luận theo kiểu phạm phu. Rất nhiều người kẹt trong sắc và trong không, lý luận cỡ nào cũng không ra khỏi sắc không.

Trong chuyên môn, người ta sẽ bằng cái nhìn Bát Nhã ngay từ bước ban đầu của ngài Quán Tự Tại. Chúng ta phải theo cái nhìn đó của ngài Quán Tự Tại để nhìn thấy vạn pháp đương thể là Như, là Bát Nhã, thì Bát Nhã này nói có cũng được, nói không cũng được. Nếu chúng ta rời Bát Nhã mà nói có thì vương vô có, nói không vương nơi không. Nhưng ở chân trời Bát Nhã thì có cũng được, mà không cũng được, vì cái không này từ Bát Nhã sanh ra, cái có này cũng từ Bát Nhã sanh ra. Cho nên không và có là ngôn từ hết sức

gượng gạo, để diễn bày cho thế gian này tạm hiểu có sắc và có không mà thôi.

Đứng ở chân trời Bát Nhã mà chúng ta thấy, chúng ta nhìn, chúng ta hiểu, chúng ta lý luận thì sắc thân ngũ uẩn này được phân tích là không, được hiểu là không, được nhận định là không. Cái **không** này chính là cái **không** Bát Nhã. Cái **không** Bát Nhã không phải là có, không phải là không. Nếu có so sánh với không, không so sánh với có, thì có không này là của phân biệt hai bên, của tâm thức; không phải cái **không** của Bát Nhã. Cái **không** Bát Nhã chính là cái **không** Tự Tánh, cái **không** Bát Nhã chính là Chân **không**, cái **không** Bát Nhã chính là toàn tri pháp giới, nên trong toàn tri đó có sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Chúng ta tạm hiểu chân trời Bát Nhã có khắp vũ trụ, chứ không phải chỉ có thân ngũ uẩn, nhưng dù có cả vũ trụ này cũng đều là Bát Nhã.

Từ cái thấy biết nhuộm màu Bát Nhã, chúng ta sẽ nhìn mọi điều bằng Bát Nhã thì tất cả vạn pháp là Bát Nhã. Giống như chúng ta mang kiếng màu đen thì nhìn mọi vật biến thành đen, mang kiếng màu vàng thì nhìn mọi vật nó biến thành màu vàng. Chúng ta mang kiếng Bát Nhã thì không có so sánh hai bên. Kiếng Bát Nhã không có bên đây, không có bên kia, không có cái có và cũng không có cái không, không nói trong phân biệt

phải quấy, nó chỉ là Bát Nhã mà thôi. Cho nên sắc cũng là Bát Nhã, mà không cũng là Bát Nhã. Vì vậy mà Đức Phật nói sắc chẳng khác không. Hay nói khác hơn sắc này là Bát Nhã, không kia cũng là Bát Nhã, cho nên nói: “sắc tức là Bát Nhã, không tức là Bát Nhã”. Vì vậy Đức Phật nói sắc chẳng khác *không*, *không* chẳng khác sắc.

Nếu chúng ta học Bát Nhã thì nói sắc thân này là Bát Nhã; thọ, tưởng, hành, thức cũng chỉ là Bát Nhã, cho nên mới nói: “*sắc chẳng khác không*”. Cái *không* của Tự Tánh, cái *không* của Bát Nhã là Chân *không* hiện hữu toàn pháp giới. Khi người nhập trong cảnh giới Bát Nhã, thì toàn pháp giới này là Bát Nhã, cho nên cái gì hiện ra trong chân trời Bát Nhã đều là Bát Nhã. Sắc thân ngũ uẩn này cũng là Bát Nhã, là Chân *không*, là *không* của Tự Tánh, là bất sanh bất diệt.

Đức Phật dùng từ sắc không ở đây là vượt ngoài so sánh phân biệt của ý thức. Đức Phật nhìn ở chân trời Bát Nhã để thấy rằng sắc thân tứ đại của chúng ta vốn là Bát Nhã, là hiện tiền Bát Nhã, và mỗi mỗi cái hiện hữu trước mắt chúng ta cũng hiện tiền Bát Nhã. Người đã rớt xuống nước rồi thì thế nào cũng bị ướt, đã rớt vào bể Tánh Bát Nhã rồi thì cái gì cũng thành Bát Nhã. Do đó, khi rớt xuống biển Bát Nhã rồi thì đụng đầu chúng ta cũng ướt. Có mặc áo gì, có làm kiểu gì chúng

ta cũng bị nhuộm ướt. Khi chân trời Bát Nhã đã hiện hữu với người “*ngũ uẩn giai không*” rồi, thì cái nhìn nào cũng là “*ngũ uẩn giai không*”. Cái nhìn “*ngũ uẩn giai không*” không phải là “tức”, không phải là “ly”, hoàn toàn không có dính dáng.

Học Bát Nhã mà thấy cái này không phải cái kia, tức cái này là cái kia. Tại sao sắc chẳng khác không? Tại sao không chẳng khác sắc? Tại sao sắc tức là không? Tại sao không tức là sắc? Nếu còn dung tâm thức so đo phân biệt thì không phải học Bát Nhã. Vì cả sắc lẫn không theo cái hiểu của mình thì nó là hai. Nhưng sắc và không theo cái nhìn Bát Nhã thì nó không phải hai, mà là Bát Nhã.

Cái Bát Nhã đó hiện tướng hình sắc và hiện tướng không hình sắc. Khi chúng ta ở chỗ không phân biệt, thì tất cả những hình tướng và không hình tướng đều hiện ra trong Bát Nhã. Nếu chúng ta ra khỏi khái niệm có không một lần trong đời mình, thì những cái trước mắt chúng ta vẫn rõ ràng như vậy. Phút chốc chúng ta rõ ràng như vậy thì trái cây nó cũng khác với lá cây, cái lá nó khác với cái hoa, và hoa khác với khoảng trống ngoài này. Tất cả những cái đó đều được chúng ta biện biệt từng ly từng tý rõ ràng, nhưng nó không phải là sắc, không phải là không, nó chính là Bát Nhã.

Trong Kinh nói: “Bát Nhã vô tri nhưng vô sở bất tri”. Bát Nhã không biết, nhưng không có gì không biết. Cái biết của Bát Nhã không có nghĩa là sự so sánh và phân biệt. Nếu chúng ta so sánh “*sắc chẳng khác không*”, “*sắc tức là không*” theo hiểu biết thông thường là chúng ta bị kẹt trong so sánh. Vì lúc đầu chúng ta đã thấy có sắc rồi, dù lý luận nó chẳng khác không nhưng nó chẳng khác được không trong cái kiến giải bình thường của mình. Nói sắc tức là không, thì làm sao cho nó thành không ngay trước mắt mình. Nếu nhìn theo kiểu so sánh phân biệt thì chúng ta nhìn không ra.

Đức Phật đứng ở chân trời Bát Nhã lý luận có không cho mình nghe. Và nếu chúng ta muốn hiểu đúng ý Đức Phật, thì buông mình ra khỏi phân biệt so sánh để hiểu sắc và không như cái hiểu của Đức Phật, như cái hiểu của ngài Quán Tự Tại Bồ Tát, thấy như cái thấy của ngài Quán Tự Tại Bồ Tát; tất cả sắc không đều là “*như vậy*” thì chúng ta mới hiểu ý Đức Phật muốn nói ở đây.

Đức Phật nói: “*Này Xá Lợi Phất! Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc, sắc tức là không, không tức là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như thế*”. Chúng ta có thể gom hết ý ở đây trở lại ngũ uẩn chẳng khác **không**, **không** chẳng khác ngũ uẩn, ngũ

uẩn tức là **không**, **không** tức là ngũ uẩn. Cả thân căn ngũ uẩn của chúng ta với cái nhìn Phật đạo, hoặc với cái nhìn của Bát Nhã, thì ngũ uẩn chính là Bát Nhã, không là có, không là không nữa.

Với cái nhìn của người giác ngộ thì tất cả mọi cái đều là Bát Nhã, đều là đạo, không còn lý luận so sánh phân biệt hai bên, không có tức, không có lia. Nhưng trong hệ thống kinh Bát Nhã nói có “tức” và “ly”, người ta cứ nghĩ đây là tinh yếu của Đại Bộ Bát Nhã. Thực sự không phải, Bát Nhã Tâm Kinh chính là Kinh Tâm của vạn pháp, Kinh Tâm của đạo Phật, không phải chỉ riêng của hệ thống Bát Nhã.

Này Xá Lợi Phất! Tướng không của các pháp, không sanh, không diệt, không như, không sạch, không thêm, không bớt.

Đọc câu này chúng ta thấy rõ nghĩa của câu trước. Đức Phật dùng từ “*Tướng không của các pháp*” rất sát nghĩa, không phải tướng không của Tự Tánh. Tướng **không** này nó không sanh không diệt, không cấu không tịnh, không tăng không giảm. Tướng **không** mà Đức Phật nói “*sắc chẳng khác không*”, thọ chẳng khác không, tướng chẳng khác không, ngũ uẩn chẳng khác không. Cái **không tướng** này không phải là cái sanh diệt. Nhưng bây giờ có hình sắc đây, rồi nó mất,

nó biến thành không, thì tướng không này gọi là có sanh diệt.

Đức Phật muốn nói đến tướng **không** không sanh không diệt, tức là tướng Chân **không** đó không hề có sự sanh diệt ở đây, nó “*không thêm không bớt*”, “*không tăng không giảm*”, “*không cấu không tịnh*”. Có nghĩa từ xưa tới giờ cái tướng Chân **không** này nói thanh tịnh cũng được, nói bất sanh bất diệt cũng được, nói bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm cũng được. Lục tổ Huệ Năng sau khi ngộ đạo, Ngài nói:

*“Nào ngờ tự Tánh vốn tự thanh tịnh,
Nào ngờ tự Tánh vốn không sanh diệt,
Nào ngờ tự Tánh vốn tự đầy đủ,
Nào ngờ tự Tánh vốn không dao động,
Nào ngờ tự Tánh hay sanh muôn pháp”*.

Đức Phật dùng từ tướng **không** rất hay. Vì các pháp hiện tướng ở đó nhưng với người giác ngộ thì thấy là không, chứ không phải hiện tướng có. Tướng không mà không có cái **không** đó, thì không có cái gì trong vũ trụ này cả. Nhưng cái **không** đó không phải do vũ trụ này, không phải do duyên hợp giả có, không phải do điều kiện, không phải do sự so sánh mà có tướng **không**. Tướng **không** này sanh ra sự so sánh có không, tướng **không** này sanh ra vạn pháp “Nào ngờ tự Tánh hay sanh muôn pháp”. Ngay tại đây chúng ta nhìn

tất cả các pháp, nhìn tất cả những hiện tượng và sự vật trong vũ trụ này, thì chúng ta sẽ hiểu như thế nào về tướng *không*? Phải có cái nhìn nào thuộc về tướng *không* không sanh không diệt đó? Nếu ngay tại cái thấy và nghe của chính mình, mà chúng ta hay ra được sự thật không sanh không diệt ở chỗ thấy nghe đó, thì chúng ta sẽ biết được tướng *không* mà Đức Phật nói.

Từ này giờ chúng ta đã nghe bao nhiêu âm thanh, mỗi âm thanh nó hiện ra với tướng của nó và nó hoại đi với tướng đó. Nếu chúng ta nghe kỹ, nghe rõ ràng hơn chút nữa thấy tướng âm thanh thứ nhất hiện ra, nó mất đi, có khoảng không, tướng âm thanh thứ hai hiện ra, nó mất đi, có khoảng không v.v... Chúng ta nghe được cái có và cái không của âm thanh. Cái có âm thanh cũng thay đổi, cái không âm thanh cũng thay đổi, nhưng cái đang nghe đó không thay đổi. Cho nên âm thanh mất nó vẫn hiện hữu đó để nghe cái không âm thanh, và cái hiện hữu không âm thanh đó mất nó nghe có âm thanh mới.

Như vậy cái nghe tiếng thứ nhất, có khoảng không, nghe tiếng thứ hai, có khoảng không, nghe tiếng thứ ba, có khoảng không, nghe tiếng thứ tư, có khoảng không. Thì từ tiếng thứ nhất cho tới tiếng thứ tư, cái nghe đó giống nhau hay khác nhau? Chúng ta nghe tiếng thứ nhất, có khoảng ngắt, có tiếng thứ hai

thì cũng là cái nghe đó, rồi có khoảng ngắt có tiếng thứ ba, chúng ta cũng nghe bằng cái nghe đó, đúng hay sai? Khi học đạo chúng ta chấp chỗ này là đúng, vì cái nghe này là cái bất sanh bất diệt, cho nên tiếng thứ nhất nó cũng đang hiện hữu ở đó để nghe khoảng rỗng, rồi nó cũng hiện hữu ở đó nghe tiếng thứ hai, rồi nó cũng đang hiện hữu ở đó để nghe khoảng rỗng, rồi nó cũng hiện hữu ở đó nghe tiếng thứ ba, nó cũng đang hiện hữu ở đó để nghe tất cả những âm thanh còn lại giống như ban đầu. Nếu có cái gì giống nhau thì trở thành kinh nghiệm, là rớt xuống tầng ý thức. Nếu khác là cái nghe đã bị sanh diệt. Đây là công án. Vậy nghe làm sao thoát được cái sanh diệt của ý thức lặp lại, nghe làm sao để không bị sanh diệt nữa? Nếu biện biệt được chỗ này chúng ta mới ra khỏi sanh tử.

Thấy vậy chứ Bát Nhã hết sức tinh tế, phải là cái nhìn ra ngoài cái suy nghĩ chúng ta mới chịu nổi chỗ này. Thực sự mỗi một âm thanh hiện ra là ngay khoảnh khắc đó một sự mới mẻ hiện tiền, chúng ta vẫn mới chỗ đó để nghe. Từ trước tới giờ chúng ta hiểu lầm “*không sanh không diệt*” là nó nằm ỳ ra đó, mãi mãi không thay đổi bởi thời gian và không gian. Nghĩ nó là cái gì cố định, là thường còn, là bất động. Nghĩ bất động nghĩa là không có xê dịch, không thay đổi, nó chỉ là như vậy, cho nên rắng ngồi như vậy để được định bất động. Do hiểu lầm như vậy nên rất nhiều tông phái của

Thiền học, đã đi vào con đường thiền định phá vỡ Thiền tông. Thiền tông không nói chuyện thiền bất động này, mà là một sự vận hành mãnh liệt từng khoảnh khắc một nhưng vẫn không thay đổi. Sự vận hành đó luôn luôn hiện hữu mới, “trong từng khoảnh khắc mới hiện tiền”. Mọi cái đều hiện trong cái mới mẻ đó, không có chút dấu tích của cái cũ, không có chút dấu tích của kinh nghiệm.

Nếu lúc nãy mình nghe như vậy, bây giờ mình nghe như vậy tức là kinh nghiệm của ý thức. Nhưng bây giờ cũng nghe như hồi nãy nhưng không phải là kinh nghiệm, không phải khác, thì đây là chỗ của Tự Tánh đang “mới mẻ hiện tiền ngay tại đây”. Khoảnh khắc khác Tự Tánh vẫn hiện tiền và mới mẻ, vẫn thanh tịnh sáng suốt, không thay đổi, không tăng giảm sự sáng suốt nhiệm màu này. Không ai có thể làm ô trược Tự Tánh được, không ai làm thay đổi được Tự Tánh, nhưng nó không phải là bất động, nó luôn mới và luôn luôn mới.

Ở đây chúng tôi nói quý vị có thể chấp nhận. Và chúng ta từng đọc Kinh điển chấp nhận là mình có cái định bất động, có cái “rõ ràng hiện hữu ngay tại đây” để chúng ta rõ mọi cái. Điều này tâm thức có thể chấp nhận được, nhưng ngày nào tâm thức còn chấp nhận được chỗ này thì biết rằng chỗ đó là vũng lầy của tâm

thức, là chỗ vướng kẹt của tâm thức và chúng ta tự gạt mình. Rất nhiều người tu thiền bị kẹt chỗ này. Chúng ta ráng làm sao để cho mình đừng khởi ý niệm, ráng làm sao cho mình bất động, ráng nhiếp niệm, ráng nhiếp tâm để vào định ngày này qua ngày kia để mọi thứ đều yên bất hết, không lay động dù một mảy may trong tâm thức mình, nghĩ đó là công phu đúng. Đúng ở chừng hạn nào đó thì có thể chấp nhận, nhưng với Thiền tông, với Bát Nhã thì không chấp nhận được.

Cho nên chúng ta làm sao để mình ở trạng thái không dừng trụ, không có nghĩa là chúng ta bị động bị cuốn theo duyên. Không dừng trụ mà không cuốn theo duyên trần. Có nghĩa là chúng ta không dừng ở đâu hết, mà không cái gì có thể cuốn được chúng ta. Đó mới là định của Thiền tông. Nếu chúng ta trụ để mình không bị động, thì đó không phải là Thiền tông chánh thống. Nếu thực sự hiểu Thiền tông, tu Thiền tông chuyên môn thì chúng ta không phải trụ ở đâu hết và chúng ta không bị động trên duyên cảnh. Chỗ này rất khó thông cảm, chúng ta đừng để tâm thức so sánh phân biệt, cứ thả lỏng thì chúng ta thông cảm được.

Một điều rất đặc biệt, khi đến chỗ chuyên môn này chúng ta không thể dùng suy nghĩ phân biệt để có thể diễn dịch được nữa. Ngay tại âm thanh hiện hữu này là sự hiện hữu không phải động mà chúng ta hiểu

nó. Chúng ta đang nhận rõ âm thanh bằng cái yên tịnh, không phải cái động. Nhưng cái yên tịnh này không phải ở hoài một chỗ, không phải chúng ta đem cái yên tịnh này đặt tới âm thanh thứ hai, không phải đem yên tịnh đó đặt chỗ âm thanh thứ ba. Cái yên tịnh trong khoảnh khắc đó và khoảnh khắc mới cũng liên tục yên tịnh. Một sự yên tịnh sống động nhiệm màu mới sanh ra được vạn pháp, còn yên tịnh bất động thì không sanh ra được cái gì.

Chúng ta thấy trời trong không có một gợn mây thì thích lắm, nhưng lúc đó vạn vật không còn có khả năng sinh sôi nảy nở, khô khan không còn một giọt mưa để chúng ta có thể sống. Còn người tu mà để tâm thức trống không như vậy, không có một gợn mây tình và cho rằng chúng ta công phu tốt thì coi chừng bị lầm. Làm tướng trời trong là trời đẹp, không đẹp đâu. Sa mạc không có cọng cỏ, không có đẹp. Cánh rừng có rất nhiều hoa dại nở chúng ta mới thấy nó đẹp.

Người nào nhận ra cái đẹp của muôn hoa, của vạn hữu đang hiện tiền, thì người đó tự tại trong cuộc sống, người đó mới là người đẹp. Không phải ngồi bất động ở đó mà đẹp. Bất động với cái nhìn chuyên môn là không đẹp, nhưng người bình thường thì có thể chấp nhận được điều này.

Có câu chuyện về ông vua có sư phụ là một Thiên sư. Ông vua theo học Thiên với Sư phụ rất lâu rồi. Vua chuẩn bị một vườn thiên rất đẹp, rất sạch, thỉnh Sư phụ tới với bao nhiêu lính gác quân hầu hễ vừa rớt xuống một chiếc lá vàng là lượm liền. Nghĩa là trong vườn thiên sạch trơn, vua tự hào vườn thiên sạch để đi kinh hành trong chỗ sạch sẽ thanh tịnh nhiệm màu.

Một vài hôm vua rước Sư phụ tới. Sư phụ là một Thiên sư đích thực. Vua giải thích vườn thiên đẹp chỗ này Sư phụ gặt đầu, đẹp chỗ kia Sư phụ gặt đầu, cuối vườn có một đồng rác, Sư phụ hốt rác bung lên nói: Đây mới là đẹp! Đệ tử không hiểu nổi. Công phu đã giữ bao nhiêu năm nay cho vườn sạch sẽ, mà Sư phụ hốt nắm lá quăng lung tung rồi Sư phụ nói đẹp là đẹp cái gì?

Học Thiên bình thường chúng ta không thể chấp nhận điều này, nhưng Thiên sư thấy đó mới thật là đúng. Tức là mọi cái nó trở lại cái uyên nguyên của nó. Cây mà rớt xuống một chiếc lá vàng là điều hết sức tự nhiên của nó, nhưng bây giờ mình đẹp lá vàng đó cho là đẹp theo ý mình, tức là mình uốn nắn tâm thức. Cái đẹp của uốn nắn nó khác với cái đẹp của thiên nhiên. Cái đẹp của thiên nhiên là cái đẹp của vũ trụ, nó đang hiện ra như thế chúng ta đưa tâm thức vào sửa theo cái

đẹp của mình, thì cái đẹp đó nó còn hạn hữu trong tâm của mình mà thôi.

Cho nên chơi hoa chơi kiểng chỉ là cái đẹp chút xíu trong cái đầu của mình, cái đẹp đó mong manh và trong khuôn sáo của tâm thức. Còn thiên nhiên này là muôn màu muôn vẻ tuyệt vời, chúng ta nên chiêm nghiệm được cái đẹp này. Chiêm ngưỡng và thưởng thức được cái đẹp thiên nhiên tự nhiên đó, thì cái đẹp đó mới là cái đẹp đích thực.

Khi mình tu, quy y Tam Bảo rồi, nghe quý thầy dạy giữ điều này điều kia thấy mình cũng khác với người thường một chút, là mình hơi bị bất thường. Từ xưa tới giờ mình đang sống như vậy, gia đình, cha mẹ, anh em, bạn bè ngày nào cũng ăn cơm chung nói chuyện như vậy, nay tôi quy y Tam Bảo là phật tử rồi, ngồi xa xa tôi ra sợ bị nhiễm là trở thành bất thường.

Người bình thường tu dụng công dù một triệu người sống chung cũng không biết mình tu như thế nào, đó mới là người bình thường. Chúng ta bình thường ở trong nhân gian hàng triệu triệu năm người ta không biết mình là ai. Dù người đó có theo dõi mình từ ngày đó qua tới năm kia tới tháng nọ họ vẫn không biết mình là ai, thì đó mới là người bình thường. Thiên Sư Nam Tuyền nói: “*Bình thường tâm thị đạo*” tâm bình

thường là tâm vô phân biệt, là trí tuệ Bát Nhã đó là đạo.

7. Bát Nhã là từng khoảnh khắc mới mẻ hiện tiền

Đức Phật nói tướng *không* của tất cả các pháp vốn bất sanh bất diệt. Làm sao chúng ta phải thể nghiệm tướng *không* không sanh không diệt ngay tại đây, thì đó là cái nhìn của Bát Nhã. Nếu bây giờ chúng ta không nhận ra được cái *không* không sanh không diệt này, là uổng đi việc học đạo cả đời của chúng ta, uổng đi kiếp này, uổng đi hàng ngàn kiếp trở về sau nếu như chỗ này chúng ta không qua được. Làm sao ngay tại đây chúng ta nhận các pháp bằng cái mới. Khoảnh khắc này chúng ta đang nhận diện cái mới mẻ hiện tiền, khoảnh khắc tới tất cả những cái hiện trước mắt chúng ta cũng mới mẻ hiện tiền. Mãi mãi những khoảnh khắc tương tục mới mẻ hiện tiền, nhưng không phải mãi mãi nó hiện hữu. Mới mẻ hiện tiền nhưng không khác nhau bất kỳ cái gì.

Khoảnh khắc trước chúng ta nghe âm thanh này, khoảnh khắc này chúng ta cũng đang tiếp nhận âm thanh thứ hai. Hai khoảnh khắc này không phải vì hồi nãy mình nghe tiếng đó mà bây giờ mình nghe tiếng thứ hai. Không phải bằng cái đó mà chúng ta nghe cái thứ hai. Nhưng nghe tiếng thứ hai này có một cái không khác cái kia. Cái không khác đó là cái gì? Là cái

luôn luôn mới, luôn luôn sống động hiện hữu không nhuốm bận, thì cái mới này mới là cái bất sanh bất diệt.

Bất sanh bất diệt là cái hiện hữu và luôn luôn mới chứ không phải cái cũ. Cái mới này không bao giờ bị thay đổi bởi thời gian và không gian, cho nên nó là bất sanh bất diệt. Chúng ta hiểu lại từ ngữ Phật giáo mới một chút đi. Hiểu từ xưa nó vậy thì bây giờ nó vậy, chút nữa nó cũng vậy, là chúng ta rớt vào thường kiến của ngoại đạo. Cái thấy của Phật đạo là không ở chỗ đó, nó không phải còn hoài như vậy, nhưng nó không phải bị biến đổi. Nó luôn luôn mới, nó mới nhưng nó không thay đổi cái mới này.

Nếu chúng ta học Thiên tông mà không hiểu điều này là uổng lắm. Tướng **không** này mới là cái không sanh không diệt. Cái “*không sanh không diệt*” không phải là cái ù lì, không phải là cái chết cứng, không phải cái nằm một chỗ. Cái không sanh không diệt luôn luôn mới, phút nào cũng mới, giây nào cũng mới, hoàn toàn mới mới mới cho tới hàng tỷ năm sau nó cũng mới, cũng yên nguyên mới mẻ như vậy.

Khi nhận ra được điều này thì chúng ta thấy rõ ràng là đang mới. Như vậy cuộc sống chúng ta bắt đầu sống động lên. Nếu chúng ta chờ nó trở lại trạng thái cũ yên lặng, yên tịnh là chúng ta đã sai lầm. Tại vì không phút nào trong vũ trụ này là không mới.

Bây giờ mình hít vô thở ra cũng giống như hồi này, nhưng chúng ta hít vô hơi mới, thở ra hơi mới. Không phải ngồi hoài như vậy là thở cũ. Nhưng người bình thường nói tôi thở giống như hồi này, không phải đâu, mới rồi!

Làm sao chúng ta nhận được đạo nó không khác với ngày xưa chút nào, nó hoàn toàn mới và mãi mãi mới mới mới. Cái mới này không phải nằm một chỗ mà là mới mới mới liên tục. Không phải mới kéo dài, mới kéo dài một chút là thành cũ. Đời sống chúng ta bắt đầu linh thông, không ứ trệ, đó là đạo theo định nghĩa của Lục Tổ Huệ Năng. Nếu chúng ta hiểu điều này, đời sống sẽ linh thông không ứ trệ, ứ trệ là trái với đạo. Thực sự không có cái gì dừng trụ cả, đó là lý thật của đạo. Bát Nhã là không tạm dừng trụ, người ta có thể nói nó là vô thường, có thể nói nó là vô trụ. Vô thường từng khoảnh khắc mỗi mới, không phải vô thường là hoại, là chết. Cho nên cái gì chúng ta thấy có thể dừng lại được là chúng ta đã thấy sai.

Làm sao đi vào công phu này? Chúng ta có thể thử. Ngồi tại đây chúng ta nhìn sự vật trước mặt, thả lỏng toàn thân tâm để chúng ta cảm nhận được lực sống của chính mình. Lực sống này luôn luôn hiện hữu. Sống dứt khoát phải động chứ không có dừng, và cái động này luôn luôn mới không phải cũ. Cũ là lặp lại, là

trở thành tâm thức. Cái mới mới mới này chính là thật Tánh của vạn pháp, chính là cái bất sanh bất diệt, luôn luôn mới mẻ hiện tiền, chỗ này mới thực là đạo, mới là tướng **không** của các pháp. Vì nó là mới thì nó không lưu trữ một mảy may bóng dáng của hình sắc mình đang thấy.

Ví dụ mình nhìn cái đèn, nếu xoay qua đây mà còn lưu một chút hình bóng của cái đèn, thì đó là cái cũ, nó mới là chúng ta nhìn cái đèn rồi nhìn qua bình hoa, qua đĩa trái cây, qua cây quạt v.v ... nó mới mới mới hoài. Chúng ta đã từng mới như vậy cả đời, nhưng vì chúng ta không đủ sức để thừa đương chỗ này cho nên mình không thấu hiểu đạo lý. Nếu ngay tại đây mà chúng ta sống động hiện tiền để nhìn tất cả sự vật đều là hiện tiền mới mẻ, nghe tất cả âm thanh đều là hiện tiền mới mẻ là chúng ta sống bằng Bát Nhã, sống bằng cái bất sanh bất diệt.

Đó là tướng **không** của các pháp, không sanh không diệt, không cấu không tịnh, không tăng, không giảm. Nếu có trí tuệ Bát Nhã, thì đời sống chúng ta mới mẻ hiện tiền từng khoảnh khắc một và cuộc đời còn lại thật tuyệt vời. Mở mắt ra là đã mới rồi, chưa kịp chớp mắt là họ đã mới với biết bao nhiêu chuyện, mình bằng cái mới này mà thấy họ thì đời sống mình tươi vui cùng tận, phúc lạc vô biên.

Gặp người từng chơi với mình nhiều chục năm, bây giờ nhìn thấy họ là mới, mình có thấy được như vậy không? Nếu không thấy mới là nhìn theo kiểu phàm phu, thấy mới là nhìn theo Bát Nhã. Nếu chúng ta hiểu Bát Nhã, sống đúng Bát Nhã, nhìn đúng đạo lý thì mở mắt ra mỗi cái đều mới, còn nhìn sai lầm nó mới thành cũ. Tất cả các pháp đều là Phật Pháp hiện tiền. Đi đâu, đứng đâu, ngồi đâu tất cả đều là mới. Từng khoảnh khắc một tiếp cận với duyên trần chúng ta không còn khả năng lặp lại kịp, nhưng mình cứ tưởng tượng rằng mình có thể lặp lại được, nên cuộc đời chúng ta mới bất an. Nếu chúng ta sống đúng với cái thật đang hiện hữu ngay tại đây, thì chúng ta không bị lặp lại. Không bằng cách nào lặp lại được vì chúng ta đã hít vào thở ra là mới, nhúc nhích là mới, từng khoảnh khắc hiện hữu là từng khoảnh khắc mới.

Ví như đầu chúng ta mới có sợi tóc bạc. Không phải là tôi sống mấy chục năm bây giờ tóc tôi bị bạc, nếu quan niệm mình sống lâu mới bị bạc là chúng ta sai rồi. Hoặc mặt mình đang đẹp bây giờ nó nhăn, mình nghĩ già nó nhăn chứ thực sự cái nhăn nó mới có. Mọi cái xảy ra với chúng ta đều là mới.

Khi chúng ta sống đúng đạo lý, biết được chuyện này và để cuộc đời tự trôi lăn mới mẻ, sẽ thấy nó đẹp vô cùng. Nó không còn vướng đọng lại trong tâm thức,

trở thành “*trường không của các pháp, bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm*”. Không có khoảnh khắc nào tăng giảm được. Ví dụ nói tiếng Phật làm sao tiếng Phật tăng hơn hay giảm hơn. Ngay âm thanh hiện hữu chúng ta cũng không thể làm cho nó tăng, không thể làm cho nó giảm. Đây là điều tuyệt vời của các pháp mà chúng ta phải thấy tới. Chúng tôi nói tiếng Phật thì không thể làm sao cho nó cấu, làm sao cho nó tịnh được. Cũng không thể làm cho nó sanh, làm cho nó diệt được. Ngay cả âm thanh chúng ta đang nghe nó cũng không sanh không diệt, chúng ta chấp nhận nổi không?

Tiếng Phật và tiếng ma, tiếng nào dơ, tiếng nào sạch? Âm thanh này không cấu không tịnh, nó chỉ là sự hiện hữu như vậy mà thôi, tại mình không như vậy mà thấy thành ra có cấu có tịnh. Người đó nói hôm nay sao thấy anh đẹp trai quá, mình thấy người này được. Nhưng quay lại họ nói hồi nãy tôi nhìn lộn chứ tôi thấy gương mặt anh tẻ lấm, thì mình thấy ông này nói chuyện không được. Trên âm thanh mà mình so sánh nên nó thành cấu, thành tịnh, nhưng cũng âm thanh đó, cũng con người đó, khoảnh khắc này người ta thấy kiêu này, khoảnh khắc sau người ta thấy kiêu mới rồi. Sao hồi nãy ông khen tôi đẹp, bây giờ ông nói tôi xấu? Mình vướng chỗ đẹp hoặc vướng chỗ xấu cho nên có chuyện.

Nếu là cái nhìn mới, cái nghe mới thì chuyện nghe rồi là tự động automatic ngay chỗ đó nó đã mới, thì không bị vướng đọng. Nếu chúng ta ứng dụng cái này vào đời sống chúng ta thì thực sự là tự do, giải thoát. Học Bát Nhã làm sao chúng ta nghe được với cái nghe này, làm sao thấy được với cái thấy này, sống được với cái sức sống mới mẽ hiện tiền này mới thực sự là học Bát Nhã.

Bát Nhã không phải là tướng, không phải là tánh. Tướng cũng tạm dùng từ tướng, tánh cũng tạm dùng từ tánh. Tướng **không** là tướng chân **không**, là Tự tánh **không** ... cũng chỉ là nói trên mặt lý luận. Thực sự là không có tướng và không có tánh. Tướng, tánh chỉ là từ gượng gạo để nói với nhau, chứ thực sự không có ngôn ngữ để chúng ta diễn bày với nhau.

Tất cả những hình sắc chúng ta thấy đừng nghĩ nó là tướng. Cái nhìn của phàm phu nó là hình sắc, nhưng với cái nhìn của Thánh hiền nó không phải là hình sắc, nhưng nó không phải là không hình sắc, mà cũng không phải là có hình sắc, vậy nó là cái gì? Có hình sắc hay không hình sắc? Chúng ta phải làm cho ra lẽ chuyện này. Nếu bước vào pháp hội của Thiền là chúng ta sẵn sàng bị đập bằng những cú này và tự mình phải vỡ ra ngay tại đây. Chuyện trước mắt mà mình nói

không được, thì chuyện trên trời làm sao nói được, phải nói chuyện ngay tại đây và bây giờ.

Người học Thiền không để uổng phí khoảnh khắc mạng mạch đang hiện hữu của chúng ta. Chúng ta đã phí mạng mình, đã quăng bỏ cuộc đời mình nhiều chục năm rồi. Khi học Thiền là chúng ta trở lại với sức sống hiện tiền này, để chúng ta không còn phí uổng cuộc đời còn lại của chính mình nữa. Từng khoảnh khắc một đầy những giá trị linh nhiệm của nó, để chúng ta thâm nhập vào cảnh giới Thiền tông. Mỗi khoảnh khắc là mỗi màu nhiệm ngay tại đây, không bao giờ bị vướng động trong tam giới này, đó là người biết sống, biết yêu chuộng cuộc đời này. Còn chúng ta không có yêu mình, đã phí phạm cuộc đời mình, chúng ta đã bỏ qua quá nhiều khoảnh khắc vàng rồi.

Như câu chuyện, có người đi ra biển chơi, lúc đó còn mờ tối, mặt trời chưa mọc nên chưa nhận ra được vật gì, đi đá trúng cái bọc cầm lên chơi; đến mỏm đá gần biển ngòì thò tay vào bọc móc ra một cục bốp cứng ném xuống biển, ném từng cục từng cục xuống biển; đến hồi trời hừng sáng còn một cục trong tay, thấy chiếu sáng nhìn lại đó là kim cương.

Chúng ta cũng đã phí cuộc đời mình như người trong đêm đen đó. Bây giờ chúng ta phải mở mắt ra, thấy rõ ràng là ánh hiện bình minh này của chính mình

ngay tại đây nó mới và đẹp tuyệt trần. Chúng ta bỏ đi những khung sáo cũ để thấy mọi việc, đừng có bằng kiến thức cũ nhìn mọi việc. Chúng ta rời khỏi vị trí cũ của mình đi, mình đặt mình đang ở vị trí mới mẻ này, thì mọi việc ngay đây sẽ rực sáng hào quang. Đây là điều rất lạ.

Khi chúng ta thoát ra khỏi cái khăn của thân căn mà nhận diện các pháp, thì đó là khoảnh khắc tuyệt trần mà vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách không bằng phút giây này. Kim cương lúc đó không đẹp hơn một cành hoa nhỏ, phút chốc đó tất cả đều rực sáng lên, mọi việc đều sáng rõ và từ đó trần gian này bắt đầu đẹp. Đẹp hơn trong mơ vì vượt ra ngoài tưởng âm, là bậc thầy của cái đẹp từ trước tới giờ mà mình không dùng suy nghĩ có thể tưởng tượng được, đây là điều rất đặc biệt. Học Thiền là làm sao thâm nhập được sức sống hiện tiền mới mẻ, chứ không có cái gì hơn.

Trong câu chuyện “Bà già đốt am” tôi rất thích vì nói lên sức sống mới mẻ hiện tiền. Hồi xưa khi đọc lần đầu, quý vị không thể tin là tôi nhưc đầu sáu tháng với câu chuyện này. Lúc người phụ nữ ôm ông thầy, ông nói ba năm ông không còn hơi ấm, cô ôm tôi giống cây trồng trên đá, không động thân, không động tâm là ông thầy không nhiễm rồi vậy tại sao bà già đốt thất đuôi

ông thầy đi? Một người tu bất nhiễm như vậy phải lay ông mới đúng chứ, bà già này điên hay sao, cái đầu mình không thể hiểu nổi?

Một thời gian sau, ông Thầy quay trở lại, bà già cất thớt cho ông Thầy tu tiếp. Sau đó, bà già dạy đũa cháu gái đến ôm ông Thầy lần thứ hai và hỏi ngay giờ này ông như thế nào? Ông nói: “Tôi biết, cô biết, trời đất biết, đừng cho bà già đó biết”. Sau đó, bà già nghe cháu gái thuật lại câu nói của Thiền sư, bà già liền vô danh lễ vị Thầy liền. Chuyện gì vậy? Lý do tại sao bà già đánh lễ? Người tu bị phụ nữ ôm là coi như phạm giới, mà người khác biết là nguy hiểm, mình hiểu cái kiểu phạm phu của mình như vậy. Nhưng khi học Thiền có chút công phu rồi mới hiểu ra điều này, tôi khóc mất một buổi vì công án này.

Đó là câu khai thị tuyệt vời mà từ xưa tới giờ ít có Thiền sư nào khai thị được kiểu này. Một câu thể hiện trọn vẹn sức sống của Thiền tông ở chỗ mới mẻ này. Bây giờ nếu cô ôm tôi là “đang mới”, và cô buông ra nó “cũng là mới”, thì chuyện hồi nãy không còn. Nếu cô còn để đem ra trình bà già là không phải, đó là lời khai thị nhưng cô gái không hiểu. Ngay tại đây người đang chạm nhau biết thôi, buông ra là hoàn toàn không có lưu dấu. Tức là trong khoảnh khắc mới đó không có hình bóng cũ, nếu cô mang hình bóng cũ ra

cô nói bà già thì không phải, và đó là sức sống của tôi. Sức sống của Thiên sư là “luôn luôn mới” không vương đọng lại.

Một hôm tôi giảng tại chùa Đức Quang ở Thốt Nốt, có một thầy ở An Giang đến tham vấn, thầy nói nghe băng giảng của tôi đủ rồi, không cần bàn, thầy chấp nhận nhưng phải cho thầy hỏi tôi một câu: “Nếu như có một người phụ nữ ôm Thầy thì Thầy như thế nào?” Tôi trả lời: “Như cô đang ôm”.

Làm sao chúng ta nhận được Tự Tánh *không* của các pháp bất sanh bất diệt để cho đời sống chúng ta luôn luôn mới, thì đời sống chúng ta bắt đầu linh động, linh thông, chính xác. Khi chúng ta tiếp cận được chuyện này rồi, thì cuộc đời chúng ta sẽ sống với những khoảnh khắc mới không chuẩn bị. Hoàn toàn không chuẩn bị để làm, không chuẩn bị để nói, tất cả sự chuẩn bị đó đều là sự dàn dựng của tâm thức. Nhất là thuyết pháp tuyệt đối không được quyền chuẩn bị là nói cái gì, không được nghĩ là mình sẽ nói câu nào, hiện ra cái mới thì nói chuyện mới, hiện ra câu mới thì nói câu mới, luôn luôn mới mà không bao giờ lộn xộn vấn đề, đó được gọi là chuẩn xác.

Với chúng ta cũng vậy, đừng bao giờ tin cái suy nghĩ của mình, mình nghĩ rằng chuyện đó mình sắp xếp như vậy sẽ thành tựu như vậy, đó là cái nghĩ của tâm

thức, là vẫn còn trong khung sáo bài bản. Nếu chúng ta tin rằng Phật của mình hay hơn mình, tin trí tuệ Bát Nhã hay hơn trí thức trần gian thì bỏ đi đừng tính toán, sống thả lỏng đi. Dám thả tay cho Bát Nhã làm, dám thả tay cho Phật làm một ngày, thì quý vị sẽ thấy Phật làm tuyệt vời hơn mình làm, nhưng không ai dám đủ tin điều này, khiến làm cái gì cũng đem cái đầu mình ra tính.

Chúng ta tập thách thức cuộc đời mình, để cuộc đời mình bước vào cảnh giới mới mà mình không có chuẩn bị, không chuẩn bị trước để làm việc, không chuẩn bị trước để nói năng, không chuẩn bị trước để hành động. Thử một ngày đi, quý vị thấy hay lắm. Rõ ràng mọi việc có thứ lớp trật tự ngoài ý tưởng của mình, nhưng đâu có ai dám chấp nhận điều này. Nhưng khi mình vượt ra ngoài khung sáo tính toán rồi, mình sẽ nhận định vấn đề chính xác hơn mình tính toán, là lúc đó mình thành công ngoài ý muốn. Nhưng không ai dám đưa cuộc đời mình vào khoảng mới, uổng lắm. Đã là sức sống mỗi ngày mỗi mới rồi, mà mình không để cuộc đời mình mới thì rất uổng. Nên để cho đời sống mình mới đi, đừng trở lại cái cũ nữa, đây không phải là gài cho mình khó khăn, mà muốn cho chúng ta nhập được trong cái thể mới mẻ này. Sống là phải mới, chứ sống cũ làm chi uổng phí.

Chư Tổ nói một câu mình hơi bị đau: “Chúng ta là con quỷ giữ mồ xưa”. Rõ ràng là chuyện cũ mình lôi ra xài, những cái đã qua xem như đã chết lâu ngày nó thành thói, chứ chúng ta không dám sống mới, thì mất đi khoảnh khắc vàng của đời sống hiện hữu này của chính mình.

Cho nên chúng ta phải mạnh dạn đối với đạo lý, một lần buông thân mạng để chúng ta sống với khoảnh khắc hoàn toàn “*không sanh không diệt, không cấu không tịnh, không tăng không giảm*”. Chúng ta phải đủ bản lĩnh thừa đương việc này. Thấy vậy chứ không bản lĩnh không thừa đương nổi. Lực sống của chính mình nhưng mình không đủ bản lĩnh thừa đương, thì đó là việc đáng buồn. Phải chi chuyện trên trời, chuyện của ai, mình gánh vác không nổi thì không tức, nhưng đây là chuyện chính mình luôn hiện hữu từng khoảnh khắc mới mẻ mà mình không thừa đương được. Chúng ta phải thấy lại một cách rất rõ ràng điều này, để chúng ta sống được từng khoảnh khắc mới mẻ hiện tiền. Đó là người đang thấy được tướng **không** của tất cả các pháp.

Tướng **không** này vốn hiện tiền “*không sanh không diệt*”. Ngay tại đây nói sanh cũng không được, nói diệt cũng không được. Âm thanh hồi nãy nói bây giờ nó mất rõ ràng là có sanh diệt, mình lý luận kiểu phàm phu như vậy. Nhưng thật sự một âm thanh tôi

đang nói ra nó không sanh không diệt, ai không chấp nhận, và ai chấp nhận câu này? Nếu không chấp nhận điều này là chúng ta không thấy được sự thật của các pháp. Âm thanh đang hiện ở đó “*không sanh không diệt, không tăng không giảm, không như không sạch*”, chúng ta dám tin không? Không phải Tánh không, tướng không nữa, mà tất cả những cái hiện tiền trong thấy nghe hay biết của chính mình, tất cả vạn pháp trong vũ trụ này đều là “*không sanh không diệt, không cấu không tịnh, không tăng không giảm*”, chúng ta đủ sức thừa đương câu nói này không? Người nào đủ sức tiếp nhận điều này là người đại căn, phước đức và nhân duyên lớn đủ sức sanh về Tây phương Cực Lạc.

Chúng tôi nói chữ Phật có tăng có giảm, có cấu có tịnh, có sanh có diệt không? Chúng ta không kịp để thấy nó cấu nó tịnh, không kịp thấy nó sanh nó diệt. Nó cấu cũng không được, tịnh cũng không được, tăng cũng không được, giảm cũng không được? Vì nó vốn là như vậy, chúng ta bằng cái nhìn như vậy để tiếp duyên, để đời sống còn lại của chúng ta là như vậy. Chúng ta đang ở trong cảnh giới Như, tất cả các pháp đều hiện hữu là Như, thì cái gì sanh, cái gì diệt? Đó là “*tướng không của các pháp không sanh không diệt, không cấu không tịnh, không tăng không giảm*”, nếu chúng ta thấy được điều này sẽ hiểu câu nói này, nếu chúng ta không

thấy được điều này thì câu này chúng ta không hiểu nổi.

Đứng bên đây bờ tâm thức thấy có và thấy không cho nên mới thấy có sanh có diệt. Sự thật nó không phải là sanh, không phải là diệt vì nó vốn là như vậy. Tất cả mọi cái đều là Như. Các pháp vốn tự Như. Mình uốn éo theo tâm thức của mình cho nên mình nhìn mọi cái không Như. Và nó không còn là Như đứng với cái Như của nó, cho nên mình gánh những hậu quả bẻ cong lệch lạc Chân lý. Nếu chúng ta thấy đúng Chân lý thì đời sống chúng ta bình an, tự tại. Vì chúng ta đã bẻ cong sự thật, nhìn lệch lạc sự thật đang hiện hữu này cho nên chúng ta bất an. Chúng ta tự khuấy động sự bình an của mình để sống đời sống bất an. Như thế không phải chúng ta nghiệp nặng, sanh tử luân hồi nhiều đời nhiều kiếp bị mê làm cho nên khổ, không phải như vậy.

Chúng ta đang từ chối sự thật. Nếu chúng ta chấp nhận sự thật thì mọi chuyện đều xong liền ngay tức khắc. Ngay tại đây không có quá khứ, hiện tại, vị lai. Ngay âm thanh này cũng không có quá khứ, hiện tại, vị lai; không có thời gian và không có không gian. Hiểu cho tới thì chỉ cần một âm thanh là phá vỡ toàn bộ sanh tử ngàn đời ngàn kiếp của mình. Cho nên trong Kinh nói “đập một hạt cát ra một quyển Kinh đầy khắp tam

thiên đại thiên”. Đập vỡ hạt cát này đi thì chúng ta mới học đúng với Bát Nhã.

Nếu chúng ta thấy tướng có và tướng không là hai đầu rồi, thì làm gì nói chuyện không sanh không diệt. Cái **không** tướng của vạn pháp chính là thật tướng. Thật tướng là cái hiện hữu ngay tại đây và bây giờ. Đừng nghĩ thật tướng là cái gì mênh mông phủ trùm khắp pháp giới. Chúng ta có thể lý luận về Tự Tánh để tâm thức chúng ta hiểu Tự Tánh là không có khái niệm, không có ấn tượng, không có định nghĩa, không có định lý để khi đụng tới nó chúng ta biết nó là cái đó, mình hiểu như vậy, bây giờ cái này nó giống như vậy, rồi mình chấp nhận cái đó là đạo, thì đó chỉ là đạo của tâm thức.

Đạo là điều mình học được, mình chấp nhận được thì không phải là đạo. Cái mà mình chấp nhận được thực sự là mình đã moi ký ức ra để so sánh, nếu đúng mình gật đầu chấp nhận, nếu sai mình không chấp nhận. Nó nhanh đến mức độ không có máy quay số nào quay kịp. Nó không kịp có, không kịp không, không kịp sanh, không kịp tử vì nó đã là như vậy rồi, nhưng mình nghĩ là mình có thể nắm bắt được cái gì đó. Ví dụ người ta chửi mình một câu họ đi tám cây số rồi, mình ngồi đây còn thấy câu đó nặng với mình. Thực sự có nặng gì đâu, mình tưởng nó nặng chứ thiệt ra mình giữ

lại không được nữa. Mình không đủ sức, không kịp nắm bắt nó đứng lại, không tạm dừng được, vì nó đang sống động vận hành, và mình cũng đang sống động vận hành. Mình đang mới, mọi vật diễn ra thật sự mới.

Chúng tôi định nghĩa cái bất sanh bất diệt theo từ ngữ của Phật giáo: “Bất sanh bất diệt là sự hiện hữu mới mẻ trong từng khoảnh khắc hiện tiền”. Đó là chân lý, đó là cái bất sanh bất diệt, vì nó luôn luôn mới, nó không thay đổi cái mới. Từng khoảnh khắc nó mới mới mới hoài, không làm sao thay đổi để nó cũ được, cho nên nó là cái “*bất sanh bất diệt*”.

Đời sống chúng ta bắt đầu tiếp nhận cái này là từng khoảnh khắc vùn vụt trôi qua chúng ta luôn luôn mới, không có chút nào lộn cợn lẫn tẩn trong đầu về chuyện quá khứ, vị lai nữa, cũng không có hiện tại. Chúng ta không kịp cho nó là hiện tại, nó chỉ là “như vậy mà thôi”, không có hiện tại, không có quá khứ, không có vị lai. Chúng ta đừng gắng gượng để cái này nó trở thành cái gì, cái kia nó trở thành cái gì cho cuộc đời của chính mình. Không thể làm được chuyện quá khứ, không thể làm được chuyện vị lai, không thể trụ được trong hiện tại. Vừa chấp nhận chỗ này là hiện tại thì nó thành quá khứ liền, cái đầu mình không kịp theo tất cả sự vận hành vốn đang diễn ra trong vũ trụ này.

Vũ trụ này trật tự vận hành với một tốc lực bằng một tỷ lũy thừa tỷ của vận tốc ánh sáng. Mỗi cái nó luôn vận hành để “mới mẻ hiện tiền”, “mới mẻ hiện tiền”. Chúng ta đang ở trong dòng quay “mới mẻ hiện tiền”, đang ở trong lực sống “mới mẻ hiện tiền” thì mình cứ thả lỏng cho lực “mới mẻ hiện tiền” nó làm chúng ta luôn mới, để cuộc đời chúng ta được nhẹ. Gượng lại để chúng ta sống cũ làm chi mất lực, mất sức, mất tuổi tác, mất thời gian, mất công ăn việc làm và mất đi những cái quý báu của đời chúng ta.

Đừng ráng gượng, đừng làm thêm cái gì, chúng ta thả lỏng hết mọi cái ngay tại đây, để chúng ta rớt vào dòng vận hành “mới mẻ hiện tiền” của lực sống vũ trụ, nhân sinh này. Chúng ta phải nhập được, phải thả lỏng cuộc đời để dòng sống này cuốn cuộc đời chúng ta trôi trong cái “mới mẻ hiện tiền”. Từng khoảng khắc nhỏ nhiệm trong cuộc đời còn lại của mình, không bao giờ mùi khổ đau nhuộm chúng ta được. Vì thấy là mới, nghe là mới, nghĩ là mới, nếm là mới, dính đâu để khổ? Nhưng mình đọng lại một chút là thành khổ, là thành buồn thương giận ghét, là thành kỷ niệm, là chớp bóng.

Chớp bóng là chụp hình, là chụp cái bóng của người ta. Mình sợ mất đi nên mình chớp bóng, mình biết rằng mọi việc đều phải vận hành mới, cho nên mình lưu trữ cái bóng, chứ không lưu trữ được cái thật.

Chúng ta luôn ảo giác nghĩ rằng mình có thể giữ được cái gì đó, đó là ảo giác của riêng mình chứ không phải thật. Chúng ta thả lỏng đùng vương bận trong ảo giác đó nữa, đừng rớt vào ảo vọng đó nữa để chúng ta trở lại hiện thực mới mẻ này của chính mình, để rồi đời sống chúng ta bắt đầu bắt nhịp đúng với nhịp sống đang mới mẻ hiện tiền. Và dòng xoay mới bắt đầu cuốn trôi cuộc đời chúng ta, để chúng ta thật sự là con người luôn luôn mới. Người nào rớt vào cảnh giới mới thật sự là phúc lạc. Phúc lạc đó hiện tiền trong từng khoảnh khắc còn lại cuộc đời của chính mình nên cả đời mình là mới, không cũ. Chúng ta đang sống và đang mới.

Chúng ta sẽ rất vui vì gặp người mới thì mình ráng sống tốt. Hai người mới gặp nhau luôn luôn có cái gì rất đẹp. Cho nên cái mới nào cũng đẹp, cái cũ trở thành xấu. Người bạn mình sống chung mấy chục năm, nếu mở mắt ra thấy bạn mình là mới thì không bao giờ chán. Chúng ta ngồi hoài một chỗ, thì nó mới hoài một chỗ đó, chúng ta nhìn một sự vật thì nó luôn luôn mới với mình hoài, không cũ được. Ví dụ, chúng ta nhìn hoa này nó đang tươi như vậy, nhưng vài ngày nó héo là nó mới héo. Khoảnh khắc trước nó tươi, khoảnh khắc này nó héo là nó mới héo, không phải để cũ nó héo. Mọi cái mới diễn ra, mình làm sao nhìn cuộc đời này nó mới mẻ như vậy thì cuộc đời này đối với mình

thông thoáng nhẹ nhàng, không bao giờ chúng ta bị vướng động để khổ đau.

Làm sao cuộc đời chúng ta được vận hành và hòa nhập trong lực dụng “mới mẻ hiện tiền” của vũ trụ, thì tự động chúng ta thành mới. Phải để cuộc đời chúng ta nhập trong cảnh giới mới mẻ đó, đừng có gượng lại uổng lắm, nhưng chúng ta cũng không đủ sức để gượng, vì thực ra mỗi cái đều đi tới, không tạm dừng trụ. Chúng ta muốn dừng trụ cái gì là đã sai, cho nên mới bị bất an đau khổ. Nếu chúng ta thả lỏng để cho mọi cái đều hiện ra đúng như thật nó đang có, là mỗi khoảnh khắc mỗi mới và cuộc đời chúng ta luôn mới mẻ hiện tiền như xuân.

8. Bát Nhã ly tất cả tướng, tức tất cả pháp

Cho nên trong tướng không không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức; không có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không có nhãn giới, cho đến không có ý thức giới.

Từ đoạn đầu Đức Phật nói thân ngũ uẩn này không khác với *không*, cái *không* không khác với cái thân ngũ uẩn. Sau đó Đức Phật nói tiếp về “*tướng không của các pháp không sanh không diệt, không nhớ không sạch, không thêm không bớt*”. Đức Phật so sánh

sắc không khác với cái **không** đó, rồi Đức Phật lại tiếp tục khẳng định cái **không** này.

Học Bát Nhã là không thì chúng ta liền có khái niệm không là cái không có, nó đối lại với cái có. Ở đây Đức Phật dùng từ tướng **không**, chứ không phải là Tánh **không**. Tướng **không** là hình tướng của cái **không** đó. Cái **không** mà Đức Phật muốn nói không phải là không có, và không phải là cái không đối với cái có. Đức Phật nói cái **không** này tuyệt đối “không có không” và “không có có”, mà người ta tạm gọi là Tánh **không**.

Kinh Bát Nhã có người giảng: Đức Phật nói đến Tánh **không**, thì đương nhiên có cái “không Tánh” và cái “không không Tánh”, khi nghe như thế nơi chúng ta liền có cái phân biệt là có cái không so với cái có, còn Tánh **không** mới là cái chân thật. Theo lý luận từ trước tới giờ chúng ta học là như vậy. Nhưng nếu ở đây mà mình còn có tánh không và tánh có, thì chúng ta vẫn còn so sánh phân biệt, không ra được. Người ta nói học Bát Nhã cái gì cũng không hết, nhưng người ta chưa hiểu nổi cái **không** này. Cái **không** này không phải là không có, không phải là cái không so với cái có.

Ví dụ có cái nhà rồi mất cái nhà nó thành không, không phải như vậy, Đức Phật không nói chuyện này. Cái **không** của Bát Nhã không phải nói tới chuyện để

cho người ta rớt vào so sánh nữa, mà Đức Phật muốn nói cho mình không còn so sánh. Không còn chỗ để so sánh và không còn mình để so sánh, thì người đó thật sự học Bát Nhã. Cho tới cảnh giới “không ngã không pháp” mới thật là cái **không** mà Đức Phật muốn nói.

Đức Phật lại nói: “Cho nên trong tướng **không** không có sắc, không có thọ, tướng, hành, thức”. Ở nơi cái **không** mà Đức Phật muốn nói, cái **không** đó không có ngũ uẩn, “không có sắc, không có thọ, không có tướng, không có hành, không có thức”. Cái **không** này vượt tầm so sánh có và không.

Kinh Bát Nhã này đối với tất cả những người đã theo đạo Phật gần như ai cũng thuộc lòng. Nhưng nếu chúng ta không vượt ra ngoài có không, thì không cách nào hiểu được kinh Bát Nhã. Đức Phật khẳng định cái **không** mà Ngài muốn nói là không có ngũ uẩn. Chỗ này không phải là ngũ uẩn có và ngũ uẩn không có trong cái **không** này. Ngũ uẩn cũng là cái gì tạm gọi, gượng gạo mà nói trong lý luận thôi. Tại nói đến thân tâm thì tạm nói nó là ngũ uẩn.

Rồi “không có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý” là không có sáu căn. Đã không có ngũ uẩn rồi thì căn không có. “Không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp” là không có sáu trần. “Không có nhãn giới cho đến không có ý thức giới” là không có sáu thức. Nói tóm

lại, trong tướng **không** không có thân ngũ uẩn và không có mười tám giới.

Nếu nói cái **không** này nó không có ngũ uẩn, không có thập bát giới có nghĩa là cái gì có nó cũng không phải, mắt không có, đối diện mắt không có sắc, lỗ tai không có, đối diện với lỗ tai là âm thanh cũng không có, mũi cũng không có v.v... Nếu tất cả những người tu Thiền ngồi ngay tại đây muốn hòa quyện trong cái **không** này, thì Đức Phật cũng bắt đầu từ cái không ngũ uẩn. Khi chúng ta không có ngũ uẩn sẽ không có thập bát giới. Nếu chúng ta nghe bằng cái nghe của thân tâm, là bằng ngũ uẩn mà ghi nhận hay biết, liền có đầy đủ thập bát giới.

Cái **không** này mặc dù Đức Phật nói là không có ngũ uẩn, không có thập bát giới, nhưng nó lại có mặt ở ngũ uẩn và có mặt ở thập bát giới. Học kinh Đại Thừa đừng bao giờ chúng ta nghe nói không thì nó hoàn toàn không có gì, đừng nghe nói có thì nó hoàn toàn là có. Như ngài Từ Đạo Hạnh nói: “Có thì có tự mảy may, không thì cả thế gian này là không”.

Khi chúng ta rớt vào bên có thì tự mảy may nhỏ nhiệm nhưt nó cũng là có, nhưng khi chúng ta rớt vào cái không rồi thì cả thế gian này liền biến thành không. Hai cái có và không này vẫn là cái so đo so sánh của tâm thức phân biệt. Trong đầu chúng ta khi nghe nói

không có ngũ uẩn, không có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, không có lục nhập, không có thập bát giới, tự động mình rớt vào khái niệm hiểu biết mới và cho rằng cái không Tự Tánh là không có gì hết. Do không có thân nên mắt, tai, mũi, lưỡi không có, tu đến mức độ thân tâm không có gì hết, như vậy là đúng chưa? Nếu hiểu như vậy là “y Kinh diễn nghĩa tam thế Phật oan”.

Đức Phật muốn nói cái **không** nó có nơi ngũ uẩn, nhưng ngũ uẩn này không phải là cái **không** đó. Cái **không** đó không phải là ngũ uẩn, nhưng là ngũ uẩn. Cái **không** đó không có tướng mà là tất cả tướng. Cái **không** đó không có cái gì hết mà hết thảy thế gian đều là nó. Như vậy chúng ta hiểu giống như nói ngược, hoặc là có, hoặc là không, nhưng cái này không phải như vậy. Ý Đức Phật không phải muốn nói cái không với cái có này, mà Đức Phật muốn cho chúng ta nhận ra được một cái mà nó không phải là cái gì hết.

Ví dụ, mình được quyền nói điện không phải là bóng đèn, điện không phải là cái quạt, điện không phải là âm thanh. Nếu không có điện thì bóng đèn không thể cháy, quạt không thể quay. Đức Phật muốn nói cái không đó. Ví dụ cái không đó chính là điện, có điện thì tất cả những cái này bắt đầu hiệu dụng, không có điện thì dù có hàng tỷ cái bóng đèn ở đây cũng không thành sáng được, có hàng ngàn cái quạt ở đây cũng không thể

quay. Điện không phải là tướng của cái đèn và điện không phải là tướng của cái quạt. Nhờ có điện cho nên cái quạt quay và đèn cháy.

Chúng ta có thể ngầm hiểu ngược về chỗ cái **không** mà Đức Phật nói. Nếu nói nó không phải là đèn, không phải là quạt, không phải là máy quay phim, nó không phải là tất cả những cái đó, thì mình liền nghĩ là không có gì hết, là chúng ta đã hiểu sai. Cái kiểu của thế gian từ xưa tới giờ chúng ta học hoặc là có hoặc là không. Nhưng Đức Phật nói là không có tất cả những cái này, nhưng điện có mặt ở bóng đèn vì bóng đèn hiện đang cháy, điện có mặt ở cái quạt vì cái quạt hiện đang quay. Cái **không** này nó có mặt nơi thân ngũ uẩn nên thân ngũ uẩn này đang hoạt động, cái **không** này có mặt nơi mắt nên mắt thấy, cái **không** này có mặt nơi lỗ tai nên lỗ tai đang nghe, nhưng cái **không** này không phải là con mắt. Ví dụ cái đèn này nổ bóng đi, nhưng chỗ đó vẫn còn điện. Con mắt người bị bệnh họ không thấy, nhưng tánh thấy trong đó vẫn còn nguyên.

Chúng ta phải hiểu điều Đức Phật muốn nói cái hiện tướng này, nếu mình lầm nhận cho rằng cái **không** đó là mắt, cái **không** đó là tai, cái **không** đó là mũi, lưỡi, thân, ý thì chúng ta đã sai. Cũng như chúng ta cho điện là bóng đèn là sai. Điện không phải là bóng đèn, cái **không** kia không phải là con mắt. Cho nên trong

nguyên thủy vốn không có đèn, không có quạt, không có cái gì hết. Cái **không** kia không có nơi thân ngũ uẩn này, nhưng mà có cái **không**, chứ không phải là không có.

Có một cái không phải mắt, không phải tai, không phải mũi, không phải lưỡi, không phải thân, không phải ý, nhưng nó luôn hiện hữu sự hoạt động của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Khi học Kinh điển Đại Thừa, chúng ta đừng bao giờ đi theo một chiều, đừng hiểu một chiều khi lý luận. Đức Phật nói cái này nhưng Ngài chỉ ngược lại cái kia.

Các vị Thiên sư nói sao? “Con chó khi quăng cục đất là nó nhắm theo cục đất mà rượt con mèo. Nhưng con sư tử thì khi quăng cục đất ra nó sẽ chụp người quăng, chứ nó không chụp con mèo”. Cũng có vị Thiên sư khác nói: “Nước hòa chung với sữa, thì chỉ có con ngỗng chúa mới biết cách uống sữa chừa nước”. Nước hòa với sữa khó ai mà lừa nổi, chỉ có con ngỗng chúa mới uống được sữa này.

Học kinh Bát Nhã chúng ta phải hiểu như vậy. Nghe nói là “*không có sắc, thọ, tưởng, hành, thức; không có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không có nhãn giới cho đến không có ý thức giới*”; thì chúng ta hiểu rằng có cái gì đó mà nó không phải mang tên này. Có một cái

gì đó nó không mang tên “*sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp*”, chớ không phải không tất cả những cái này rồi là không còn cái gì hết.

Học Bát Nhã để chúng ta thấy lỗi lý luận hết sức sắc sảo về cái **không** mà có tất cả những hiện tượng. Có thân ngũ uẩn tức là hiện tượng, có buồn thương giận ghét là hiện tượng, có khổ vui là hiện tượng, có cái thân mấy chục ký lô là hiện tượng, có thấy cảnh duyên, có nghe âm thanh là hiện tượng. Nhưng tất cả những hiện tượng đó, ví như chúng ta đang coi màn hình ti vi, tất cả những hình bóng được chiếu trên màn hình đều là những cái bóng, bóng đó còn hay mất màn ảnh vẫn còn nguyên. Có lúc chúng ta thấy bắn giết nhau rất kinh khủng, nhưng không bao giờ nhiễm được cái màn hình. Màn hình không bao giờ bị nhiễm bởi cảnh đó; có, không, còn, mất thì nó vẫn nguyên đó. Tất cả những hiện tượng đều hiện ra trong cái **không**. Chúng ta phải hiểu tới điều này. Hiện ra tướng sắc cũng ở trong cái **không** đó, hiện ra thọ cũng ở trong cái **không** đó; hiện ra tướng, hành, thức cũng ở trong cái **không** đó. Tất cả đều hiện ra từ cái **không** này.

Hoặc khoảng không này trước khi quý vị tới đây nó là rỗng, nhưng bây giờ đây người ở trong này. Tất cả chúng ta đều hiện trong cái **không** đó. Và tất cả âm thanh chúng ta nói với nhau nghe được ở đây, đều hiện

trên tướng không đó. Nếu như ở đây đã có âm thanh rồi, thì quý vị không thể nghe chúng tôi nói được. Nói cách khác là giữa hai âm thanh, nếu như không có khoảng rỗng thì không ra từ ngữ nào hết. Mặc dù tôi nói nhanh hay nói chậm, giữa tiếng nhanh tiếng chậm có cái ngắt là khoảng không đó. Cái có và không lồng bóng trong nhau.

Ví dụ tại chúng ta nếu đưa vào kính hiển vi rọi lên mấy ngàn độ, thì người ta thấy có khoảng rỗng và có các tế bào. Mắt thường chúng ta thấy tế bào khít nhau không có chỗ hở, nhưng kính hiển vi phóng đại ra sẽ thấy có và không lồng bóng trong nhau. Cho nên nó mới vận hành những chất, những nước, những khí theo dòng tuần hoàn máu đi khắp thân. Chúng ta nhìn thân cây nó rất là cứng chắc, thế mà từ dưới rễ sâu nhất nó có thể đưa dinh dưỡng tới cái đọt trên cùng, là nó đi bằng cách nào? Từ lá nó quang hợp hấp thu qua màng khí khổng để nuôi cây. Rõ ràng nếu cây đó đặc cứng thì nó sẽ không lưu thông được như vậy.

Giữa cái có và cái không nếu mắt mình nhìn thì nó hiện tướng như vậy, rồi nó mất là thành không. Nhưng người có trí họ thấy cái này nó không có tướng. Cách đây nhiều năm chúng tôi có nói các nhà khoa học lấy phân tử kim cương đưa vào máy gia tốc, họ đo được dao động của phân tử kim cương nhanh bằng

mười lữ thừa mười vận tốc ánh sáng. Vận tốc ánh sáng là 300,000 km/s (*ba trăm ngàn km trên giây*), tức là mình chỉ chớp mắt một cái không biết ánh sáng đi bao nhiêu cây số rồi, vậy mà dao động phân tử kim cương nó còn nhanh gấp mười lữ thừa mười lần.

Do đó, chúng ta mới hiểu lại về vật chất, khi chưa thành hình nó còn ở khoảng giữa hư không thì nó dao động rất chậm, khi nó thành hình rồi vận tốc dao động nhanh hơn một chút. Phân tử khí dao động chậm hơn phân tử nước. Phân tử nước dao động chậm hơn phân tử dầu. Khi phân tử dầu đông đặc hơn nó sẽ dao động chậm hơn phân tử vật chất mềm hơi sệt. Từ vật chất hơi sệt tới vật chất cứng là phân tử dao động càng nhanh hơn. Vật chất càng cứng chừng nào phân tử dao động càng nhanh chừng đó nên chúng ta không thấy kẽ hở của nó, đó là vật chất kim cương.

Nếu tìm ra được nguyên lý này, người ta chế được loại máy để họ có thể kiếm ra được kim cương bằng những vật thường. Ví dụ như than đốt cháy họ tìm ra được hoạt tính đó chế ra được kim cương, hoặc sắt cũng có thể tìm cách chế ra được kim cương. Nói điều này người ta nói mình tưởng tượng, nhưng sự thật tiên sinh G. Ohsawa dựa trên nguyên lý Dịch tức là sự biến động chế ra được kim cương. Nếu ai có đọc “Triết thuyết G. Ohsawa” tập một, hai, ba sẽ thấy Tiên sinh lý

luận về cách chế kim cương. Công thức đó đã được ông Mitsukoshi bán với giá rất đắt và thành công. Như vậy cái dịch động đó nó tùy theo mức độ vận tốc nhanh hay chậm của nó, để kết thành một loại vật thể cứng hay mềm. Dao động nhanh chừng nào thì vật thể càng cứng và bền chừng đó. Dao động chậm chừng nào thì vật thể đó tuổi thọ càng ngắn và mong manh chừng đó. Ngược lại đến mức độ dao động chậm, mong manh, thưa thớt chừng nào, thì nó lại càng tồn tại lâu dài nhất không ai phá vỡ được.

Ở mặt vật chất dao động nhanh thật nhanh thì nó trở thành cái gì cứng thật cứng, dao động vật chất chậm thì nó sẽ thành mềm hơn một chút. Đến mức độ nó trở lại trạng thái dao động thật chậm, thì nó sẽ trở thành cái gì bền lâu, tới mức độ chúng ta thấy rằng gần như không còn dao động nữa thì nó chính là cái thật. Với mắt phàm chúng ta thấy nó gần như không dao động thì cái đó cực dao động.

Chúng ta tưởng tượng đứng trước một tấm kiếng lớn hình cầu, nếu chúng ta đứng xa hình cầu thì hình chúng ta nhỏ, đứng gần thì hình chúng ta bắt đầu lớn dần. Nếu chúng ta đứng thấp hơn hình cầu thì chúng ta càng nhóng nhóng lên thấy bóng mình càng cao lên so với hình cầu, nhưng nếu đầu chúng ta qua hình cầu rồi thì đầu chúng ta cúi xuống, nếu chồm nữa thì đầu

chúng ta sẽ bị cảm xuống. Chúng ta hiểu ví dụ này không?

Với tấm kính đứng, mình nhìn thì khi đầu qua khỏi kính hình nó mất, nhưng kính hình bầu dục nếu đầu chúng ta thấp thì nó vẫn còn rọi để thấy bóng, nhưng khi đầu mình nhón khỏi hình cầu thì bóng nó sẽ hiện cái kiểu cong ngược trở xuống. Thành ra cái gì chúng ta thấy trước mắt nó lên cao nhưng thực sự nó đi xuống, thấy trước mắt nó là có nhưng thực sự nó là không. Khi hiểu hết mọi chuyện rồi, người ta thấy không có cái gì thật có ở cuộc đời này. Và cái có này nó có trên nền tảng **không** kia.

Ví dụ, chúng ta đàn một bản nhạc, một người khéo sử dụng các loại âm thanh tương ứng với nhau, phù hợp và có khoảng ngắt hợp lý thì mới thành bản nhạc. Nếu kéo dài một cái rờ rờ, không có khoảng ngắt thì nó không thành một bản nhạc. Giữa hai âm thanh nếu không có khoảng rỗng thì không thành âm thanh. Cho nên tất cả những cái hiện tượng đều hiện trên cái tướng **không**. Nhưng tướng **không** này không phải là tất cả những cái hiện tượng kia. Phần này Đức Phật muốn nói ý đó.

Cái hiện tượng mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp là hiện tượng trên cái **không**, nhưng **không** này không phải những cái đó.

Không phải là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, nhưng không phải là không có là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Chúng ta phải hiểu có một cái không phải là có, không phải là không, nhưng ở nơi có nó cũng có, ở nơi không nó cũng có, đó là cái **không** mà Đức Phật muốn nói. Đừng nghĩ không có ngũ uẩn; không có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp rồi là không luôn. Người hiểu như vậy không thành không nổi mà thành có. Có cái không có. Chúng ta có một cái không để chúng ta an trú, thì cái không đó là cái không mà chúng ta được thiết lập mới trong tâm thức của mình.

Còn cái **không** mà Đức Phật muốn nói ở đây không phải là không có, cũng không phải là không không có. Không phải có, không phải không, không phải là chẳng phải có, không phải là chẳng phải không, không phải là chẳng phải chẳng có và không phải là chẳng phải chẳng không. Gọi là “lý tứ cú”, nghĩa là lia bốn đầu của lý luận và “tuyệt bách phi” là một trăm thứ chẳng phải.

Đức Phật muốn nói, cái **không** hiện hữu ngay tại đây và bây giờ, cái **không** đó nó không phải là ngũ uẩn, không phải là lục nhập, không phải là thập nhị nhập, không phải là thập bát giới. Cái **không** mà không phải sắc, không phải thọ, tưởng, hành, thức; không phải

những cái mà chúng ta có thể nhận biết được. Nếu những cái tâm thức có thể nhận biết được, thì cái đó không phải cái **không** mà Đức Phật muốn nói.

Nếu cái gì mà tâm thức chúng ta có thể định nghĩa được, có thể khái niệm được, có thể khẳng định được, có thể phủ định được, có thể hiểu biết, hoặc nắm được, xúc chạm được, những cái mà thân tâm này có thể chạm tới được bằng cái tri thức nhỏ nhiệm như, cái đó cũng không phải là cái **không** Đức Phật muốn nói.

Không có vô minh cũng không có hết vô minh, cho đến không có già chết cũng không có hết già chết; không có Khổ, Tập, Diệt, Đạo, không có trí huệ cũng không có chứng đắc.

Trong cái **không** này nếu chúng ta còn có si mê lầm lạc, còn có sống sai lầm để tạo tội, tạo nhân quả xấu để tiếp tục trầm luân sanh tử thì gọi là vô minh. Và sau khi giác ngộ rồi thì hành giả sống bằng trí tuệ Bát Nhã thấu triệt Chân lý, hoà nhập vào Bồ Đề Tự Tánh thanh tịnh, vượt thoát mọi lầm mê trong sanh tử là chúng ta hết vô minh.

Nhưng ở đây có vô minh và hết vô minh cũng không có trong cái **không** này. Cho tới sanh, lão, bệnh, tử cũng không có trong cái **không** này. Không có Tứ Đế là Khổ đế, Tập đế, Diệt đế, Đạo đế trong cái **không** này. Không có trí huệ, cũng không có chứng và không

có đặc. Tức là từ cái làm mê sanh tử luân hồi cho đến trí huệ chứng đắc cũng không phải là cái **không** đó, thì chỗ này hết đường để tu tập. Bây giờ chẳng lẽ chúng ta tu để hết chúng hết đặc, nhưng nếu chúng ta không dám buông cái sở đắc này, thì chúng ta cũng chẳng hiểu Bát Nhã là gì.

Vì không có chỗ được, nên Bồ Tát y theo Bát Nhã Ba La Mật Đa tâm không ngăn ngại. Vì không ngăn ngại nên không sợ hãi, xa hẳn điên đảo mộng tưởng, đạt đến cứu cánh Niết Bàn. Chư Phật trong ba đời cũng nương Bát Nhã Ba La Mật Đa được đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Đức Phật lý luận để chúng ta thấy cái **không** mà Đức Phật muốn nói ở đây là “*không có thân tâm, không có cảnh giới, không có vô minh, không có giác ngộ, không có sinh lão bệnh tử, không có Tứ Diệu Đế, không có chúng, không có đặc*”, thì người ta lại sinh nghi bản Kinh này. Tại vì sao? Vì chúng ta tu học bình thường thì Tứ Diệu Đế là nền tảng căn bản tu hành, bây giờ Bát Nhã phủi luôn, thì bản Kinh này có phải là bản Kinh gốc của đạo Phật không, hay là bản Kinh của ngoại đạo?

Đây là vấn đề người ta sẽ đặt lại. Vì những lý do đó nên hệ thống Nguyên Thủy không chấp nhận bản kinh này. Không có bản Kinh nào không lấy Tứ Diệu

Đế làm nền tảng căn bản tu hành, mà kinh Bát Nhã là không luôn Tứ Diệu Đế, không luôn sở chứng sở đắc, mình có dám chấp nhận cái **không** này không? Khi hiểu Bát Nhã rồi, thì chúng ta mới hiểu tại sao Đức Phật nói không có Tứ Đế, không có chứng và không có đắc. Tới lúc đó chúng ta sẽ hiểu. Khi chúng ta thể nhận được cái **không** này rồi, thì mới thấy rõ ràng trong cái **không** này nó có đầy đủ tất cả những cái kia.

Đừng nghĩ không có là rỗng không, không có gì hết. Một bậc giác ngộ ở trong cái **không** này nói Bát Nhã, ở trong cái **không** này nói Tứ Diệu Đế. Những lý luận trong Tứ Diệu Đế là sau khi Đức Phật thành đạo Đức Phật mới nói ra, tức là Đức Phật nhập trong cái **không** tự Tánh mệnh mông đó mới xuất ra Tứ Diệu Đế, cho nên Tứ Diệu Đế cũng là hiện tướng của cái **không** đó. Vì vậy, nói không có cái đó nhưng vẫn có cái **không** kia. Có cái **không** kia thì có đầy đủ tất cả mọi cái.

Lý luận đó không theo chiều đi tới, không phải đi lui, không phải là thuận, không phải là nghịch. Xưa nay chúng ta quen học đạo theo kiểu một với một là hai, thì chúng ta sẽ bị lúng túng với lối lý luận này, khiến chúng ta sinh hiểu lầm về Đức Phật. Hệ thống Kinh điển từ Nguyên Thủy tới Đại Thừa phát triển Phật giáo đều nương trên nền tảng Tứ Diệu Đế, tới đây bị quét

sạch, ít ra mình cũng phải chứng cái gì, đắc cái gì, phải được cái gì, đặng này không chứng, không đắc, vì sao? Vì không có thân, không có tâm, không có ngã, không có pháp thì ai chỗ này để chứng, để đắc?

Phút chốc hành giả chạm được tới cái **không** này, phút chốc đó không có cái gì hết, nếu ai cảm nhận được mình đã nhận đạo rồi, ai tự có khái niệm nhỏ nhiệm nhứt nơi tâm mình chỗ này là đạo để mình nhận, mình được, mình đến, mình đã chứng, mình đã đắc thì còn nguyên bản ngã. Ai ở đó để chứng? Đây là câu nhắc nhở hết sức khéo léo, câu dạy dỗ hết sức tinh tế của Đức Phật về chỗ đến của công phu tất cả chúng sanh, mà chỉ có bậc trí tuệ mới có thể tương ưng thông cảm câu nói này, còn nếu không chúng ta sẽ hiểu lệch ý Đức Phật.

Đặt câu hỏi ngược lại chúng ta sẽ thấy sai chỗ này liền. Chính cái **không** này là thân ngũ uẩn, chính cái **không** này là thập bát giới, chính cái **không** này là Tứ Diệu Đế, chính cái **không** này là cái chứng và đắc. Khi đến cái **không** này thì người đó được gọi là chứng, chứ không phải bản thân người đó thấy mình chứng. Cho nên lúc nào mình thấy mình còn được cái gì đó, thì giống như chuyện của Tề Thiên mà ngài Ngô Thừa Ân nói tới chỗ này.

Khi con khi bắt đầu học đạo với ngài Tu Bồ Đề, lúc rời Thầy thì Thầy dặn một câu: “*Kể từ ngày hôm nay ta cấm ngươi không được nói ta là Thầy ngươi. Nếu ngày nào ngươi nói ta là Thầy ngươi thì ta sẽ lấy hết bảy mươi hai phép thân thông của ngươi lại*”. Do đó cả đời Tôn Ngộ Không chưa bao giờ có nửa lời dám nói ngài Tu Bồ Đề là Thầy mình. Vì sao? Vì ngài Tu Bồ Đề là đệ tử của Đức Phật, là người ngộ lý **không** đệ nhất. Đã ngộ lý **không** rồi thì không danh, không tướng lấy đâu được gọi là Thầy. Có nghĩa khi hành giả đạt tới cái **không** rồi, là đạt tới cảnh giới không danh không tướng. Thể hiện sự chứng đắc của mình bằng cách hành giả xuống xóa sổ địa ngục, lên đập phá thiên đường, tức là không có tên tuổi ở con đường thiện và không có tên tuổi ở con đường ác, vì đang ở chỗ **không**. Ở chỗ **không** là không thiện và không ác, vượt qua thiện ác. Không cần tu thiện để về cõi trời, hành giả chỉ còn việc là chứng nhập Niết Bàn mà thôi. Không ai đủ sức ngăn cản được người ngộ lý **không**, cõi trời không chịu nổi, vua trời cũng phải cầu thỉnh Phật Quán Âm và Phật Tổ Như Lai. Khi tới chỗ này họ sống ngang nhiên giữa tam giới. Khi đó Phật Tổ Như Lai hiện ra, đưa bàn tay thách đố, Tề Thiên cầm đầu vân bay qua năm đỉnh núi Ngũ Hành Sơn.

Lúc đó tự trong tàng thức của mình nói không có thiện, không có ác, mà thăm sâu vẫn còn sự thao thức

chưa phá vỡ được. Mặc dù là đường thiện không đi, đường ác không bao giờ ngó tới nữa, thiên đường địa ngục đối với mình đã đóng cửa, không cách nào đến địa ngục, không cách nào ghé thiên đường chỉ còn muốn đi ra ngoài tam giới này. Nhưng chuyện phải đi ngoài tam giới có được hay không, đó là vấn đề của hành giả.

Có nghĩa nếu trở lại như như chân thật của chính mình, thì phải thể hiện là tan thân mất mạng. Bàn tay đó dụ cho năm ngọn núi Ngũ Hành Sơn, tức là năm uẩn, buộc hành giả không thiện không ác này phải trả lời cho được một câu cái gì vượt qua năm uẩn giùm ta. Trong lý luận đó Tề Thiên bay cái vèo tới đỉnh cuối cùng của Ngũ Hành Sơn, tức là năm uẩn này vốn là không, đó là cái hiểu của con khi ý thức, nó đủ thấy được năm uẩn này là không rồi, nhưng còn có chỗ thấy không đó cho nên bị vướng lại.

Ngô Thừa Ân diễn tả con khi bay ngút ngàn đỉnh núi Ngũ Hành Sơn, tiểu ở đó một vũng, cột một cọng lông đuôi làm dấu về trình Phật Tổ Như Lai là tôi đã đến. Người chửi khắp thiên hạ này một cách rất ngọt ngào, nhưng rất nhưc đầu. Bây giờ dù là anh ngộ lý **không** nhưng còn có chỗ sở đắc, sở chứng, sở ngộ thì tương đương với vũng nước tiểu và cọng lông đuôi Tề Thiên, không hơn không kém. Mình ngộ tới đâu rồi?

Qua khỏi cọng lông đuôi và vũng nước tiểu của Tề Thiên chưa? Chưa qua khỏi thì tiếp tục ở trong thân ngũ uẩn.

Sau khi bị Phật Tổ Như Lai úp bàn tay xuống, Tề Thiên bị đè dưới năm ngọn núi, chỉ lúc lắc lư cái đầu ra, Đúc Phật chỉ lá bùa dán trên đỉnh Ngũ Hành Sơn, Tề Thiên không còn nhúc nhích được nữa. Tức là lúc đó đã thấy được chỗ kẹt của mình, chưa ra được. Chính bản thân hành giả thấy tận cùng sâu thẳm của thân ngũ uẩn này mình còn cái kẹt, là còn có chỗ chướng đắc này đây. Hành giả quyết tâm lật đổ Ngũ Hành sơn, phút giây đó đối với họ cuộc đời này không còn mùi vị, hết rồi. Trần gian này không còn cái gì thu hút để cho hành giả có thể đắm mê trong đó. Cho nên mới diễn tả là suốt năm trăm năm con khi bị nhốt ăn như ăn hòn sắt nóng, uống như uống nước đồng sôi. Ngũ dục trần gian không còn mùi vị với người đã tới vị trí này. Tâm họ đã bị chết lạng những ái nhiễm và những thương thức thỏa mãn dục lạc cũng hết rồi.

Khi một người đã tắt lịm dục lạc là đạt tới cảnh giới gì? Chỗ này nó vượt hơn Sơ thiên ly sanh hỷ lạc nhiều lắm, rất xa. Đừng nói ở chỗ **không** đó họ đau khổ, họ chỉ có một điều bức bách là phá thân ngũ uẩn này thôi, không còn chuyện khác. Cái bức bách này nếu chúng ta nhìn theo tầm nhìn thế gian là sự ràng

buộc, mà chính ngài Ngô Thừa Ân diễn tả khoảnh khắc này rất hay. Ai công phu tới đoạn này phải nói là quỳ xuống đất mà lạy ngài Ngô Thừa Ân.

Cả ngày lẫn đêm, không phút giây nào trong đời này mà hành giả cảm giác được thoải mái nhẹ nhàng. Ngô Thừa Ân diễn tả hay lắm, lâu lâu có một trái cây lặn tới miệng Tề Thiên để ăn. Món ăn thú vị của cuộc đời con khỉ là trái cây, đó là những phút giây gọi là quên đi công phu một chút, tự mình cảm giác trần gian này là hay, là đẹp, là thú vị trong khoảnh khắc, là lúc đó quên công phu, do công phu mệt mỏi nghỉ xả hơi. Nhưng rồi cũng trở lại là ăn như ăn hòn sắt nóng, uống như uống nước đồng sôi. Đối với người ta đó là sự đọa đày. Ai mà ăn hòn sắt nóng nôi, ai mà uống nước đồng sôi nôi, thế mà Tề Thiên bị năm trăm năm như vậy. Bức bách cho tới tận cùng, đầu bị căng phồng ra như bong bóng, mỗi lúc mỗi căng, sắp sửa nổ tung. Và cổ bị uất nghẹn nuốt không xuống, ngực bị đè nặng không làm sao cho nó trôi, toàn thân không phút giây nào cảm giác thoải mái nhẹ nhàng. Đoạn này hành giả sắp sửa phá vỡ thân ngũ uẩn.

Thành ra nói chuyện tu tập chúng ta vẫn còn nhàn lắm, bất quá mình ngồi kiết già năm bảy tiếng, thậm chí tê chân xả ra nó cũng hết, nhưng chuyện kia nó không hết được. Đôi lúc mình quỳ xuống xin Phật

tha cho con hai giây để con thở ra nhẹ nhẹ, chứ đã vô cái vòng đó rồi có xin Đức Phật cũng không tha. Bức bách, uất ức đến mức nó cứ cuốn mình càng lúc càng sâu trong cái uất đó. Càng lúc nó càng uất, càng lúc nó càng ghen, càng lúc nó càng bết tắc, càng lúc càng thao thức để phá vỡ. Ăn không được, ngủ không được thì mới có hy vọng. Cuộc đời mình không còn chuyện khác để làm, mà làm chuyện khác cũng không được, đó là điều rất lạ.

Hành giả tới đoạn này lùi không được, mà tiến không được, khổ sở vô cùng. Thực sự khoảnh khắc đó nếu là địa ngục mười tám tầng thì phải chịu thôi, không vùng vẫy được. Không thể nào làm được cái gì thêm nữa cho mình trong khoảnh khắc này. Khi chúng ta công phu tới chỗ này là chỗ bức ngặt nhứt cho cuộc đời của mình. Và lúc này tùy phước của mình mà qua hay không. Lúc này nếu có Thiện tri thức khai thị thì mình sẽ rớt vào chân trời Tự Tánh là xong việc, còn không là lưng lửng ở khoảng không này, kéo dài nhiều năm tháng. Giai đoạn này rất cần Thiện tri thức. Chúng ta tới khoảng không nhưng không tiến được, không thối được, muốn lui lại sống theo kiểu thế tục cũng không cách nào để có thể sống được, nhưng tiến một bước nữa cũng bít lối.

Không ai trong thế gian mình có thể chơi làm bạn được. Tiền tài, vật chất, danh vọng, ngủ nghỉ hết đường để mình chơi rồi, cửa kia thì không cách để đi. Khi dụng công tới chỗ này, hành giả mới thấy cuộc đời của một chúng sanh thực sự là khổ. Khổ thật tình, thật tiền không tới đâu, nhỏ lắm, chưa so sánh được một phần tỷ lũy thừa tỷ của người công phu tới đoạn này. Cái bức ngặt đó mình nghĩ chết hàng triệu triệu cái thân này không thể so nổi phút giây bức ngặt đó, dễ sợ như vậy.

Khi công phu chúng ta đến đỉnh điểm, phải nói là thật sự bức ngặt. Bước một bước là bị khóa chặt ở sau lưng, để mình không còn đường rút lui, chỉ còn có việc là tới thôi. Nếu rút lại để tan thân mất mạng, mình dám xả thân để rút lại, nhưng rút lại không được. Lạ lắm! Lúc đó nó như dòng thác cuốn mình càng lúc càng sâu vô hơn.

Bao nhiêu tâm niệm nung nấu của Tề Thiên muốn thoát thân ngũ uẩn động tới A lại da thức, và soi cho tận nguồn vướng mắc của mình là cái gì. Ngay lúc đó tận cùng A lại da thức thấy rõ ràng là mình còn chút sở chứng sở đắc. Đó là lá bùa trên đỉnh Ngũ Hành Sơn. Tận cùng trên đỉnh ý thức mình thấy mình có tới, chỉ vậy thôi, chỉ còn một điểm mình đang tới đó, mình

đang chứng đó, mình đang đắc đó. Còn mình ở chỗ chứng đắc này cho nên mình bị kẹt.

Phút giây đó Tam Tạng xuất hiện, leo lên đỉnh núi gỡ lá bùa giùm Tề Thiên, tức là tận cùng A lại da thức đã thấy sự gút mắc đó và có cách để tháo gỡ. Cái gút mắc cuối cùng của hành giả là chấp cái không, là chỗ sở chứng sở đắc của mình. Cho nên vừa gỡ xong lá bùa đó là Tề Thiên vùng một cái đở Ngũ Hành Sơn liền.

Khi chúng ta thấy tận cùng cái dính mắc vô minh của mình, thì phút chốc đó chúng ta được giác ngộ. Mà phải nằm tận sâu trong đáy A lại da thức, tận cùng cái vi tế vô minh của mình, tận cùng cái vi tế nghiệp hoặc phiền não của mình, nếu mình thấy tận cùng được thì mới gọi là người giác ngộ tận cùng.

Còn tất cả những cái thấy sai lầm trong cuộc sống, người này làm cái này không đúng, người kia làm cái nọ là sai, chỉ là việc phơn phớt bề ngoài không tới đâu, nên không giải quyết được gì. Mình cố gắng sống đúng, sống đẹp ở thế gian để mọi người nhìn vô mình là một biểu tượng đẹp, cũng không giải quyết được gì. Khi chưa soi được tận cùng gốc vô minh sanh tử của chính mình, không có trí tuệ để thấy tận cùng mê lầm đó, thì không phá vỡ thân ngũ uẩn. Cho nên làm sao hành giả phải thấy được đến cái chỗ sâu tận

lầm mê của chính mình, thấy được khởi điểm để dẫn mình đi trong sanh tử luân hồi là cái gì, thì phút đó hành giả vượt thoát sinh tử.

Thấy tận cùng cái vô minh tức là thấy đầu mối của sinh tử, và chỉ có bậc Thánh trí mới đủ sức thấy cái này. Ngay phút chốc thấy được nó là phút chốc tan biến thân ngũ uẩn.

Tứ Diệu Đế là từ Đức Phật nói ra cho nên mình học, mình hiểu, mình tu tập để mình có được cái chứng, cái đắc. Con đường của hành giả tu tập nếu còn gì vướng mắc nơi nội tâm đó là con đường lầm lẫn. Hành giả khi tu tập là phải sạch đi những gì đã có, hiện có và sẽ có. Nhưng khi sạch tất cả những cái đó rồi không phải là mình không còn cái gì, mà mình trở lại cái uyên nguyên của chính mình, trở lại cái nguồn cội ban sơ của chính mình. Khi chưa khởi ra cái có, thì có một cái tạm gọi là **không** theo nghĩa thế gian, nhưng đó không phải là tất cả những cái đang có ở đây.

Chúng ta tạm gọi nó là Tự Tánh, tạm gọi nó là Chân như, tạm gọi nó là Bản giác v.v... Tên đó có thể là Niết Bàn, tên đó có thể là Diệt đế, có thể là Đạo đế, nhưng nó không phải là Diệt đế, không phải là Đạo đế, đó là những từ ngữ gượng lập để nói thôi. Đến cái tận cùng này nó vượt ngoài tất cả các ngôn hành, nhưng vượt ngoài ngôn hành rồi không có nghĩa là nó không

có. Nó có cái ở ngoài tất cả những cái này. Khi chúng ta đã ở trong này rồi, một phen chúng ta phải bước ra. Làm sao tất cả những hành giả học đạo và học kinh Bát Nhã, chúng ta phải tới vị trí vượt ngoài tất cả những cái quen thuộc của tâm thức mình từ xưa tới giờ.

Bây giờ chúng ta thử nhìn lại mình, quý vị thấy toàn là những chuyện quen thuộc, không có gì mới. Chưa bao giờ người nào ngồi đây để nhận biết cái mới. Ví dụ Tứ Đế vừa nghe qua nó trở thành cái cũ với mình. Ngay cả danh từ Phật nghe qua rồi là mới hay cũ. Chúng ta ngồi nghiệm lại nó đều là cái lặp lại của tâm thức. Những cái chúng ta ghi nhận được đều là những cái cũ. Cái **không** mà Đức Phật muốn nói ở đây là cái **không** mới hoàn toàn, không lặp lại. Cái **không** chưa từng có một lần lặp lại, thì nó đâu phải là có, đâu phải là không. Có, không là lặp lại, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp là lặp lại; mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý là lặp lại; Tứ Diệu Đế là lặp lại; chúng đắc là lặp lại. Còn cái **không** này hoàn toàn không phải lặp lại, mà là cái mới mẻ. Khi chúng ta tiếp nhận cái không lặp lại, là chúng ta chạm vào cái **không** mà Đức Phật muốn nói.

Điều này rất dễ áp dụng, ai cũng có thể tu được. Nếu phút giây nào mình lặp lại là biết mình đã sai với chân lý, đừng tiếp tục lặp lại nữa. Mình phải thả mình cho tới mức độ không còn bất kỳ sự lặp lại nào. Và tự

chiêm nghiệm xem trong đầu mình còn lặp lại hay không, nơi tâm mình còn lặp lại hay không. Mình muốn cái gì, mình sẽ làm cái gì, mình sẽ hành cái gì, mình sẽ tu tập cái gì, tất cả những cái đó có phải là sự lặp lại hay không? Nếu tất cả những cái đó đều là sự lặp lại, thì chúng ta thôi đừng tiếp tục nữa. Còn lặp lại thì để cho nó rộng, đừng lặp lại tiếp tục. Chỗ sâu vào bên trong càng lúc càng rộng, càng lúc càng giãn đi sự lặp lại, càng lúc càng mất đi sự lặp lại của chính mình, tới chỗ chúng ta không còn có thể lặp lại nữa. Mình muốn lặp lại cũng không lặp lại được, muốn quay lại lần hai lần ba trong tâm thức không thể được nữa, lúc đó chúng ta tự động trở thành con người mới. Từ đó chúng ta luôn luôn mới. Chính chỗ đó là cái **không** mà Đức Phật muốn chỉ ở đây.

Nếu lặp lại mới có danh từ là Tứ Diệu Đế, lặp lại mới có danh từ là chứng đắc, nhưng chỗ này không phải chứng không phải đắc. Cho nên Đức Phật nói “*Vì không có chỗ được*” là vượt ngoài sở chứng sở đắc, “*nên Bồ Tát y theo Bát Nhã Ba La Mật Đa tâm không ngăn ngại*”. Nếu sống đúng với Bát Nhã thì hoàn toàn không có chứng và không có đắc, không có chỗ được, không có chỗ lấy và không có chỗ bỏ. Chúng ta dùng từ mới trong từng khoảnh khắc này, thì chứng cũng không được, đắc cũng không được. Từng khoảnh khắc nó mới rồi thì mình không kịp làm cái gì, ví dụ mình

thở ra là chuyện mình đang thở. Mình không thể thở mạnh thở nhẹ trong cái đã thở đó được.

Có người nói “*không thể tắm hai lần trên một dòng sông*” cũng có ý nghĩa giống như chuyện này. Tại vì nó luôn luôn chuyển, luôn luôn mới. Sức sống luôn luôn vận hành, cái mới luôn luôn mới, nên chúng ta không lặp lại được. Chỗ đó không nói là ngũ uẩn hay không ngũ uẩn, không nói thập bát giới, không nói Tứ Đế, không nói chúng, không nói đắc.

Khi hành giả tới chỗ không chúng không đắc là chúng ta thực sự tới chứ không phải là hiểu. Đức Phật muốn nói để chúng ta tới cảnh giới này. Tức là tâm thức chúng ta đã tới tầng không còn chúng được, không còn đắc được, không còn tu được, không thể nói là trí hay không trí trong khoảng này, hoàn toàn không thể được nữa.

Học kinh Bát Nhã chúng ta không được quyền hiểu theo kiểu thế gian. Dùng tâm thức mà hiểu về Bát Nhã là làm mờ Bát Nhã. Chúng ta buông cái hiểu đó, để mình có thể tới được chỗ mà mình không tiến, không thoái, không chúng, không đắc thực sự, mình mới thấy rõ ràng giá trị bản Kinh này tới đâu.

Đây là bản Kinh Tâm yếu của tất cả Kinh điển trong đạo Phật. Hành giả tới cảnh giới mà không còn chúng được, không còn đắc được, quý vị thấy là phút

giây đó cuộc đời mình như thế nào? Sâu ở bên trong thì mình có sự an lạc, tại vì không còn bị xao động buồn khổ theo kiểu thế gian nữa, hết rồi.

Trong kiến giải không có chỗ được này, người hành giả ít ra phải nhận được lý vô trụ, nhận được lý vô thường, nhận được các pháp là huyễn, nhận được các pháp là Tự Tánh không. Đó là hành giả tự nhận biết chứ không phải thông qua tri kiến học hiểu. Tất cả những tầng tâm thấy có, thấy không, thấy đúng, thấy sai, thấy hay, thấy dở ở thế gian này nó tự động tắt với mình. Nó nâng mình lên tầng mới của tâm thức không phải là có, không phải không, chúng ta ở chỗ đó chứ không phải mình còn nguyên như cũ mà mình hiểu cái đạo kia. Không phải như vậy, lâu nay tất cả những người tu thiền, những người tu Phật hiểu lầm là mình còn nguyên đó mà cái gì mình cũng hiểu, cho là mình hiểu đạo. Không phải, hiểu thì được nhưng sống với đạo là nghìn trùng xa cách.

Khi đến rồi thì người ta cũng có thể nói một câu không khác gì với người học, nhưng hai người hai trạng thái tâm, hai tầng tâm sử dụng ngôn ngữ khác nhau hoàn toàn. Họ cũng hiểu lạng lẽ thường tri, chấp chỗ lạng lẽ thường tri đó là mình, là đạo. Nhưng người đến chỗ này để nói ra thì đó là người khó kiếm. Tới chỗ này là khó rồi.

Lâu nay học đạo chúng ta thấy lý luận Tự Tánh là bất sanh bất diệt, là lạng lẽ thường tri, là rõ ràng thường biết, tất cả những cái đó là định danh của những người tu Thiên trong giai đoạn rất dài. Minh tu trở lại trạng thái rõ biết như vậy gọi là chánh niệm tỉnh giác, trong đi đứng nằm ngồi là đúng với đạo rồi. Lý luận đó sai thì không phải là sai, nhưng chưa phải, chưa đến. Giống thì thật là giống, nhưng phải thì chưa phải.

Nếu một hành giả tới được chỗ không có chỗ được, và nương theo Bát Nhã Ba La Mật Đa thì tâm người đó không còn ngăn ngại nữa. Tất cả chuyện thế gian có không, hay dở hoàn toàn không còn có sự ngăn ngại, đạt đến chỗ trong kinh Hoa Nghiêm nói lý vô ngại, sự vô ngại, lý lý vô ngại, sự sự vô ngại. Khi một người đạt chỗ vô sở chứng, vô sở đắc thì vô sở cầu, vô sở ngại thì tất cả mọi điều không còn ngăn ngại hành giả đó. Khi không còn ngăn ngại thì không còn sợ hãi, hết đi những điên đảo mộng tưởng của cuộc đời, đạt đến cứu cánh Niết Bàn.

“Viễn ly điên đảo mộng tưởng cứu cánh Niết Bàn”. Hồi nhỏ mình tưởng tượng tết nay mình sẽ mặc bộ đồ rất đẹp, nó sẽ làm chúng ta rất hạnh phúc. Nhưng chưa tới tết, bộ đồ may để sẵn rồi chưa mặc, chúng ta tưởng tượng khi mặc vào cảm giác lạng lạng và chờ

đợi ngày đó, gọi là mộng tưởng của mình. Nhưng khi chạm sự thật mặc bộ đồ đi ra, mình thấy mình cũng vậy đâu có thêm bớt cái gì, đó mới gọi là xa rời mộng tưởng.

Bây giờ trong cuộc đời của mình còn có cảm nhận nào mà mình tưởng tượng đó là ngon lắm, là hạnh phúc lắm, là an lạc lắm, là chúng ta dựng lập cảnh giới an lạc cho chính bản thân mình để mình sắp sửa tới, mình sắp sửa đạt, mình sắp sửa được cái mà mình luôn mong chờ. Như mình tưởng chết rồi mình sẽ đi đâu đó, cảnh giới đó sẽ đẹp hơn bây giờ, an lạc hơn, đó là mộng tưởng điên đảo. Còn mộng tưởng điên đảo đó thì chắc chắn không đạt tới cứu cánh Niết Bàn. Hành giả phải vượt qua không còn sợ chúng, không còn sợ đắc, và phải sống đúng với Bát Nhã để tâm hoàn toàn không còn ngăn ngại với bất kỳ điều gì trên cuộc đời này.

Có những cảnh giới thuận đến với mình là chuyện mình phải làm, phải giữ mình được thanh tịnh, phải làm sao đối với mình cái gì cũng thanh tịnh, cái gì cũng đúng, cái gì cũng đẹp. Càng tu thì càng thanh tịnh, tìm người thanh tịnh, tìm cảnh giới thanh tịnh, cái gì cũng thanh tịnh thì mình cảm thấy bình an. Nhưng bữa đó không có chỗ như mình muốn, ngủ thì không có giường, không có chõng, không có chiếu, không có mái che, không có những cái mà mình muốn từ trước tới

giờ, thì lúc đó mình ra sao? Coi chừng bị mất thanh tịnh, tức là chúng ta có cái ngại với đời sống thân tâm này.

Một bữa ăn theo thói thường mình phải ăn như vậy, nhưng bữa nay ăn thức ăn không đúng theo ý mình, lỡ một bữa thì được, nhưng bữa thứ hai thứ ba là bắt đầu khó chịu và bất an xảy ra với mình. Đó là những chuyện nhỏ của từng bữa ăn bữa uống. Bây giờ mình đang sống trong giàu sang nhung lụa, giàu có tốt bậc muốn cái gì có cái đó, tự nhiên mất hết không còn trong tay cái gì, thì mình làm sao? Lúc đó ngại hay không ngại? Sẽ có ngại, mà có ngại là chưa phải. Đây là điều rất khó. Tu thường thường mình có thể bỏ qua năm triệu, mười triệu, hai ba tỷ bình thường lắm, nhưng tất cả gia sản sự nghiệp trắng hết, không còn cái gì mình có thể nắm bắt được, thì lúc đó mình ra sao? Có thật sự vô quái ngại chưa? Tất cả những dựng lập của mình nó sụp đổ hết trong khoảnh khắc, những hoài bão, những ước vọng mình gây dựng cả đời bây giờ không còn nữa, lúc đó ngại hay không ngại?

Cho nên tìm một hành giả vượt qua ngũ uẩn sống thực sự vô quái ngại, có cũng như không thì không dễ tìm. Mà không đến cảnh giới này thì chúng ta làm gì tới Niết Bàn. Nếu không tới cảnh giới này thì chúng ta sẽ còn khủng bố, tức là còn sợ hãi và còn mộng tưởng.

Chúng ta ước mơ được làm cái này, được làm cái kia, nhưng tất cả những ước muốn của chúng ta bị gãy đổ hết, chúng ta không làm được cái gì, bế tắc hoàn toàn thì chúng ta làm sao, có an tâm nổi không? Khó lắm phải không? Bây giờ mình đang mạnh khỏe như thế này, tự dung một thoáng chốc thôi toàn thân bị tê liệt hết hoạt động, hết nói năng, không làm gì được, đi không được, đứng không được, nằm một chỗ, ngại hay không ngại? Tới lúc đó sẽ trả lời.

Nếu thực sự tới chỗ đó mà mình hoàn toàn không ngại thì đó là đạo mà mình đã tới. Đã tới chỗ vô ngại rồi thì có cũng như không, còn hay mất đối với mình cũng như vậy, mình không được quyền lay động. Vẫn an nhiên tự tại trong tất cả các tình huống thuận nghịch của thế gian này, người đó mới thực sự vô quái ngại. Nói thì nói vậy chứ đừng chuyện là ngại hay không ngại sẽ rõ. Đây là chỗ hiểu khác với chỗ đến. Nếu đã đến thì không còn bàn, nhưng hiểu thì chắc chắn sẽ không đi đến đâu cả.

Những cảm giác nơi thân và những vui thú trong cuộc đời chúng ta đều là ảo mộng. Chúng ta qua được tầng đó mới nghiệm lại cái rung động, cái khoái khẩu, cái thỏa mãn của mình trong cuộc đời tất cả đều là ảo mộng. Nhưng chưa tới đó chúng ta thấy nó thật và chúng ta thèm khát có được nó. Ăn một miếng ngon nó

cũng là ảo giác tạm thời. Chúng ta thấy cái ảo ngon nó hiện ra nơi lưỡi nhưng nó không phải là cái thật ngon. Và tất cả cảm giác khác nó cũng giống như vậy mà thôi.

Khi nào chúng ta vượt qua khỏi cái ảo này, để biết được sự thật là nó mặn, ngọt như thế nào là chúng ta đến bằng sự thật, chứ không phải ảo giác ngon hay không ngon ở chỗ này nữa. Chúng ta phải vượt qua mộng tưởng này, vượt qua cái ảo để chúng ta sống đến sự thật của tất cả mọi vấn đề, thì nó không còn kèm theo cảm giác, cảm thọ. Nhưng nó lại có cái khác cho mình là một sự an lạc, mà nó không phải là cảm giác cảm thọ của thân tâm, thì người đó mới vượt qua mộng tưởng điên đảo. Người có tu thật sự sẽ nếm mùi, họ sẽ hiểu và thông cảm chuyện này. Đến chỗ này là chúng ta thực sự đến chứ không phải hiểu và lý luận. Hành giả đến đây rồi thì phút giây nào họ cũng an nhiên, tự tại, nhưng không phải là mất hoàn toàn cảm giác. Họ không dùng xài cảm giác theo kiểu thế gian, cảm giác họ tinh tế hơn, sâu lắng hơn, an tịnh hơn, không phải ồn ào náo loạn như trước đó.

Ví dụ tới bữa tiệc mình ăn mới có cảm giác ngon, người kia ăn bữa tiệc của hoàng cung họ cũng cảm giác giống như mình, nhưng họ không dùng xài cảm giác đời thường để thưởng thức nữa. Khẩu vị của họ lúc đó

như cam lồ, không có món nào đối với họ là không ngon. Nhưng cái ngon và cái thưởng thức không phải là cái thọ cảm, nó khác chỗ này xa lắm. Khi một người “*viễn ly điên đảo mộng tưởng*” là họ xa hẳn điên đảo mộng tưởng, vì tất cả những mộng tưởng đều là điên đảo. Khi chúng ta xa hẳn điên đảo mộng tưởng mới thấy cái an tịnh hằng hữu nơi cuộc đời này, còn không là chúng ta bị ảo giác, ảo tưởng gạt mình cả đời.

Chư Phật trong ba đời cũng nương Bát Nhã Ba La Mật Đa được đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Bát Nhã là *không*, cái *không* đó không ngũ uẩn, “*không có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không có Khổ, Tập, Diệt, Đạo; không có vô minh, không có không vô minh, không có chúng, không có đắc*”. Người đó do không tất cả những chỗ được nên xa rời điên đảo mộng tưởng, đạt đến cứu cánh Niết Bàn. Chư Phật ba đời cũng nương vào Bát Nhã, sống bằng Bát Nhã mà chúng được đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tức là đạt cảnh giới hoàn toàn không còn chúng, không còn đắc nữa, thì cảnh giới đó mới gọi là cảnh giới Phật.

Ở đây chúng ta có thể hiểu theo khái niệm: Trong cái *không* đó là không có thân ngũ uẩn, không có tâm,

không có cảnh giới, không có vô minh, không có hết vô minh, không có Khổ, Tập, Diệt, Đạo; không có chứng và không có đắc. Không tất cả những cảnh giới phàm phu thì mới tới cảnh giới Phật. Do không tất cả những cái này mà được đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Những vị Đại Bồ Tát mới đạt được cái *không* này, mới sống bằng Bát Nhã, mới chứng được quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tạm hiểu theo kiểu thế gian là không tất cả những cái phàm phu, mới tới cảnh giới Phật. Nhưng cảnh giới Phật hiện rõ trong tất cả những cái ở thế gian, nếu ở thế gian nào mà nói không có Phật, thì Phật đó bị khiếm khuyết. Nếu chỗ nào Tự Tánh bị lu mờ thì không phải là Tự Tánh thật. Khi đến cảnh giới này họ có cái thấy biết Phật, có cái giác ngộ của chính mình, rõ ràng từ xưa tới nay trong cuộc đời mình chưa bao giờ bị mê lầm. Nhưng lớn lên mình cũng gặp chuyện buồn khổ, cũng mê đắm cái này cái kia, nhìn theo kiểu so sánh phân biệt của tâm thức thì người đó còn đang mê, nhưng đứng vị trí Phật nhìn thì chỗ đó không phải là mê lầm. Cho nên nếu hành giả đạt được Bát Nhã vượt qua những tri kiến thế gian và xuất thế gian thì người đó sẽ chứng được quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Nên biết, Bát Nhã Ba La Mật Đa là đại thần chú, là đại minh chú, là vô thượng chú, là vô đẳng đẳng chú, hay trừ được hết thủy khổ, chân thật không dối.

Nếu ngay ở đây, phút giây này chúng ta không lặp lại lần thứ hai bất cứ chuyện gì thì chúng ta trở lại trạng thái mới nhất, trong khoảnh khắc mới mẻ hiện tiền, quý vị sẽ thấy những giây phút này hết sức nhiệm mầu như một “*đại thần chú, đại minh chú, vô đẳng đẳng chú*”. Vì sao? Vì tất cả những khổ ách tự động biến mất. Ngay khoảnh khắc mới mẻ hiện tiền không có khổ không có vui. Cho nên diệt trừ tất cả khổ ách là sự thật không lường dối của Bát Nhã.

Ngay khoảnh khắc mới mẻ hiện tiền này chính là Bát Nhã. Nếu ai tiếp nhận được, sống được, là sống đúng với Bát Nhã. Khi chúng ta sống đúng với Bát Nhã thì tất cả khổ ách không còn trong tâm mình nữa. Sự thật chúng ta đang ở trong chân trời Bát Nhã, chúng ta không thể nào rời khỏi cái mới mẻ hiện tiền, chúng ta luôn luôn bị mới, luôn luôn ở nơi cái mới. Đang mới là chúng ta đang y theo Bát Nhã Ba La Mật Đa, đang sống bằng Bát Nhã Ba La Mật Đa. Mà Bát Nhã Ba La Mật Đa đang hiện hữu ở đây thì không nói tới chuyện khổ và vui được, không nói chuyện chứng và đắc được, không nói chuyện sanh tử và Niết Bàn được.

Chỗ này muốn nói cảnh giới Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của Chư Phật, muốn nói cảnh an lạc Niết Bàn ngay tại đây. Đó là cảnh giới mới, thì chúng ta đang ở đây mới hít vào một hơi, chúng ta đang mới thở ra một hơi, chúng ta đang mới ngồi đây chứ không phải ngồi một tiếng đồng hồ. Nếu quý vị lui lại một tiếng thì đó là khoảnh khắc thời gian tâm thức chúng ta đặt định và ước lệ. Đó là ảo vọng ảo tưởng của chính mình, chứ sự thật không có phút giây nào cũ với chính mình, không có khoảnh khắc thời gian nào hiện ra ngay tại đây. Chúng ta khéo nhận ra để thấy rằng sự thật Bát Nhã không có khổ vui, nên chúng ta tiêu trừ tất cả khổ ách, nó hay hơn tất cả “*thần chú, đại minh chú*”.

Chúng ta muốn nói trí tuệ Bát Nhã là đại thần chú cũng được, là đại minh chú cũng được, là vô thượng chú cũng được, là vô đẳng đẳng chú cũng được, hay những chú gì cao tột nhất của thần chú thì được nói một câu là Bát Nhã. Cho nên một người đạt ngộ họ không cần sử dụng bất kỳ phương tiện nào. Sử dụng thần chú, ấn chú cũng giống như là chấp tay niệm Nam Mô A Di Đà Phật không khác gì. Nhưng đến đây “*tất cả thần chú, đại thần chú, đại minh chú, vô thượng chú, vô đẳng đẳng chú*” đó đều được ví như Bát Nhã, vì sao?

Vì tiếp nhận được sự thật này thì tất cả “*khổ ách đều tiêu trừ*”, tất cả những mê lầm sanh tử hàng tỷ tỷ kiếp tự động biến mất ngay khoảnh khắc hiện tiền. Tất cả những vô minh tăm tối đều biến mất khi Bát Nhã hiện ra. Những lậu hoặc sanh tử và những hoặc nghiệp sanh tử đã biến mất khi mặt trời Bát Nhã chiếu nơi tâm chúng ta. Chúng ta hiện hữu nơi ánh sáng trí tuệ đó thì không có bất kỳ điều gì có thể che chắn mình được. Cuộc đời còn lại của chúng ta không có phút giây nào phải bị tối tăm lu mờ, đạt tới cảnh giới thật sự bất thối. Đó là cái **không** mà Đức Phật muốn nói trong bản kinh Bát Nhã.

Vì vậy nói chú Bát Nhã Ba La Mật Đa, liền nói chú rằng: Yết đế yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, Bồ Đề tát bà ha.

Nói Bát Nhã là vượt khỏi ngôn ngữ người phàm, vượt khỏi khái niệm của tâm thức, vượt khỏi những tri kiến và hiểu biết của mình. Những tri kiến và hiểu biết không thể chạm tới Bát Nhã cho nên nói là “*Yết đế yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, Bồ đề tát bà ha*”, chứ không có cái nghĩa nào khác.

Nói tóm lại Bát Nhã không phải là cái để chúng ta có thể hiểu tới, không phải là khái niệm, không phải là ước lệ, không phải là khẳng định hay phủ định, đó chính là Bát Nhã. Khi Bát Nhã hiện tiền như thế thì

không có điều gì không tỏ thông. Sự tỏ thông trong từng khoảnh khắc mới mẻ hiện tiền chính là Bát Nhã, lúc nào nơi chúng ta cũng hiện hữu điều này.

Đức Phật muốn nói sự thật cuộc đời chúng ta đang hiện hữu ở đây là một sự thật mới mẻ hiện tiền, không làm sao khác hơn được. Tất cả chúng sanh không thể sống khác hơn sự mới mẻ hiện tiền này được. Tất cả chúng ta đang có mặt ở đây không làm sao khác điều đó được. Chúng ta luôn luôn mới mới mới, không thể lặp lại, không thể cũ, đó là Bát Nhã.

Cả đời chúng ta là như thế, chúng sanh từ ngàn xưa cho tới bây giờ là như thế, chúng ta không còn cách nào có thể làm cho mình cũ, không có thể làm cách nào làm cho mình lặp lại, vì bản thân chúng ta luôn luôn là vô trụ, mà vô trụ là luôn luôn mới, luôn luôn mới mới mới, cái mới này nó không phải thay cái cũ. Đây là điều rất vui, mình nghe nói mới là bỏ cái cũ được cái mới, nhưng đặc biệt nó là cái mới để tiếp cái mới chứ không phải thay cũ. Cả cuộc đời chúng ta luôn tiếp tục lăn trôi trên cái mới này, luôn trôi chảy, rộng lặng, mới mẻ hiện tiền, chúng ta không làm sao khác hơn được. Đó là điều Đức Phật muốn nói trong bản Kinh này.

VI. KẾT LUẬN

Phần đầu Đức Phật nói: “*Khi Bồ Tát Quán Tự Tại hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa, Ngài soi thấy năm uẩn đều không, liền qua hết thấy khổ ách*”. Đến phần kết cuộc Đức Phật nói là: “*Chư Phật trong ba đời và Chư Đại Bồ Tát cũng nương Bát Nhã Ba La Mật Đa được đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác*”. Đây là sự thật không thể thay đổi từ ngàn xưa cho tới ngàn sau.

Bát Nhã luôn luôn tỏ thông mới mẻ hiện tiền trong từng khoảnh khắc của cuộc đời chúng ta, cũng từ ngàn xưa cho tới ngàn sau vẫn không thay đổi. Người nào đủ sức thừa đương cái mới này thì người đó sống bằng Bát Nhã. Khi sống bằng Bát Nhã thì chúng ta luôn luôn mới mẻ hiện tiền, không làm khác hơn được. Nếu có ai làm khác hơn sự mới mẻ hiện tiền này thì sẽ rớt vào thời gian, rớt vào không gian, rớt vào khổ, rớt vào vui, rớt vào sanh tử và rớt vào Niết Bàn.

Nhưng sự thật chúng ta không thể có sanh tử, không thể có Niết Bàn, không thể có chứng, không thể có đắc được, không thể có khổ và không thể có vui. Nếu ngay tại đây chúng ta sống với cái đang mới mẻ

hiện tiền thì tất cả những khổ vui, sanh tử Niết Bàn tự động tắt mất.

Cho nên những khái niệm về khổ, về vui, về sinh tử, về Niết Bàn, đó chính là những khái niệm, những ước lệ của tâm thức không phải là Bát Nhã. Bát Nhã không có những khái niệm khổ, không có những khái niệm vui, không có thân, không có tâm, Bát Nhã chỉ là Bát Nhã, không có tánh và không có tướng trong cái mới mẻ hiện tiền này. Không có tánh là tánh **không**, không có tướng là tướng **không**, Bát Nhã vượt tất cả những so sánh hai bên, tánh và tướng là đã so sánh rồi. Đã đến với Bát Nhã Ba La Mật Đa thì không có ngôn ngữ nào để có thể diễn tả. Khi có ngôn ngữ để diễn tả là chúng ta đã rớt vào phân biệt so sánh. Cho nên bật ngôn ngữ, lìa tất cả nói năng, chỉ là sự hiện hữu tỏ thông mới mẻ hiện tiền này mà thôi.

Chúng ta không kịp định danh, định nghĩa, không được khái niệm, không khẳng định gì, nó là như vậy. Nó mới hiện như vậy, nó là như vậy hiện, chúng ta không kịp làm cái gì cho nó mới cả. Vừa mới đó là chúng ta mới nữa. Cho nên từng khoảnh khắc nhỏ nhiệm hiện tiền mới mẻ này là Bát Nhã, thì cả đời chúng ta bị nhuốm trong Bát Nhã mà chúng ta không hay.

Quý vị ngồi đây có dám chấp nhận mình là Bát Nhã chưa? Nếu quý vị lặp lại được thì quý vị không phải là Bát Nhã. Trong chúng ta ai có khả năng làm mọi chuyện cũ lại một chút không? Không được. Không ai có thể lặp lại chuyện gì cả, tất cả chúng ta đều bị mới. Chúng ta luôn luôn mới, được mới và mãi mãi mới. Cái mới này chính là Bát Nhã. Cho nên mãi mãi chúng ta ở trong Bát Nhã, chúng ta không ở cảnh giới khác được. Nếu chúng ta chấp nhận được cái mới này, sống bằng cái mới này, trải nghiệm được cái mới này, hòa nhập được trong cảnh giới mới này, tức là chúng ta đang sống trong Bát Nhã, đang sống trong Niết Bàn, đang sống trong cảnh giới Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của Chư Phật. Đây là chỗ mà kinh Bát Nhã muốn nói.

Định nghĩa mới: *“Bát Nhã là sự tỏ thông trong từng khoảnh khắc mới mẻ hiện tiền”*. Đó chính là Niết Bàn, đó chính là Như Lai, đó chính là Vô trụ, đó chính là Bất sanh bất diệt, đó chính là Tri kiến Phật, đó chính là Như Lai Tạng Tâm, đó chính là Thường Tại Định, là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Bát Nhã là sự tỏ thông mới mẻ hiện tiền, chính cái mới này là bất sanh bất diệt. Đó là điều Đức Phật muốn nói trong kinh Bát Nhã.

Mong rằng định nghĩa này được mọi người tiếp nhận sâu sắc, để trở thành đời sống linh thông cho tất cả mọi người. Nếu chúng ta tiếp nhận được nguồn sống mới mẻ này, thì không bao giờ chúng ta có thể dừng lại được để khổ. Chúng ta khổ là vì mình không tiếp nhận kịp cái mới này. Cái mới này không kịp khắng định mình và người, có ta có người là hết mới rồi, có ngã có pháp là hết mới rồi. Nếu mình đủ năng lực từng khoảnh khắc chúng ta tiếp xúc với cái mới, thì cuộc đời chúng ta chỉ là mới mới mà thôi, không có gì vương đọng. Người ta có thể chửi một câu mình nghe nặng, nhưng nó qua là mình nghe cái mới rồi. Người ta nói câu gì đó là thành mới rồi. Nói tiếng thứ nhất tới tiếng thứ hai nó cũng mới, tiếng thứ ba cũng mới, tiếng thứ tư, tiếng thứ năm nó đã mới. Và mãi mãi những âm thanh chúng ta nghe đều mới, nó dính đọng lại chỗ nào để mà khổ, mà vui? Muốn khổ cũng không được, đó là Pháp tu gọi là Bát Nhã.

Nếu nói tu Bát Nhã là gì? Chúng ta sẵn sàng trả lời với thiên hạ rằng Bát Nhã là *“từng khoảnh khắc mới mẻ hiện tiền”*. Bát Nhã không thể mờ tối và cũ lại được. Chúng ta có thể định danh Niết Bàn là từng khoảnh khắc mới mẻ hiện tiền. Còn tồn đọng cái gì cũ để khổ đau thì không phải là Niết Bàn. Như Như là không thể thay đổi cái mới nên nó là Như. Nó đang mới thì không ai có thể làm cho nó cũ được. Chính cái

mới này là bất sanh bất diệt đó chính là Bát Nhã. Định danh này chúng tôi thấy rất là vui. Mong rằng mọi người sẽ mới, phải sống được với nguồn sống mới của chính mình trong từng khoảnh khắc còn lại trong cuộc đời, thì cuộc đời chúng ta luôn mới mẻ như xuân.

HẾT

MỤC LỤC

I. LỜI TỰA	6
II. CHÁNH VĂN	8
III. Ý NGHĨA TỰA KINH	12
IV. GIẢI THÍCH TÊN KINH.....	14
V. GIẢI NGHĨA PHẦN CHÁNH VĂN.....	24
1. Năm uẩn	25
2. Hành thâm Bát Nhã.....	46
3. Ngũ uẩn đều không liền qua hết thủy khô ách.....	53
4. Muôn ngũ uẩn giai không phải có thiện căn phước đức nhân duyên lớn.....	71
5. Cảnh giới ngũ uẩn giai không	83
6. Sắc và không đều là Bát Nhã	102
7. Bát Nhã là từng khoảnh khắc mới mẻ hiện tiền.....	122
8. Bát Nhã ly tất cả tướng, tức tất cả pháp.....	141
VI. KẾT LUẬN	181

BẢNG ĐĨA GIẢNG ĐÃ PHÁT HÀNH

- Kinh Hoa Nghiêm (đang giảng)
- Kinh Pháp Hoa
- Kinh Lăng Nghiêm
- Kinh Kim Cang
- Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh
- Tiểu Bản A Di Đà
- Tứ Niệm Xứ
- Tứ Thánh Đế
- Kinh Pháp Cú
- Kinh Thập Thiện
- Kinh Pháp Bảo Đàn
- Kinh Duy Ma Cật
- Lục Độ Ba La Mật
- Thập Nguyên Phổ Hiền
- Bát Đại Nhân Giác
- Kinh Ba Cửa Giải Thoát
- Kinh Phước Đức
- Kinh Vô Ngã Tướng
- Kinh Nhất Dạ Hiền Giả
- Tuệ Trung Thượng Sỹ Ngữ Lục
- Yếu Quyết Tứ Diệu Đế
- Lời Nguyện Thứ 18 Của Đức Phật A Di Đà
- Tứ Nhiếp Pháp
- Mười Bốn Điều Minh Triết
- Yếu Nghĩa Kinh Kim Cang
- Yếu Nghĩa Kinh Pháp Bảo Đàn
- Phương Pháp Tọa Thiền
- Thiền Thư Giãn Và Quán Thân
- Vô Thường – Khổ
- Tham Vấn Phật Pháp
- Mười Hai Lời Nguyện Của Bồ Tát Quán Thế Âm
- Công Hạnh Của Bồ Tát Quán Thế Âm
- Đức Phật Là Bạc Y Vương
- Niệm Phật Thế Nào Để Có Công Đức
- Hạnh Phúc Chân Thật
- Thương Yêu và Tôn Kính
- Thiền Tĩnh Song Tu
- Chữ Tu Trong Đạo Phật
- Vượt Qua Nghiệp Chương Và Tái Sanh
- Tu Tập Và Trị Liệu
- Thân Tâm Không Khác
- Sống An Lạc Chết Siêu Thoát
- Lễ Phật Thành Đạo
- Ý Nghĩa Phật Đản Sanh
- Đạo Hiếu Người Con Phật v.v ...

BẢNG ĐĨA DƯỠNG SINH

- Phương Pháp Dưỡng Sinh (1-9)
- Giải Đáp Câu Hỏi Dưỡng Sinh
- Thai Giáo
- Đề Hoàn Thiện Một Con Người
- Phật Pháp Và Dưỡng Sinh
- Ăn Chay Với Thực Phẩm Ohsawa
- Dưỡng Sinh Phòng Bệnh
- Dưỡng Sinh Hằng Ngày
- Dưỡng Sinh Chăm Sóc Sức Khỏe Cộng Đồng
- Dưỡng Sinh Trong Đời Sống
- Cân Bằng Thân Tâm
- Cân Bằng Âm Dương Trong Ăn Uống
- Nâng Cao Đời Sống Vật Chất Và Tâm Linh
- Nguyên Nhân Bệnh Tật
- Lễ Giỗ Ohsawa 2007-2008-2009-2010-2011-2012-2013-2014-2015-2016-2017-2018 ...

KINH SÁCH ĐÃ IN

- Kinh Pháp Hoa
- Kinh Kim Cang
- Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh
- Vượt Qua Nghiệp Chương Và Tái Sanh
- Tiểu Bản A Di Đà
- Lời Nguyện Thứ 18 Của Đức Phật A Di Đà
- Đạo Hiếu Người Con Phật
- Sống An Lạc Chết Siêu Thoát, ...

Điện thoại: 0251 86 00 258

Di động: 0911 258 258

Email: tykheo.thichtuehai@yahoo.com

Website: www.chualonghuong.org, www.quynguyen.org, www.quynguyen.com